CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

# HỒ SƠ BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

## CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

### ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

MINH TAM
**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM**
ĐỊA CHỈ: SỐ 79C, ĐƯỜNG SỐ 6, KV. THẠNH MỸ, P. CÁI RĂNG, TP. CẦN THƠ
E-mail: ctyxaydungminhtam@gmail.com

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

# HỒ SƠ BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

## CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 181/BHUT
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**CHỦ ĐẦU TƯ**
KT. PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC THỦY LỢI
Nguyễn Văn Hải

**CTY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM**
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
*Nguyễn Hoàng Kha*

MINH TAM
**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM**
ĐỊA CHỈ: SỐ 79C, ĐƯỜNG SỐ 6, KV. THẠNH MỸ, P. CÁI RĂNG, TP. CẦN THƠ
E-mail: ctyxaydungminhtam@gmail.com

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 4302/SNNMT HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

# HỒ SƠ BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

## CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

### ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 781/BCTĐ
Ngày 1 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

| CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM | CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG LỢI<br>BẢN VẼ BÌNH ĐỒ - CẮT DỌC - CẮT NGANG | | | TỈ LỆ :1/200<br>:1/2000<br>HOÀN THÀNH NĂM 2026 |
|---|---|---|---|---|
| **GIÁM ĐỐC** | **CN THIẾT KẾ** | **CN KHẢO SÁT** | **THIẾT KẾ** | **KIỂM TRA** |
| *Nguyễn Hoàng Kha* | *Nguyễn Thanh Giang* | *Bùi Thanh Lương* | *Đỗ Hữu Duy* | *Nguyễn Hoàng Kha* |

MINH TÂM
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
ĐỊA CHỈ: SỐ 79C, ĐƯỜNG SỐ 6, KV. THẠNH MỸ, P. CÁI RĂNG, TP. CẦN THƠ
E-mail: ctyxaydungminhtam@gmail.com

Năm 2026

# BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH

K KH7
K Đôi
K Bà Đầm
K Tư Ký
Kênh Xáng Ô Môn
K Tô Ma
K Mộ t ngàn
K Mương Khai
K Xẻo La
Xã Phong Điền
R Nhum
Cần Thơ
K Cái Tắc
R Sơn
K Chợ
R Vông
K 7
Xã Trường Xuân
Xã Trường Long
Xã Nhơn Ái
K Mương Đình
K Hào Ngọ
K 40
K Kinh Thầy
K Đồng Pháp
K Bờ Đối
K Ô ng Hào
K Trà Ếc h
K Trầu Hộ i
K Năm
Xã Trường Long Tây
K 6500
K 7000
KÊNH KH9
K Đáy
K 1000
K Mộ t ngàn
R Xà No c ạn
Xã Thanh Xuân
Xã Tân Hòa
K 50
K 60
K Hàng Xoài
K 350
K 2500
K R anh
K 450
K 20
R Láng Hầm
R Tầm Vu
Tỉnh An Giang
K Ranh tỉnh
K 3 Thước
K Sáu Thước
K Xáng Xà No
K 3-2
K 5500
K Đồng Lợi - Ngang
K 85
Xã T

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH BIỆN PHÁP THI CÔNG NẠO VÉT KÊNH BẰNG TỔ HỢP XÁNG CẠP + MÁY ĐÀO

### BIỆN PHÁP THI CÔNG ĐOẠN TỪ ((ĐOẠN TỪ K0+000 ĐẾN K0+900; ĐOẠN TỪ K2+000 ĐẾN K4+500))

### BƯỚC 1: THI CÔNG NẠO VÉT ĐẤT LÒNG KÊNH BẰNG XÁNG CẠP, ĐẤT ĐỔ 2 BÊN

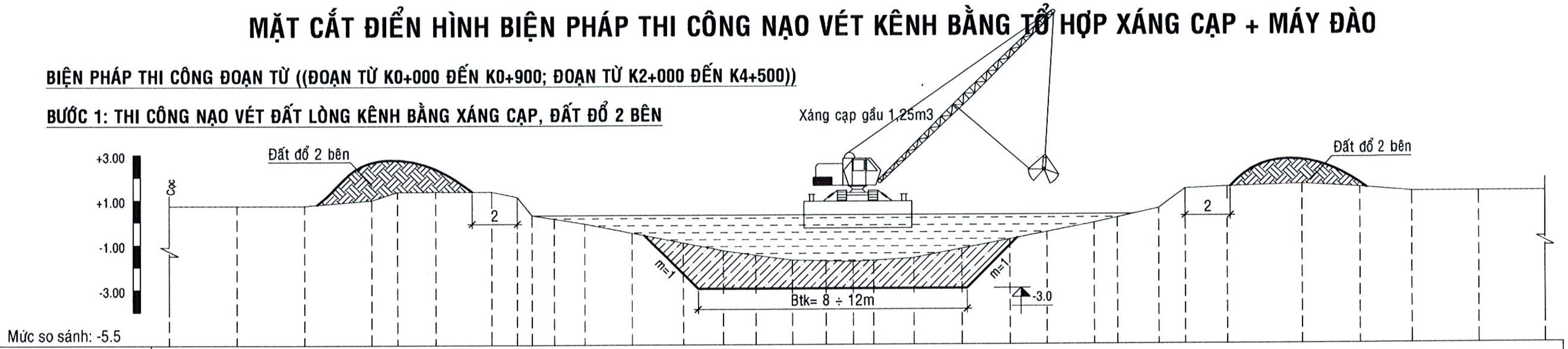


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.73 | | 0.00 |
| +0.73 | 3.0 | 3.00 |
| +0.73 | 3.0 | 6.00 |
| +0.97 | 2.99 | 8.99 |
| +1.34 | 1.14 | 10.13 |
| +1.35 | 1.7 | 11.83 |
| +1.34 | 2.48 | 14.31 |
| +1.10 | 1.13 | 15.44 |
| +0.28 | .65 | 16.09 |
| +0.12 | 0.99 | 17.08 |
| -0.10 | 1.36 | 18.44 |
| -0.52 | 2.12 | 20.56 |
| -0.96 | 2.25 | 22.81 |
| -1.31 | 1.78 | 24.59 |
| -1.52 | 1.46 | 26.05 |
| -1.74 | 1.63 | 27.68 |
| -1.78 | 1.5 | 29.18 |
| -1.81 | 1.22 | 30.40 |
| -1.76 | 0.91 | 31.31 |
| -1.65 | 1.78 | 33.09 |
| -1.24 | 2.15 | 35.24 |
| -0.83 | 2.14 | 37.38 |
| -0.51 | 1.64 | 39.02 |
| -0.11 | 2.1 | 41.12 |
| +0.12 | 1.04 | 42.16 |
| +0.53 | 1.84 | 44.00 |
| +1.40 | 1.19 | 45.19 |
| +1.49 | 1.85 | 47.04 |
| +1.60 | 3.34 | 50.38 |
| +1.45 | 2.59 | 52.97 |
| +1.24 | 2.43 | 55.40 |
| +1.24 | 3.0 | 58.40 |
| +1.24 | 3.0 | 61.40 |

### BƯỚC 2: THI CÔNG SAN SỬA, ĐẮP ĐÊ BAO BẰNG MÁY ĐÀO

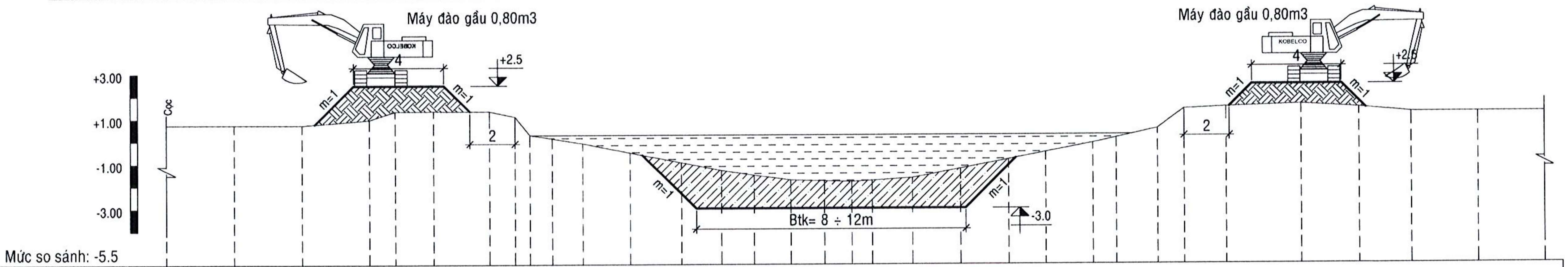


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.73 | | 0.00 |
| +0.73 | 3.0 | 3.00 |
| +0.73 | 3.0 | 6.00 |
| +0.97 | 2.99 | 8.99 |
| +1.34 | 1.14 | 10.13 |
| +1.35 | 1.7 | 11.83 |
| +1.34 | 2.48 | 14.31 |
| +1.10 | 1.13 | 15.44 |
| +0.28 | .65 | 16.09 |
| +0.12 | 0.99 | 17.08 |
| -0.10 | 1.36 | 18.44 |
| -0.52 | 2.12 | 20.56 |
| -0.96 | 2.25 | 22.81 |
| -1.31 | 1.78 | 24.59 |
| -1.52 | 1.46 | 26.05 |
| -1.74 | 1.63 | 27.68 |
| -1.78 | 1.5 | 29.18 |
| -1.81 | 1.22 | 30.40 |
| -1.76 | 0.91 | 31.31 |
| -1.65 | 1.78 | 33.09 |
| -1.24 | 2.15 | 35.24 |
| -0.83 | 2.14 | 37.38 |
| -0.51 | 1.64 | 39.02 |
| -0.11 | 2.1 | 41.12 |
| +0.12 | 1.04 | 42.16 |
| +0.53 | 1.84 | 44.00 |
| +1.40 | 1.19 | 45.19 |
| +1.49 | 1.85 | 47.04 |
| +1.60 | 3.34 | 50.38 |
| +1.45 | 2.59 | 52.97 |
| +1.24 | 2.43 | 55.40 |
| +1.24 | 3.0 | 58.40 |
| +1.24 | 3.0 | 61.40 |

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

### 1. QUY MÔ CÔNG TRÌNH:

- Tổng chiều dài tuyến kênh: L= 8.500 m
- Bề rộng đáy kênh thiết kế: B= 8 ÷ 12 m
- Mái kênh thiết kế: m= 1.0
- Cao trình đáy kênh thiết kế: -3.0m
- Cơ lưu không: Llk>= 2,0m
- Bề rộng mặt bờ bao: B= 4m
- Cao trình bờ bao: +2.5m
- Hệ số mái đắp bờ bao: m= 1,00

### 2. THIẾT BỊ THI CÔNG:

- Xáng cạp gầu 1.25m3.
- Xà lan
- Tàu kéo.
- Máy đào 0.80m3.
- Xáng thổi

### 3. GIẢI PHÁP THI CÔNG:

- Phát hoang dọn dẹp mặt bằng.
- Xác định tim tuyến công trình.
- Lắp đặt biển báo an toàn giao thông thủy bộ.
- Dùng xáng cạp nạo vét đất lòng kênh, đổ đất 2 bên.
- Thi công nạo vét thành nhiều đợt, tránh nạo vét 1 đợt gây sạt lở bờ kênh.
- Đất nạo vét đổ phải đảm bảo cơ lưu không thiết kế.
- Dùng máy đào gầu 0.8m3 san sửa bờ đê theo hồ sơ thiết kế.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4992/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

### 4. GHI CHÚ:

- Kích thước, cao độ ghi trong bản vẽ lấy m.
- Trước khi thi công phải báo cho nhân dân trong khu vực biết để sắp xếp thu hoạch, gieo trồng và đi lại cho phù hợp.
- Khi có vướng mắc cần liên hệ các bên có liên quan để giải quyết.

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BCTT
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chủ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
* THÀNH PHỐ CẦN THƠ *

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH BIỆN PHÁP THI CÔNG NẠO VÉT KÊNH BẰNG XÁNG THỔI

**BIỆN PHÁP THI CÔNG ĐOẠN TỪ K1+000 ĐẾN K1+900; ĐOẠN TỪ K4+600 ĐẾN K8+500**

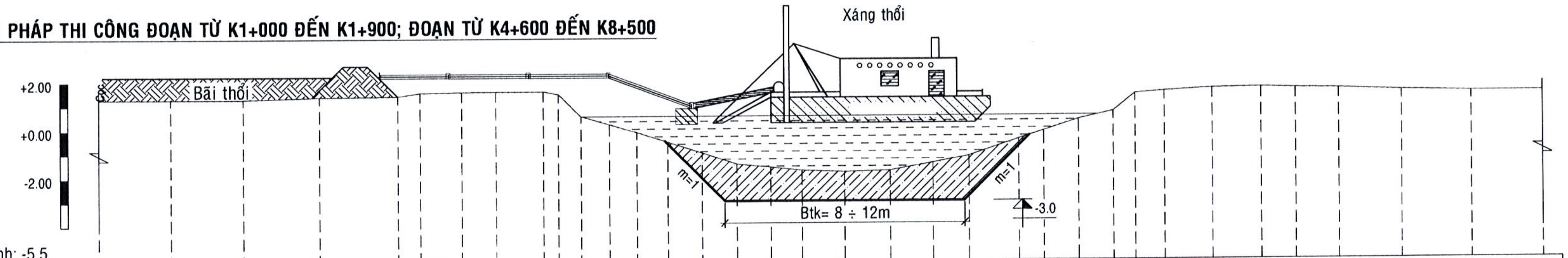


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.30 | 3.0 | 0.00 |
| +1.30 | 3.0 | 3.00 |
| +1.30 | 3.17 | 6.00 |
| +1.39 | 3.26 | 9.17 |
| +1.42 | 0.92 | 12.43 |
| +1.56 | 1.73 | 13.35 |
| +1.59 | 1.42 | 15.08 |
| +1.60 | 1.96 | 16.50 |
| +1.60 | .62 | 18.46 |
| +1.48 | 0.96 | 19.08 |
| +0.55 | 1.17 | 20.04 |
| +0.21 | 1.14 | 21.21 |
| -0.12 | 1.28 | 22.35 |
| -0.53 | 1.45 | 23.63 |
| -0.99 | 1.46 | 25.08 |
| -1.46 | 1.41 | 26.54 |
| -1.60 | 1.28 | 27.95 |
| -1.73 | 1.77 | 29.23 |
| -1.79 | 1.91 | 31.00 |
| -1.74 | 1.79 | 32.91 |
| -1.42 | 1.51 | 34.70 |
| -1.14 | 2.07 | 36.21 |
| -0.44 | 1.03 | 38.28 |
| -0.11 | 1.45 | 39.31 |
| +0.36 | 1.45 | 40.76 |
| +0.69 | 0.91 | 42.21 |
| +1.42 | 1.22 | 43.12 |
| +1.52 | 1.99 | 44.34 |
| +1.63 | 2.04 | 46.33 |
| +1.66 | 1.44 | 48.37 |
| +1.62 | 1.79 | 49.81 |
| +1.60 | 2.64 | 51.60 |
| +1.51 | 3.0 | 54.24 |
| +1.44 | 3.0 | 57.24 |
| +1.44 | | 60.24 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

### 1. QUY MÔ CÔNG TRÌNH:

- Tổng chiều dài tuyến kênh: L= 8.500 m
- Bề rộng đáy kênh thiết kế: B= 8 ÷ 12 m
- Mái kênh thiết kế: m= 1.0
- Cao trình đáy kênh thiết kế: -3.0m
- Cơ lưu không: Llk>= 2,0m
- Bề rộng mặt bờ bao: B= 4m
- Cao trình bờ bao: +2.5m
- Hệ số mái đắp bờ bao: m= 1,00

### 2. THIẾT BỊ THI CÔNG:

- Xáng cạp gầu 1.25m3.
- Xà lan
- Tàu kéo.
- Máy đào 0.80m3.
- Xáng thổi

### 3. GIẢI PHÁP THI CÔNG:

- Phát hoang dọn dẹp mặt bằng.
- Xác định tim tuyến công trình.
- Lắp đặt biển báo an toàn giao thông thủy bộ.
- Dùng xáng cạp nạo vét đất lòng kênh, đổ đất 2 bên.
- Thi công nạo vét thành nhiều đợt, tránh nạo vét 1 đợt gây sạt lở bờ kênh.
- Đất nạo vét đổ phải đảm bảo cơ lưu không thiết kế.
- Dùng máy đào gầu 0.8m3 san sửa bờ đê theo hồ sơ thiết kế.

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BCTT
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: ...
Chữ ký: ...

Vũ Hoàng Trung

### 4. GHI CHÚ:

- Kích thước, cao độ ghi trong bản vẽ là m.
- Trước khi thi công phải báo cho nhân dân trong khu vực biết để sắp xếp thu hoạch, gieo trồng và đi lại cho phù hợp.
- Khi có vướng mắc cần liên hệ các bên có liên quan để giải quyết.

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

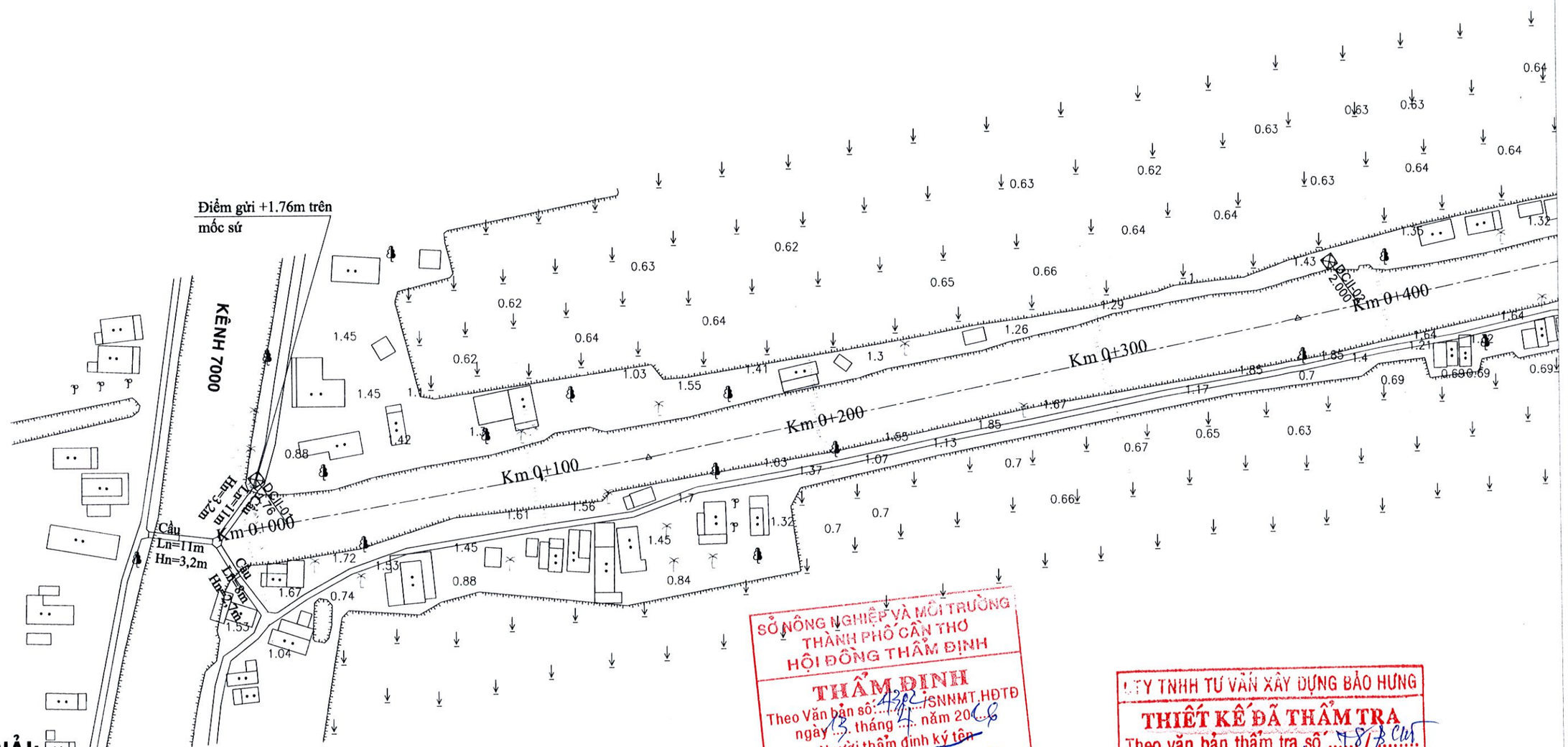


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 4282/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 11 năm 2006
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số ...7812/CLT...
Ngày 6 tháng 12 năm 06
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký:.....
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

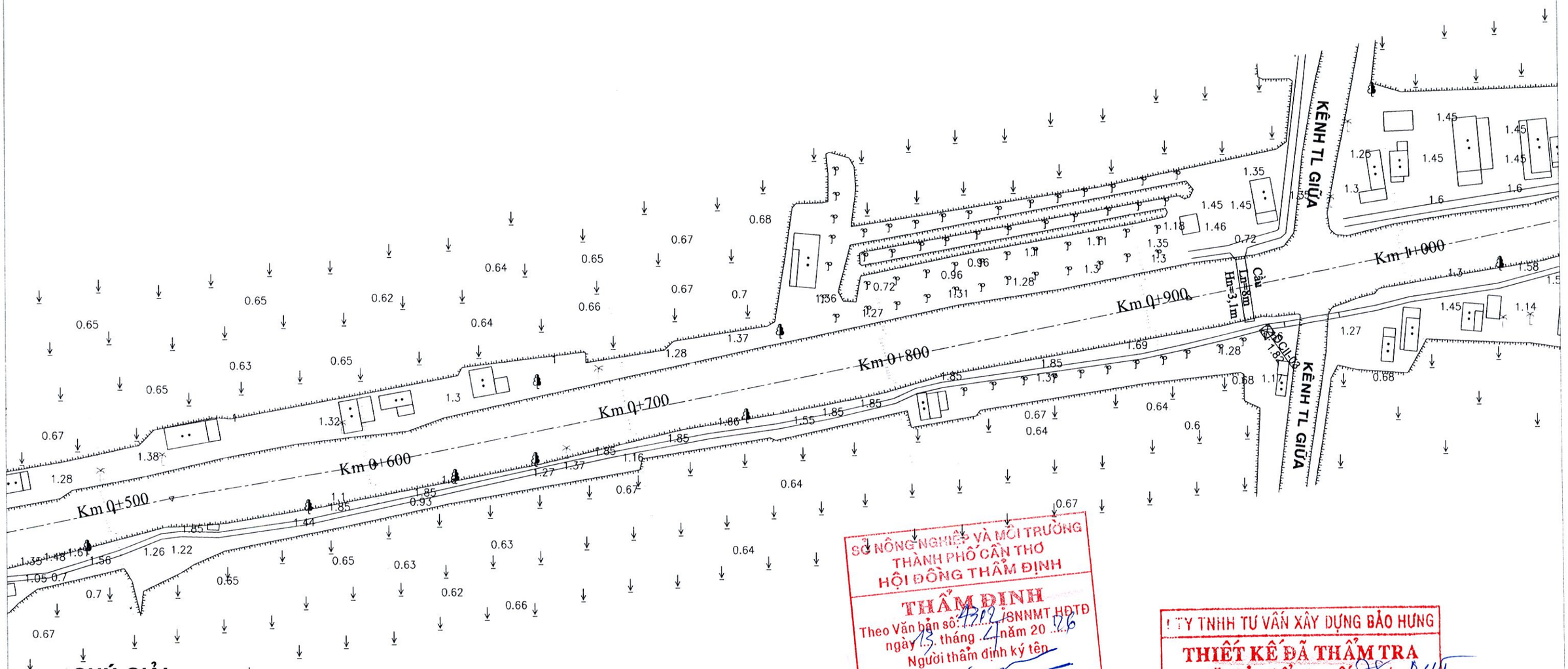


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 4312 /SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 38 / BHH
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1601622163 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

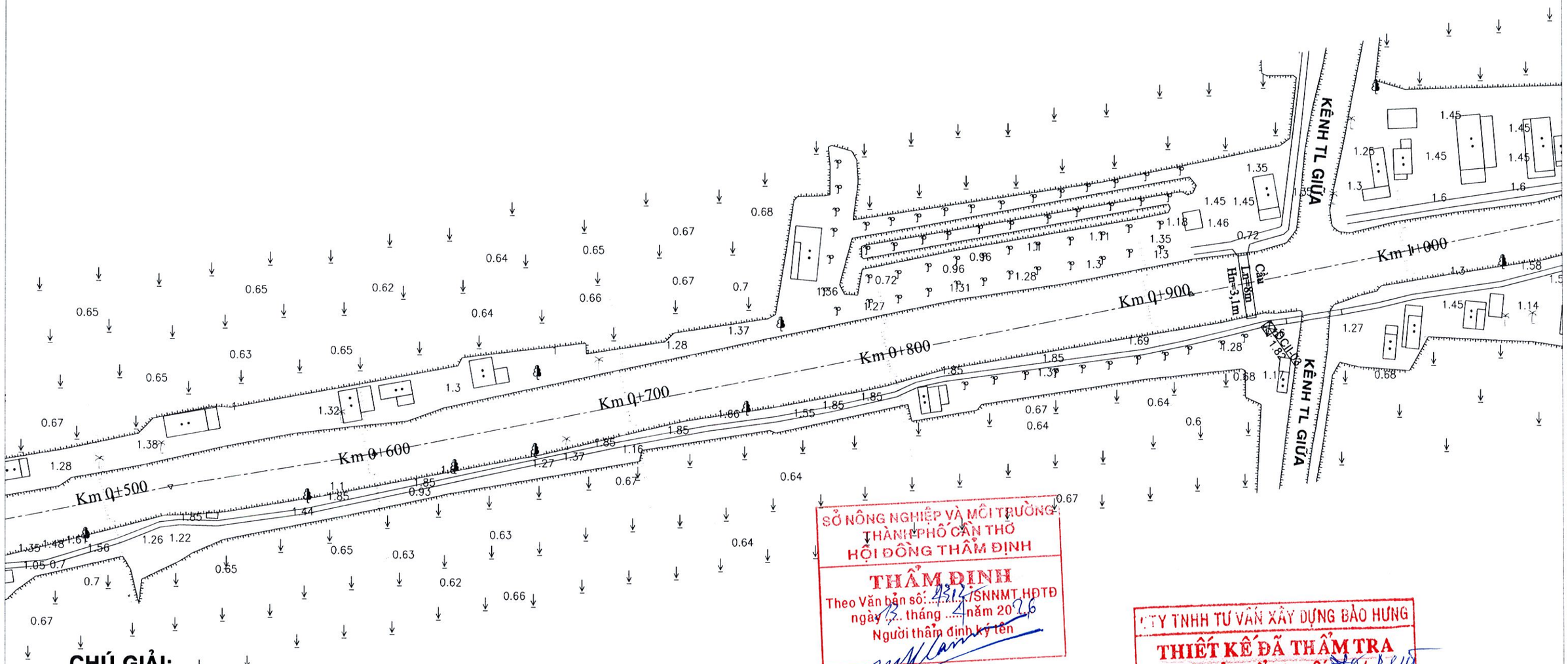


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4513/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHH
Ngày 9 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

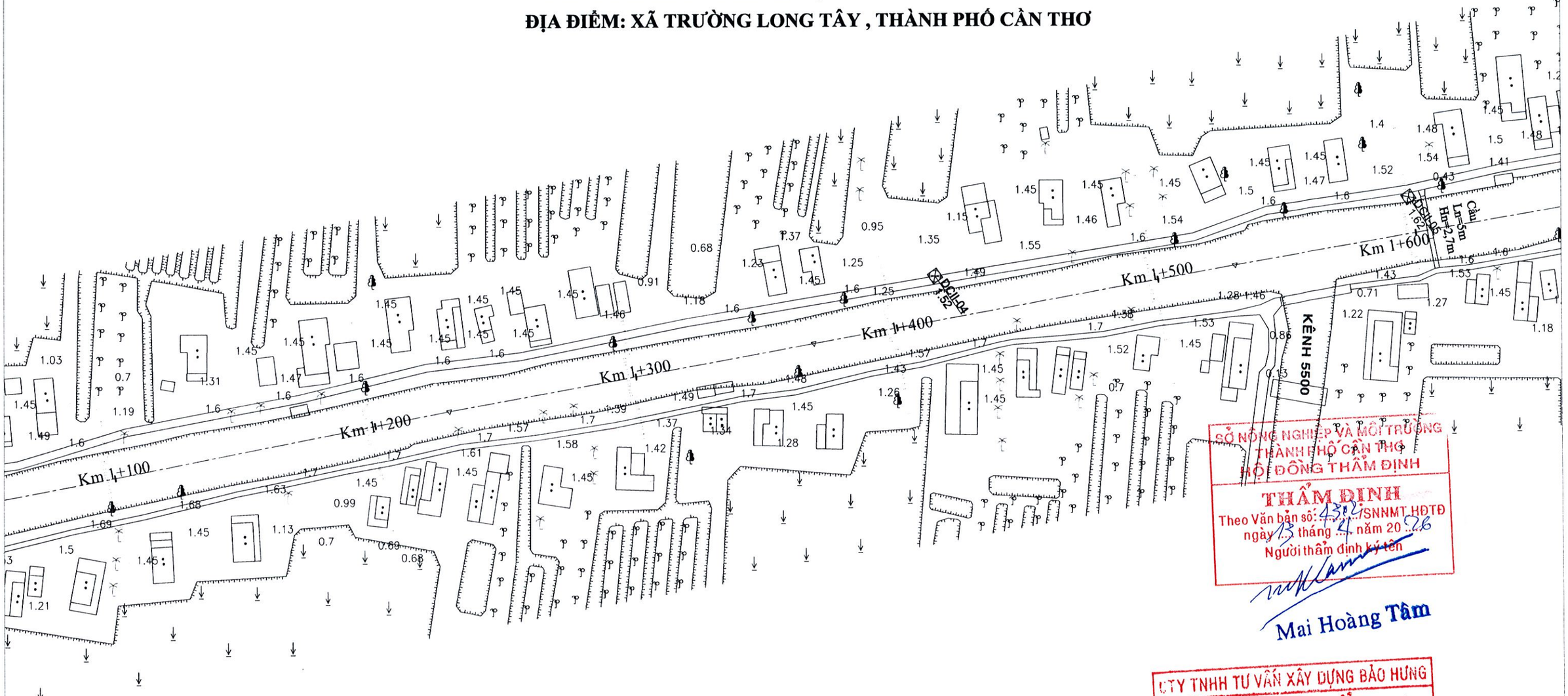


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 432/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 01 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...78.1/BCTT
Ngày 6.... tháng ..01.. năm ..2026
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký: .....

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1601622163 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

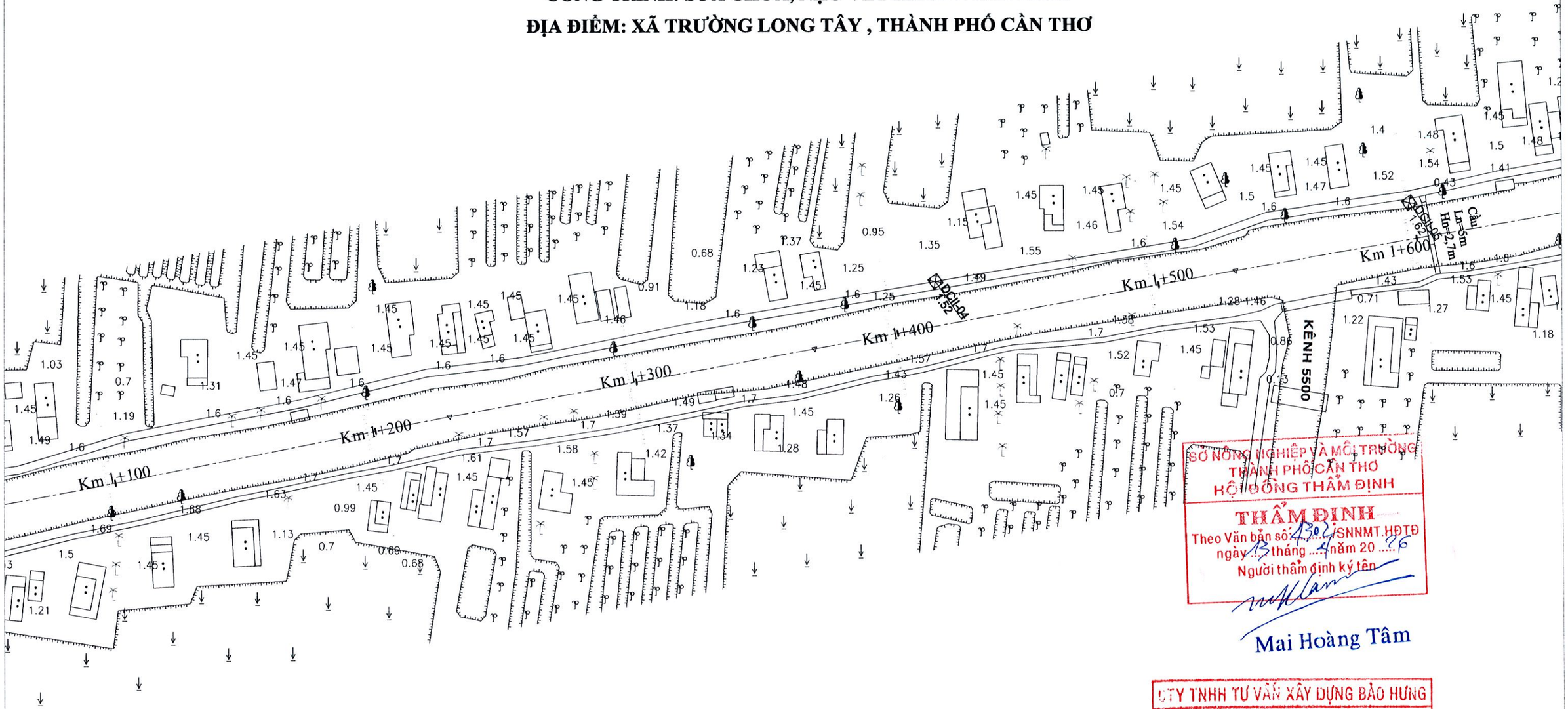


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHTK
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.I.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

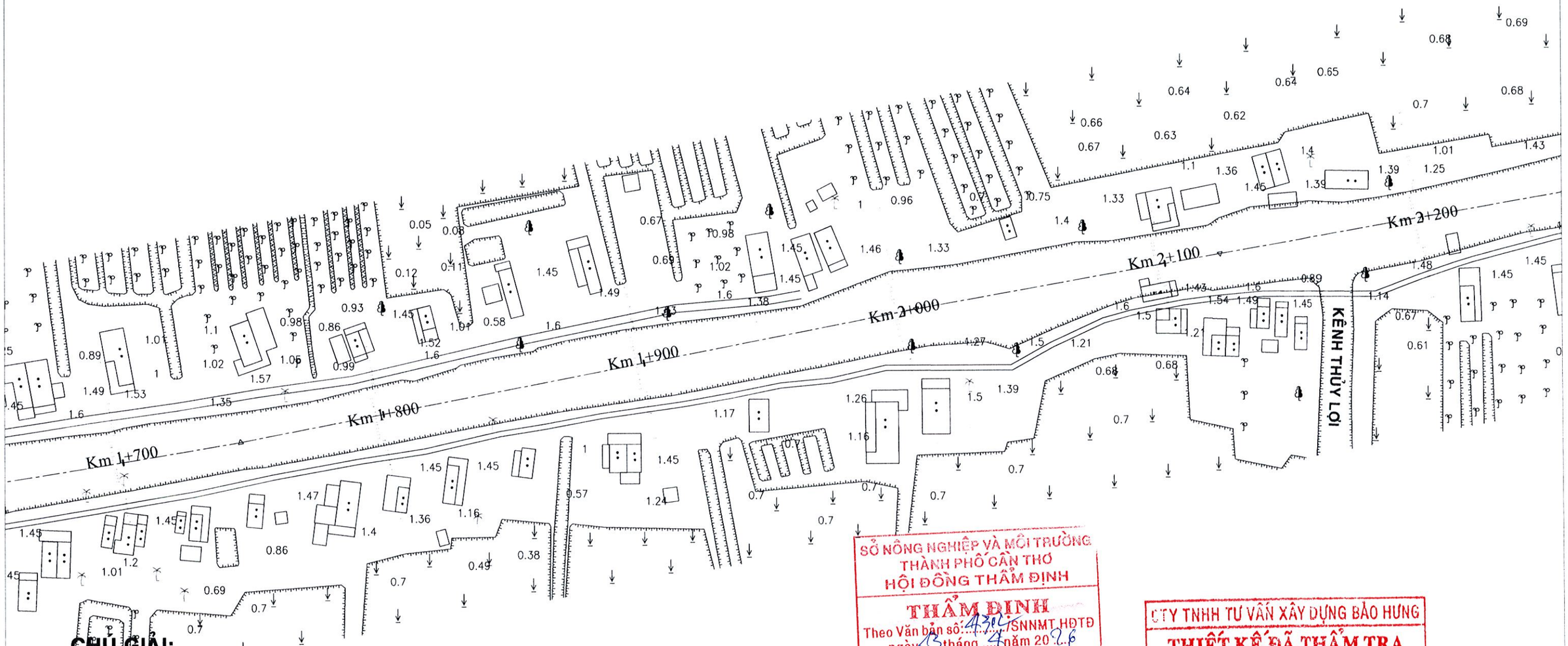


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**

Theo Văn bản số: 4302/SNNMT HĐTĐ
ngày 13 tháng 12 năm 2016
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**

Theo văn bản thẩm tra số ....781 BCHT
Ngày ....8 tháng ..12.. năm ..16
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký:.....

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1601622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

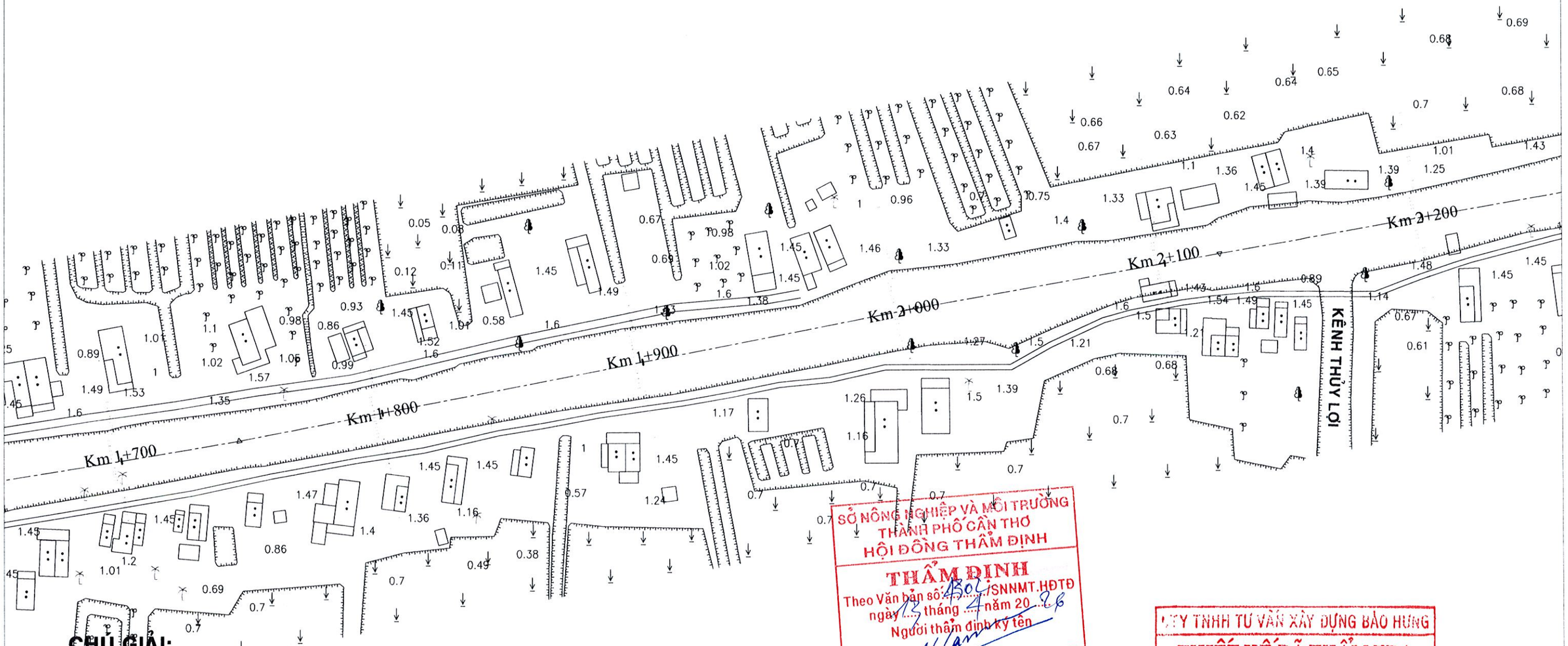


**CHÚ GIẢI:**

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 430/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số ...78./.....
Ngày ....6.... tháng ....4.... năm ....26....
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký:.....
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1601622163 - C.T.N.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

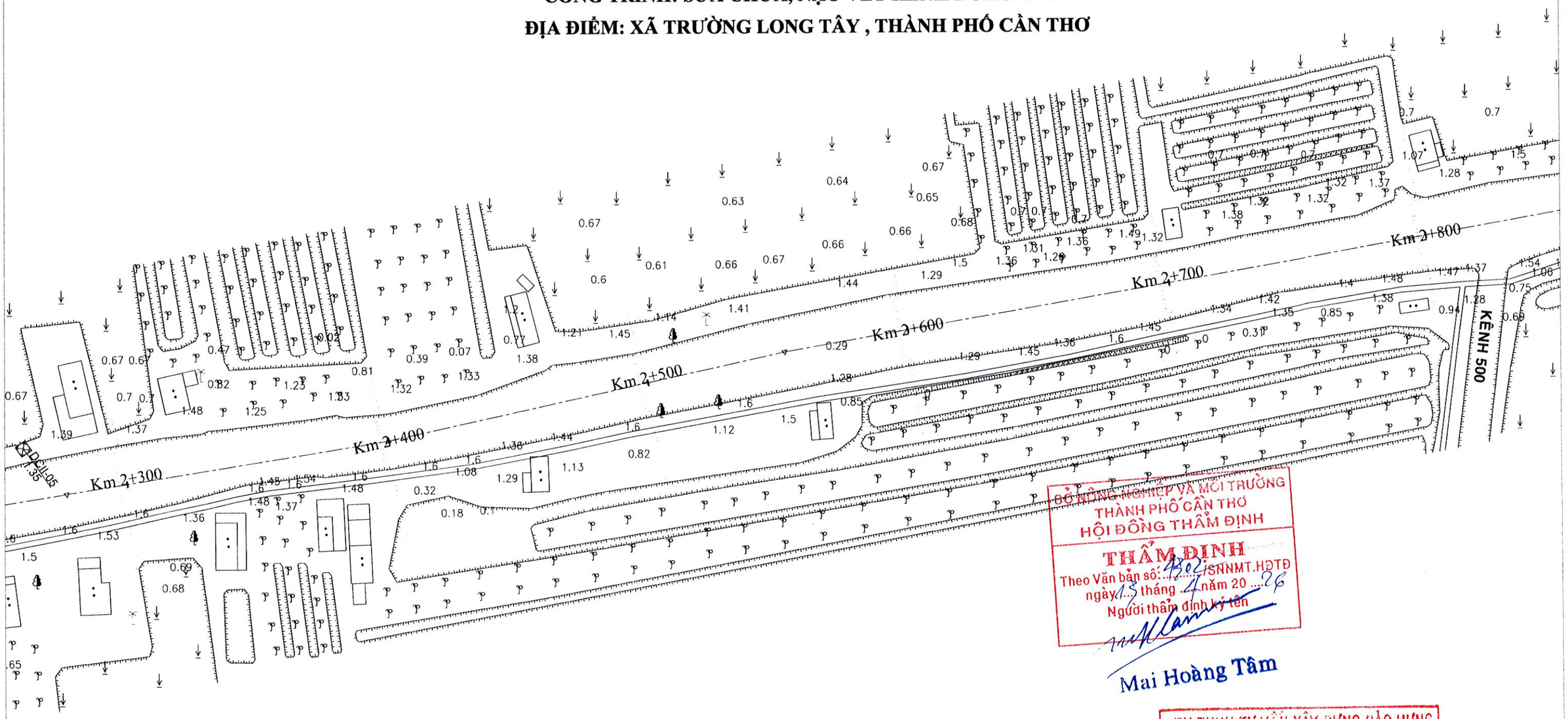


SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 432/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 78/BCTĐ
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

# ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

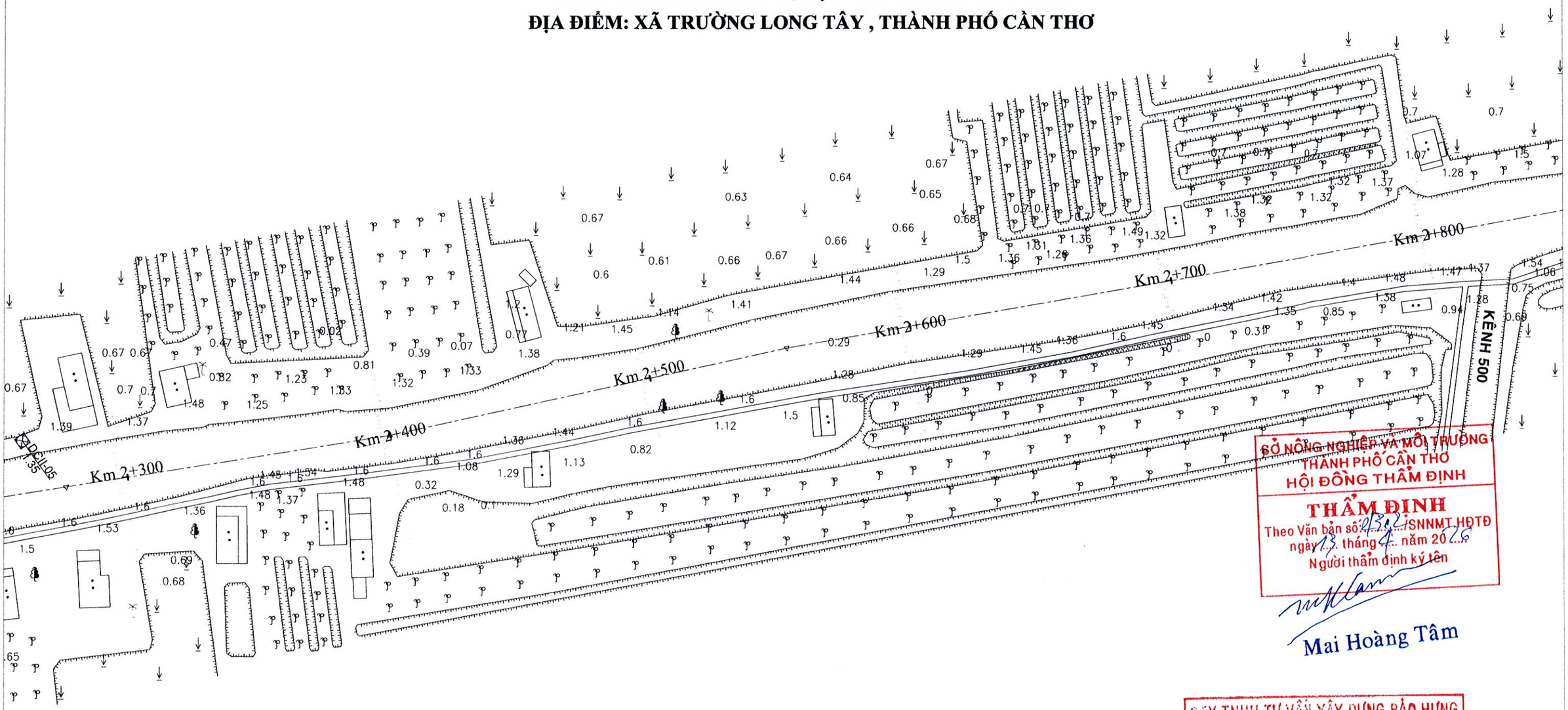


## CHÚ GIẢI:

| | | | |
|---|---|---|---|
| ✧ | Trạm máy đo vẽ | ⊕ | Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 | Cao độ tự nhiên | | Cột đèn, cây nước |
| ⌑ ◐ | Giếng hố khoan, hố khoan | | Bờ đất, gò đắp cao |
| | Cống dưới đường, cầu gỗ | | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| | Cầu sắt, cầu bêtông | | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| | Cầu tre, cầu treo | | Cây lá kim, cây lá rộng |
| | Đường dây điện hạ thế | | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| | Đường dây điện trung thế | | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| | Đường dây điện cao thế | | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| | Cáp thông tin, giếng kiểm tra | | Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| SG XM | Sân gạch, Sân Xi măng | | Rừng cây bụi |
| | Nhà kiên cố | | Rào tạm |
| | Nhà bán kiên cố | | Rào B40 trụ bê tông |
| TT | Nhà mái tole, vách tường | | Rào xây |
| T | Nhà mái tole, vách tole | | Kênh rạch, ao, mương |
| L | Nhà mái lá, vách lá | | Cọc ranh |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**

Theo Văn bản số: 2302/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**

Theo văn bản thẩm tra số ...78/2026
Ngày 16 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

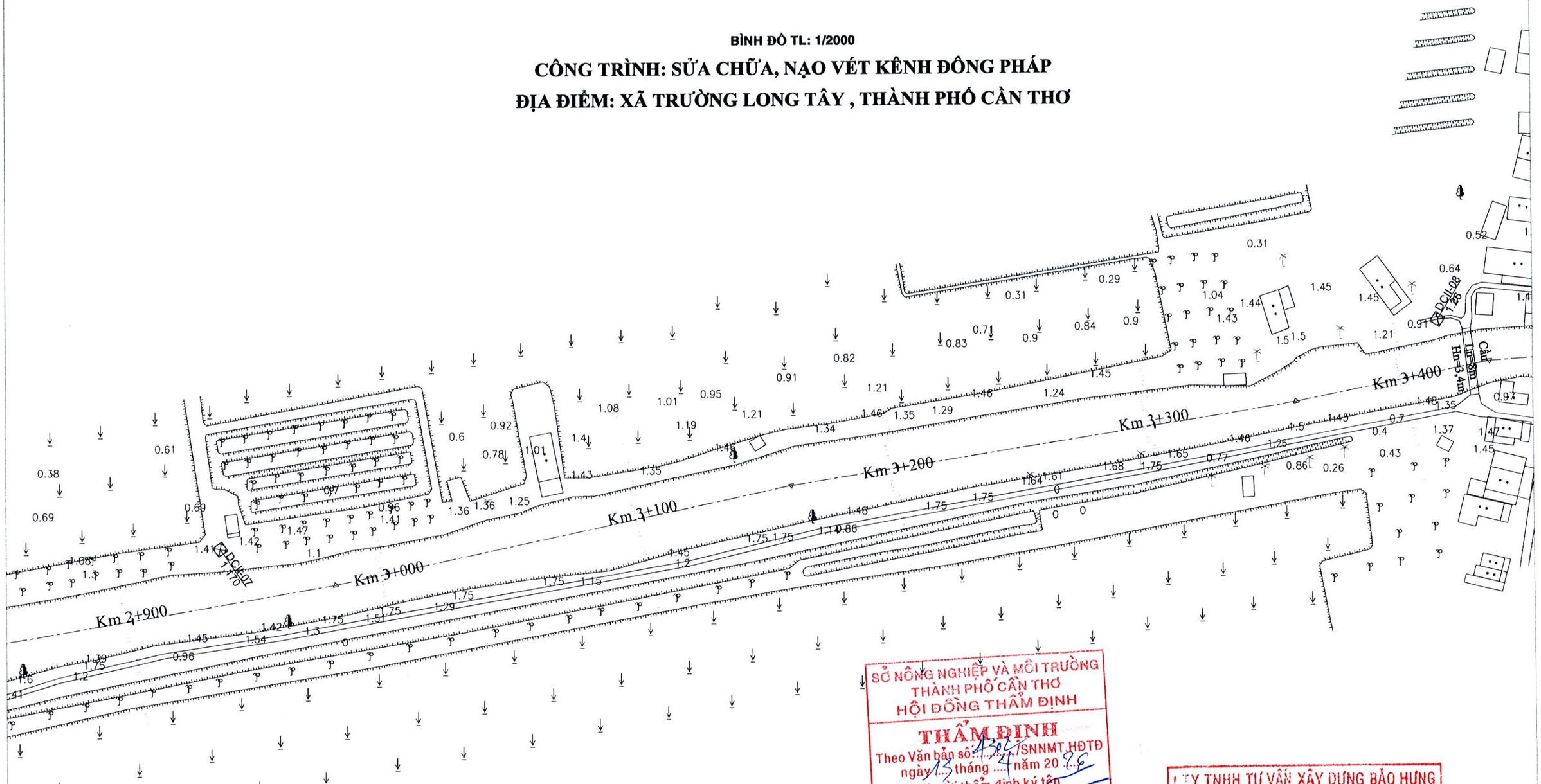


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**

Theo Văn bản số: 136 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**

Theo văn bản thẩm tra số 78 / BHTT
Ngày 16 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

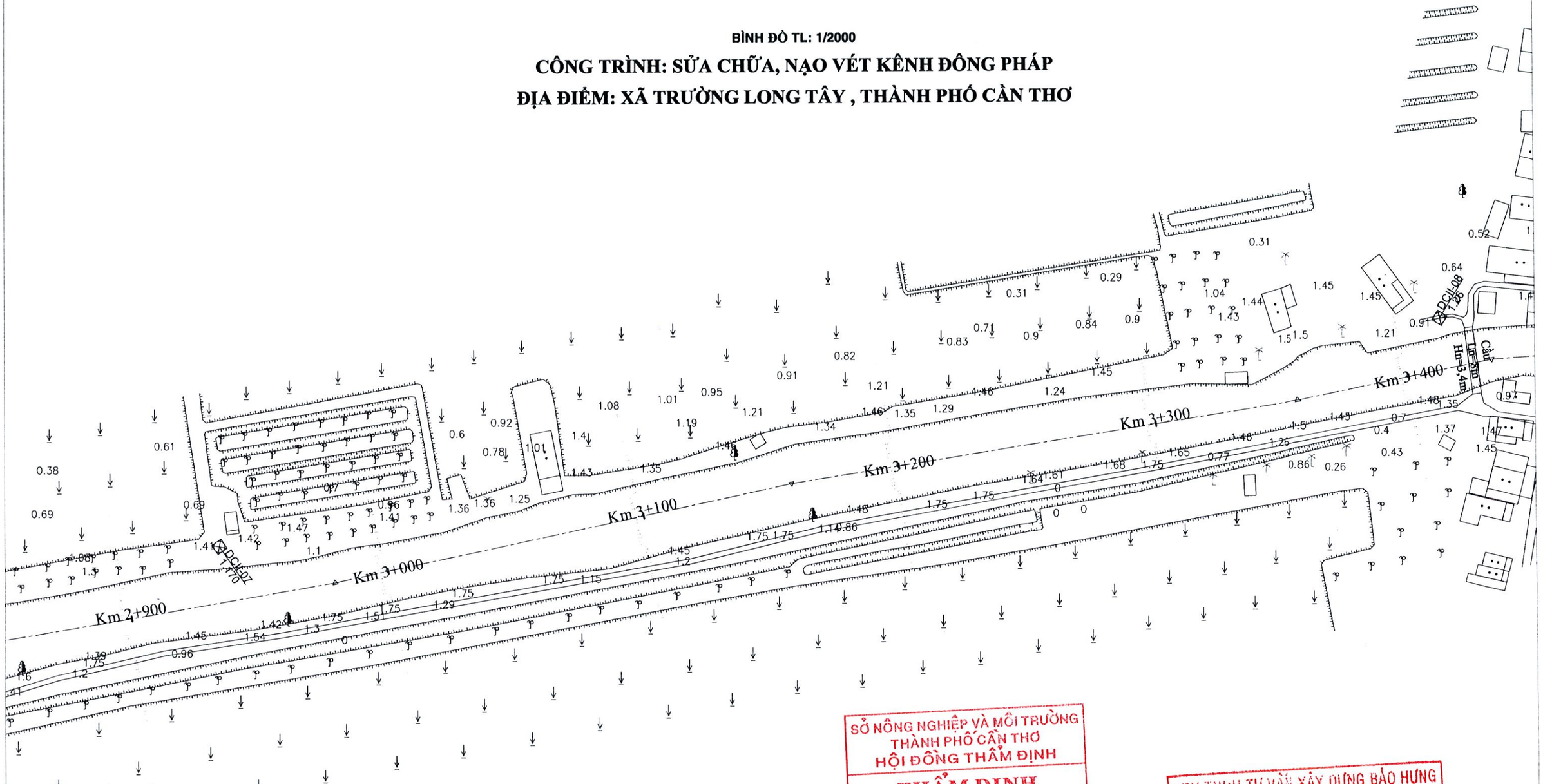


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**

Theo Văn bản số: 1302/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**

Theo văn bản thẩm tra số ...38/B.CHT
Ngày ...6... tháng ...4... năm ...26...
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký:.....

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

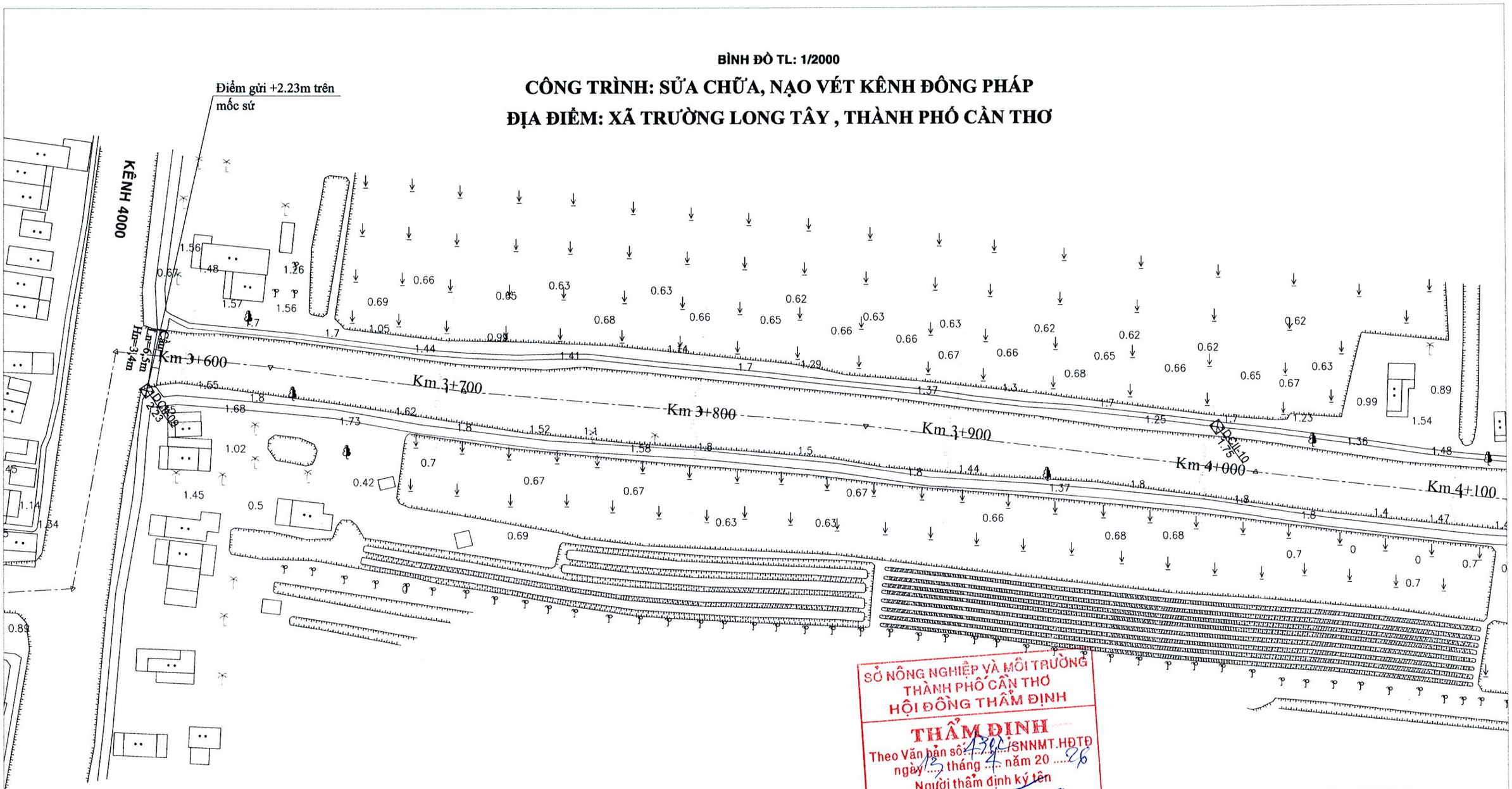


## CHÚ GIẢI:

| | |
|---|---|
| Trạm máy đo vẽ | Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 Cao độ tự nhiên | Cột đèn, cây nước |
| Giếng hố khoan, hố khoan | Bờ đất, gò đắp cao |
| Cống dưới đường, cầu gỗ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| Cầu sắt, cầu bêtông | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| Cầu tre, cầu treo | Cây lá kim, cây lá rộng |
| Đường dây điện hạ thế | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| Đường dây điện trung thế | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| Đường dây điện cao thế | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| Cáp thông tin, giếng kiểm tra | Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| SG XM Sân gạch, Sân Xi măng | Rừng cây bụi |
| Nhà kiên cố | Rào tạm |
| Nhà bán kiên cố | Rào B40 trụ bê tông |
| TT Nhà mái tole, vách tường | Rào xây |
| T Nhà mái tole, vách tole | Kênh rạch, ao, mương |
| L Nhà mái lá, vách lá | Cọc ranh |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 430/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 20 26
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số .....
Ngày ... tháng ... năm 26
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký: .....
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1601622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BÌNH ĐỒ TL: 1/2000

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

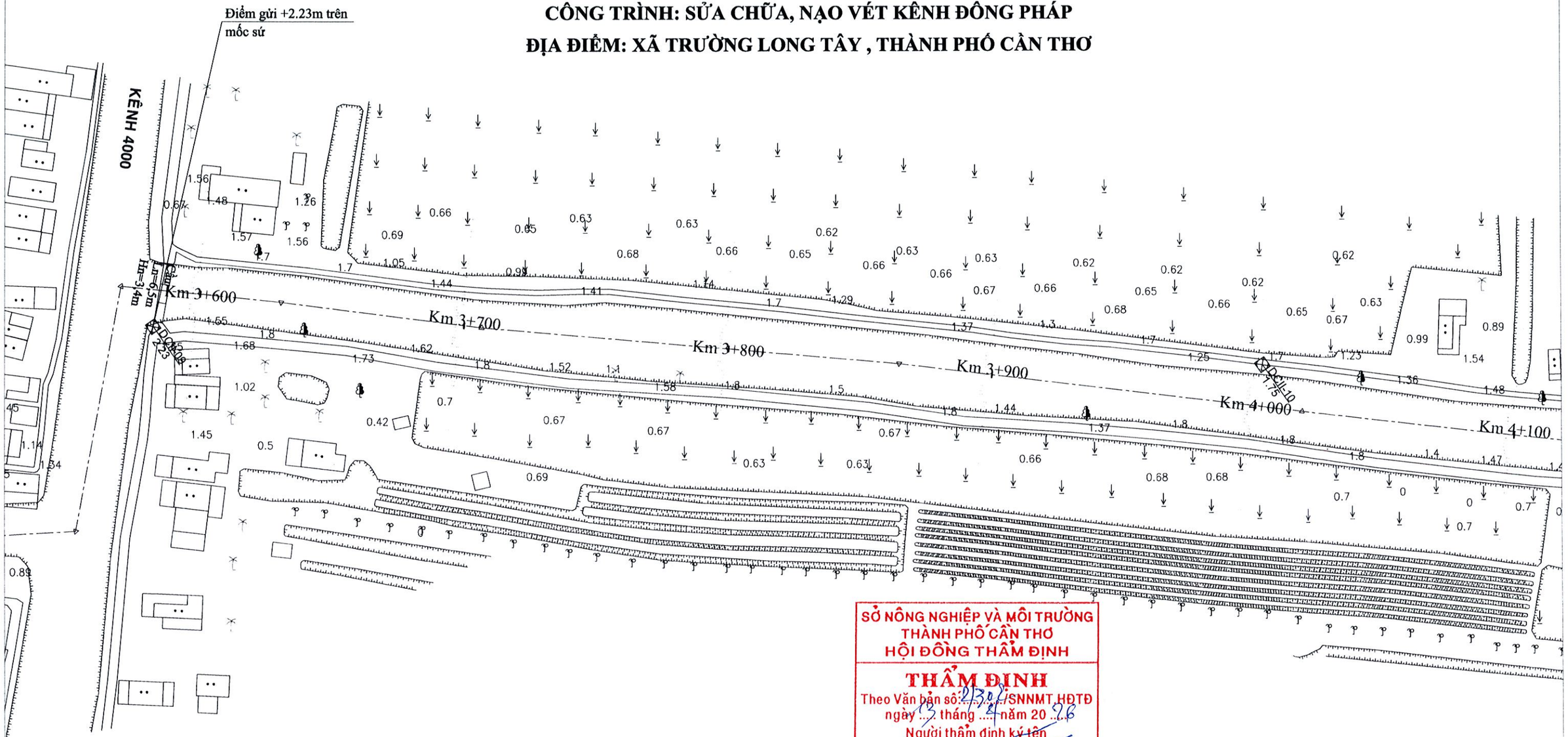


## CHÚ GIẢI:

| | |
|---|---|
| Trạm máy đo vẽ | Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 Cao độ tự nhiên | Cột đèn, cây nước |
| Giếng hố khoan, hố khoan | Bờ đất, gò đắp cao |
| Cống dưới đường, cầu gỗ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| Cầu sắt, cầu bêtông | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| Cầu tre, cầu treo | Cây lá kim, cây lá rộng |
| Đường dây điện hạ thế | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| Đường dây điện trung thế | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| Đường dây điện cao thế | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| Cáp thông tin, giếng kiểm tra | Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| SG XM Sân gạch, Sân Xi măng | Rừng cây bụi |
| Nhà kiên cố | Rào tạm |
| Nhà bán kiên cố | Rào B40 trụ bê tông |
| TT Nhà mái tole, vách tường | Rào xây |
| T Nhà mái tole, vách tole | Kênh rạch, ao, mương |
| L Nhà mái lá, vách lá | Cọc ranh |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 2302/SNNMT HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 781/BHH
Ngày 16 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

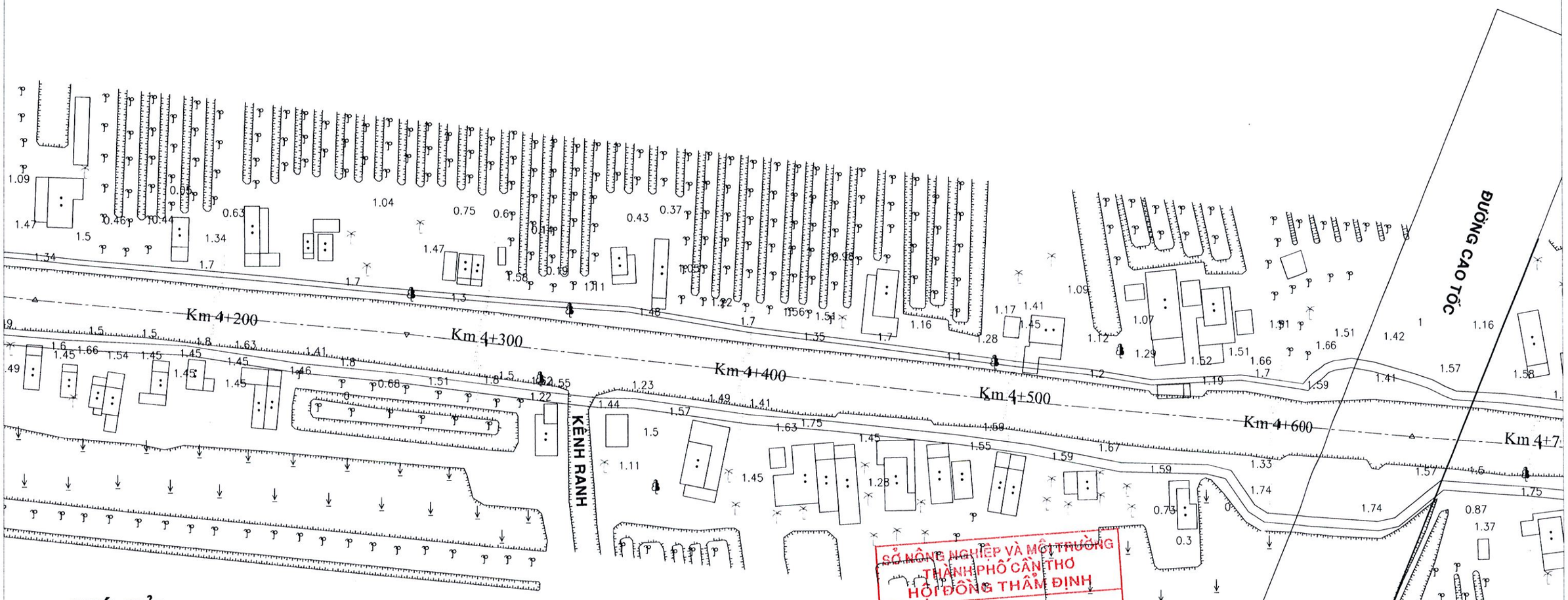


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4306/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BÌNH MINH
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 38/BCTĐ
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

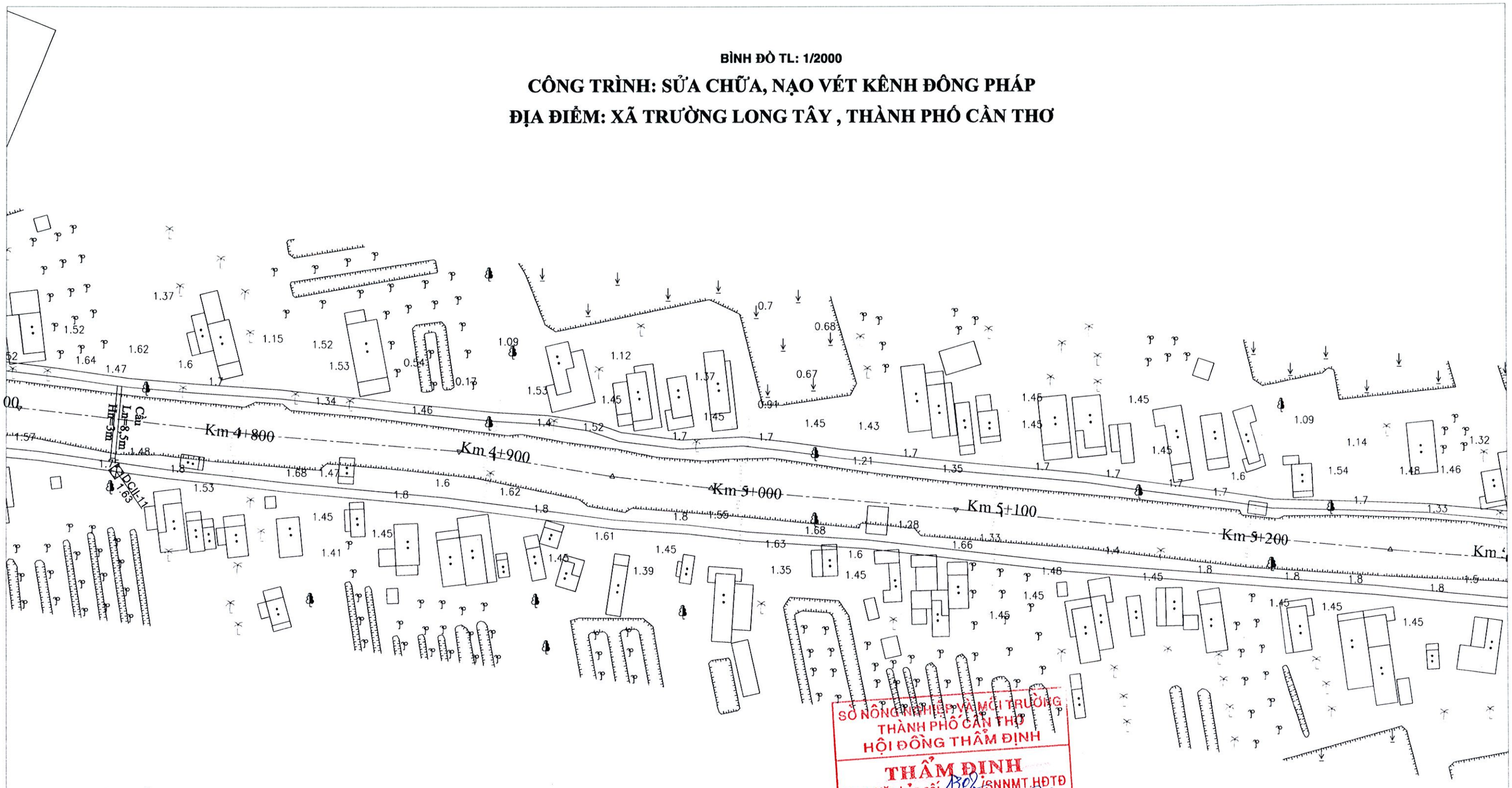


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**

Theo Văn bản số: 802 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 7 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**

Theo văn bản thẩm tra số 781/BHCT
Ngày 16 tháng 7 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 1230/SNNMT.HĐTĐ
ngày 15 tháng 7 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

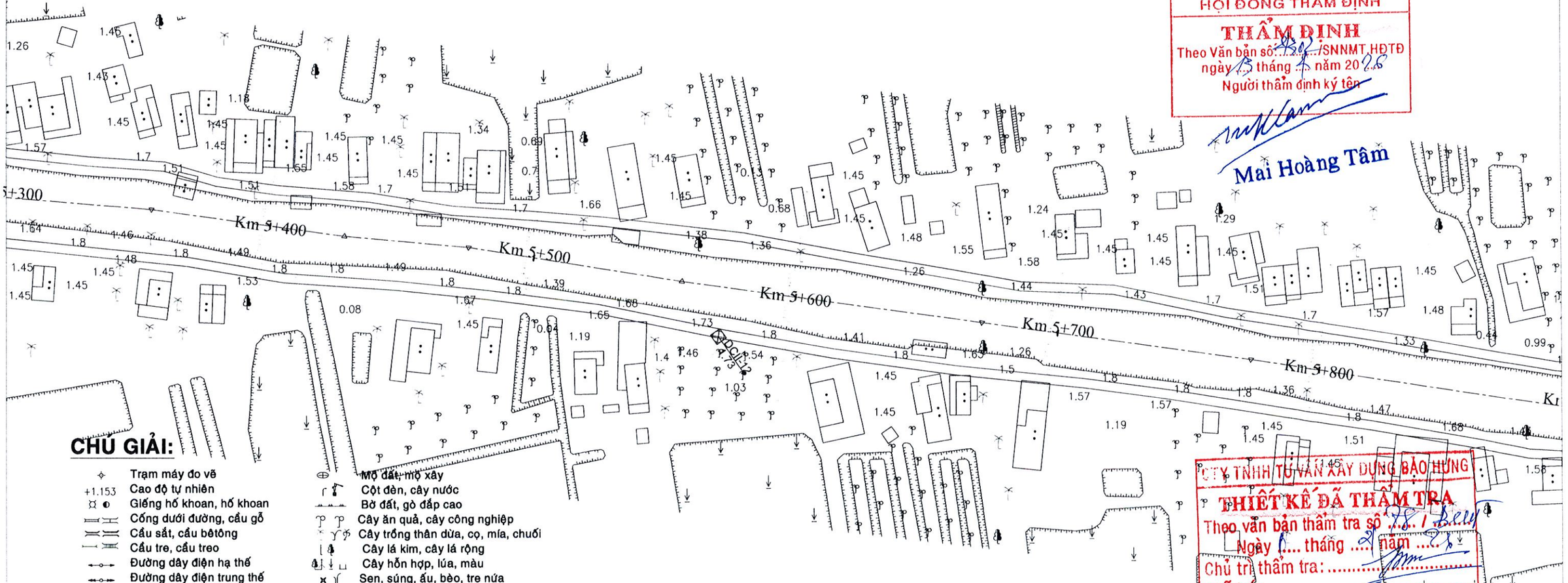


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 178/...
Ngày 6 tháng 7 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký: .....
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

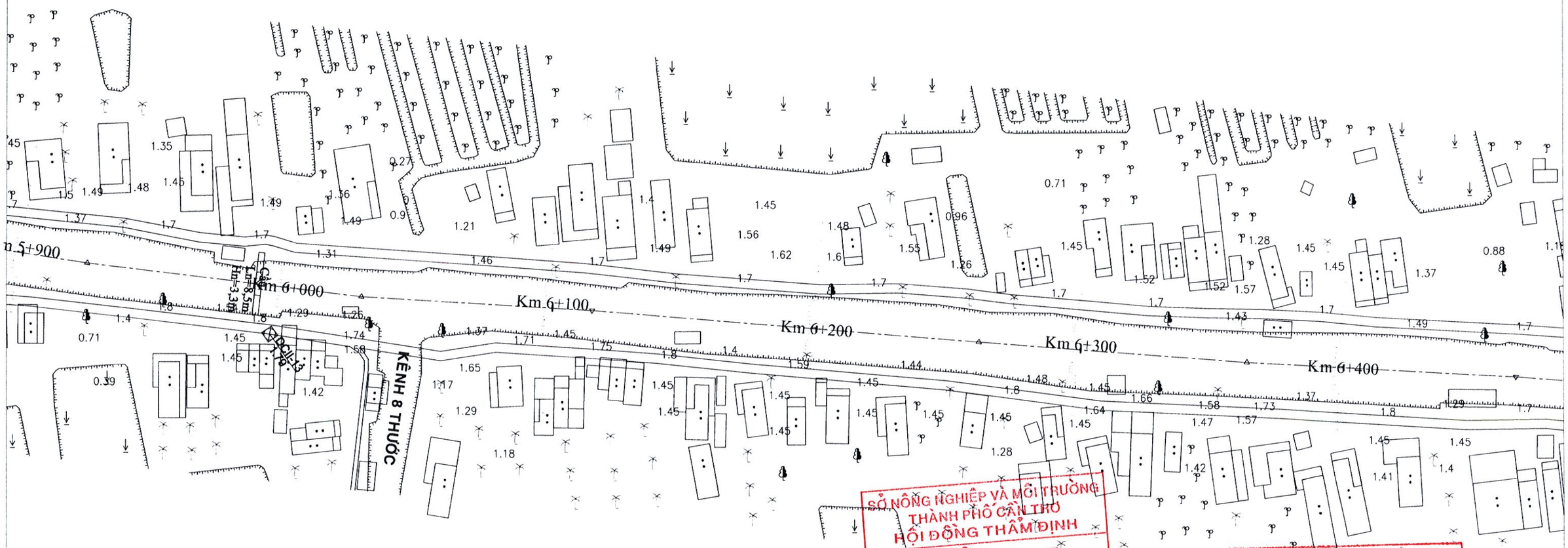


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 2801/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 7 năm 2016
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78.13.016
Ngày 6 tháng 7 năm 2016
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

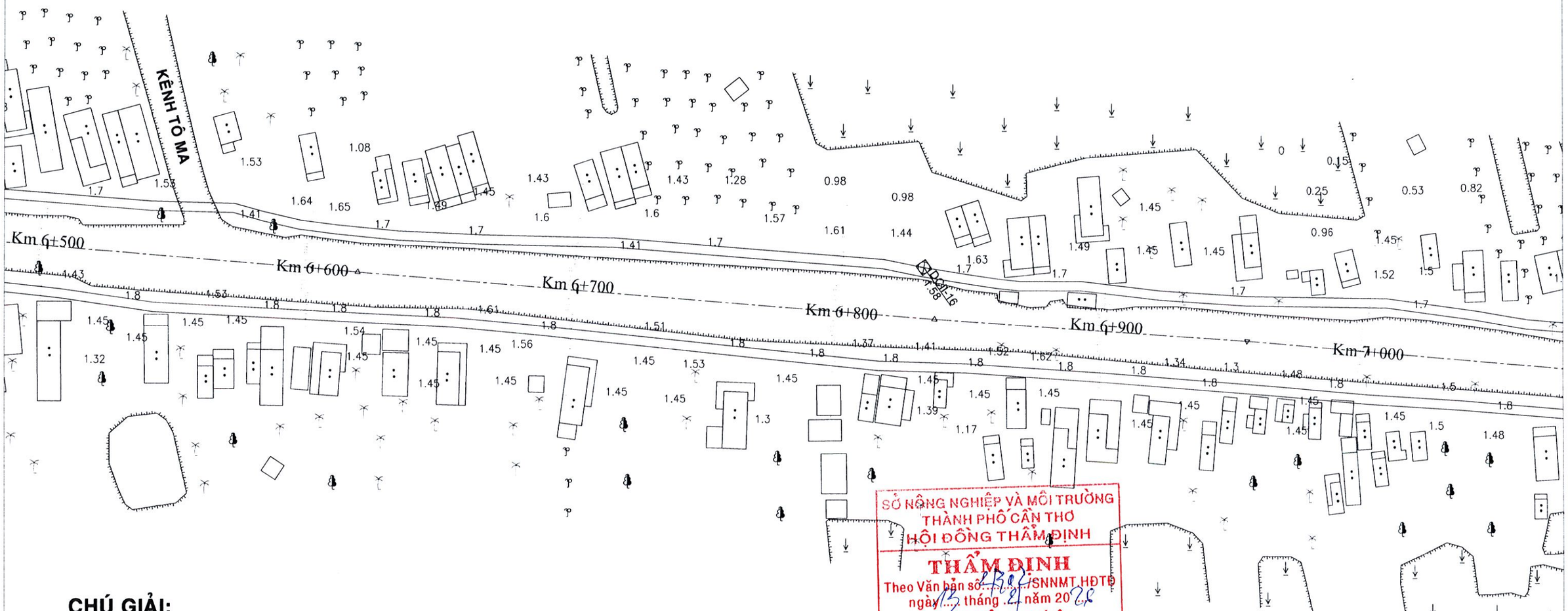


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số 2302/SNNMT-HĐTĐ
ngày 15 tháng 12 năm 2022
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHTT
Ngày 6 tháng 12 năm 22
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 2302 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 15 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

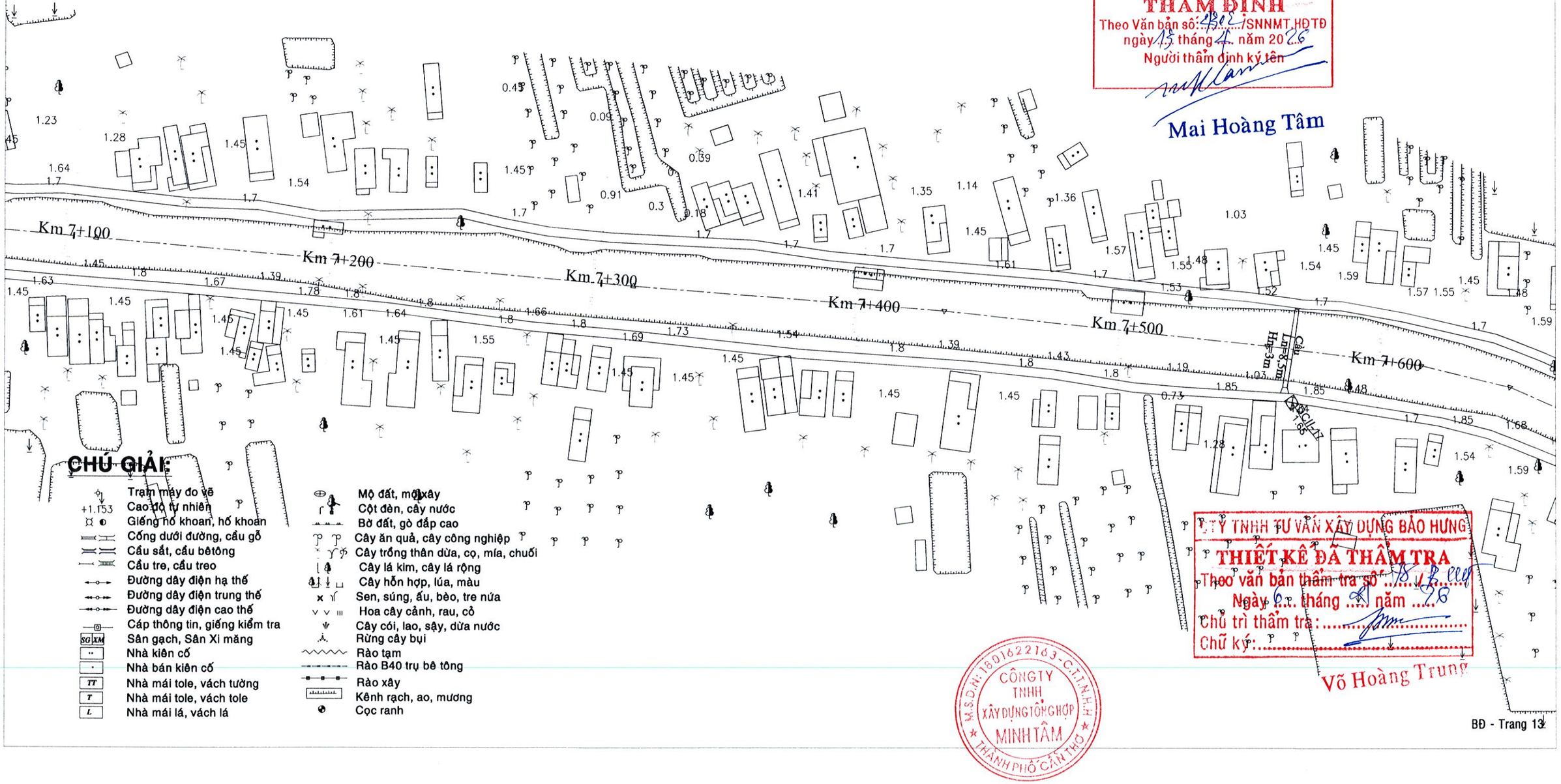


## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số .....
Ngày ... tháng ..... năm .....
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký: .....

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

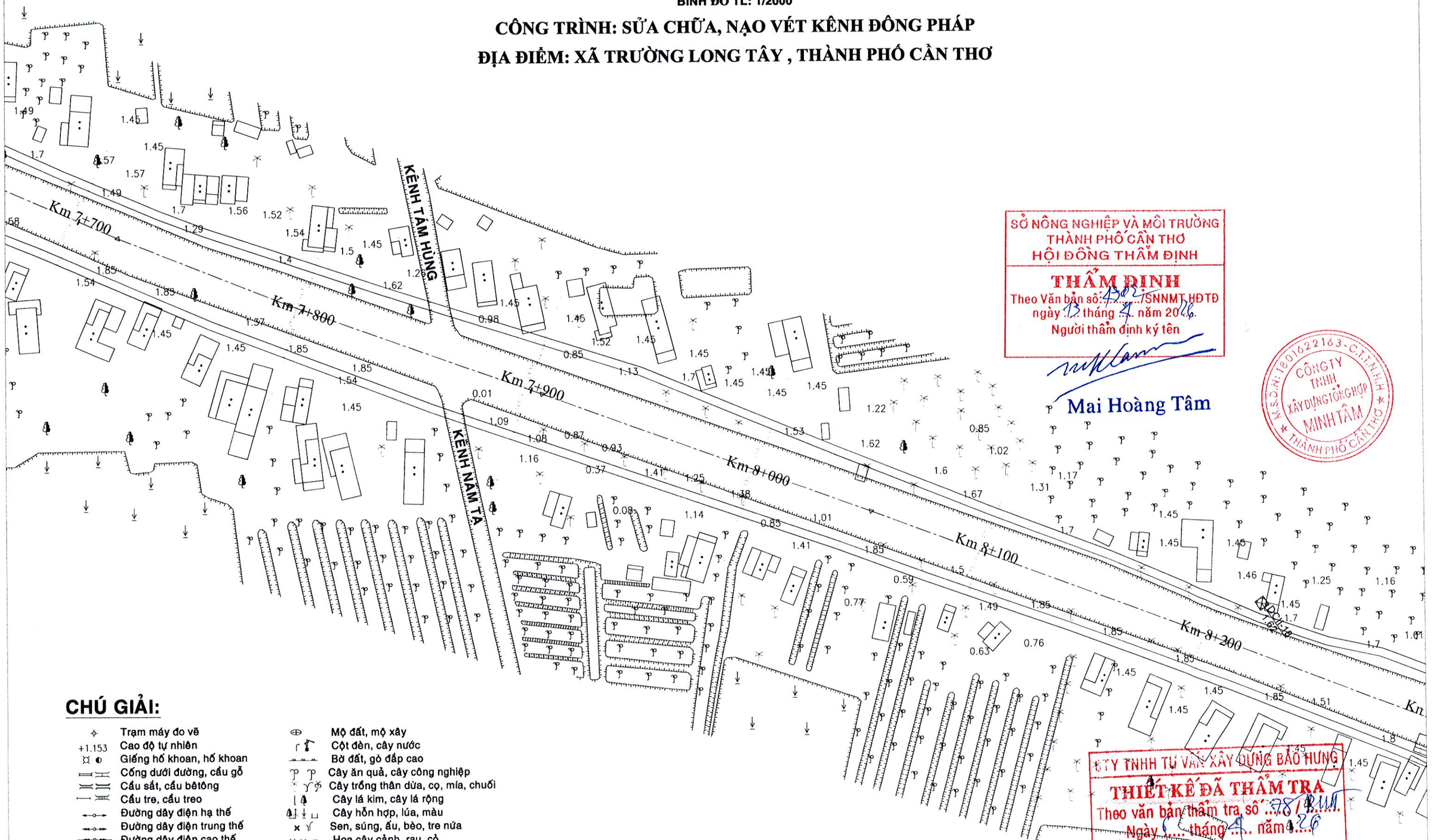


SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 1302/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 9 năm 2016.
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 378/BHH
Ngày 8 tháng 9 năm 2016
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

## CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- +1.153 Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bêtông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- SG XM Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- TT Nhà mái tole, vách tường
- T Nhà mái tole, vách tole
- L Nhà mái lá, vách lá
- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

**BÌNH ĐỒ TL: 1/2000**

# CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP
# ĐỊA ĐIỂM: XÃ TRƯỜNG LONG TÂY , THÀNH PHỐ CẦN THƠ

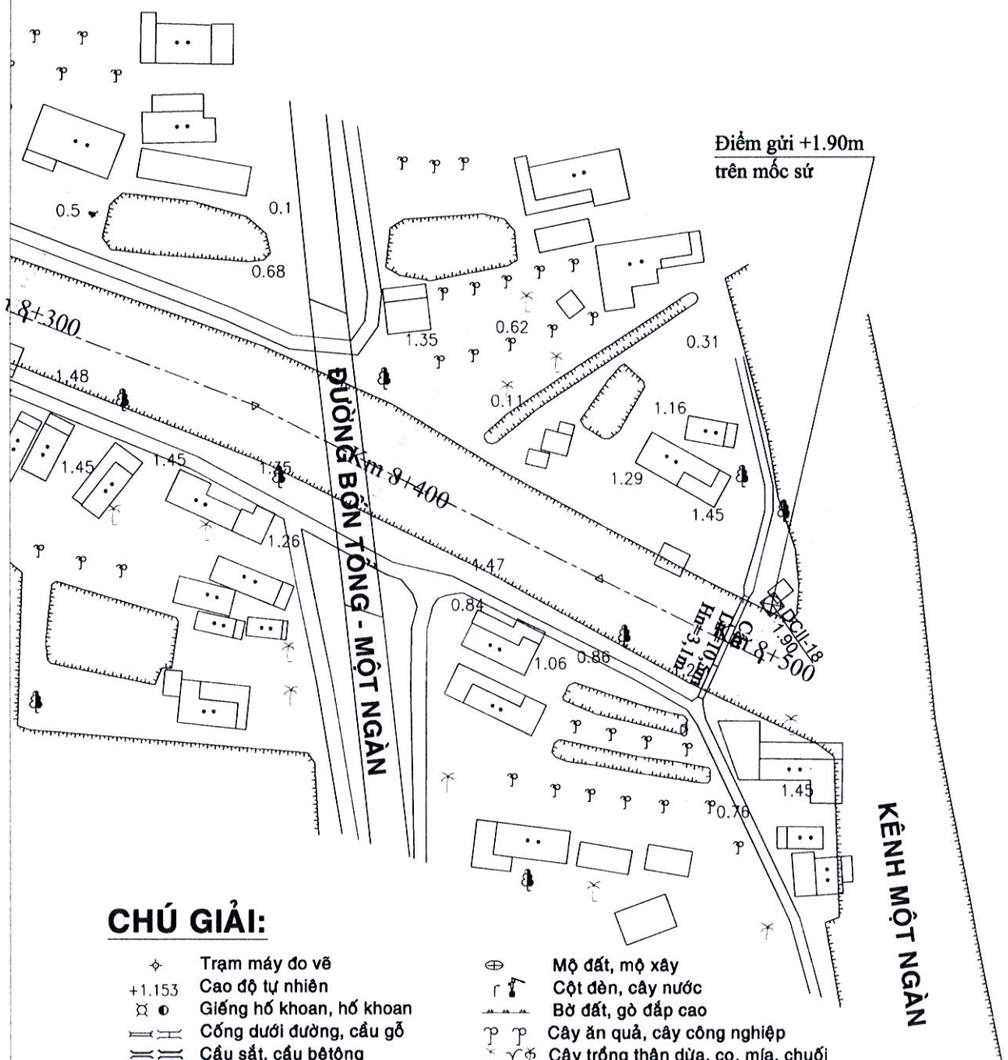


## CHÚ GIẢI:

| | | | |
|---|---|---|---|
| ✧ | Trạm máy đo vẽ | ⊕ | Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 | Cao độ tự nhiên | | Cột đèn, cây nước |
| ⌑ ◐ | Giếng hố khoan, hố khoan | | Bờ đất, gò đắp cao |
| | Cống dưới đường, cầu gỗ | | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| | Cầu sắt, cầu bêtông | | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| | Cầu tre, cầu treo | | Cây lá kim, cây lá rộng |
| | Đường dây điện hạ thế | | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| | Đường dây điện trung thế | | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| | Đường dây điện cao thế | | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| | Cáp thông tin, giếng kiểm tra | | Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| SG XM | Sân gạch, Sân Xi măng | | Rừng cây bụi |
| ·· | Nhà kiên cố | | Rào tạm |
| · | Nhà bán kiên cố | | Rào B40 trụ bê tông |
| TT | Nhà mái tole, vách tường | | Rào xây |
| T | Nhà mái tole, vách tole | | Kênh rạch, ao, mương |
| L | Nhà mái lá, vách lá | | Cọc ranh |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 432 /SNNMT-HĐTĐ
ngày 17 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 78 / BCTT
Ngày 16 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

# CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

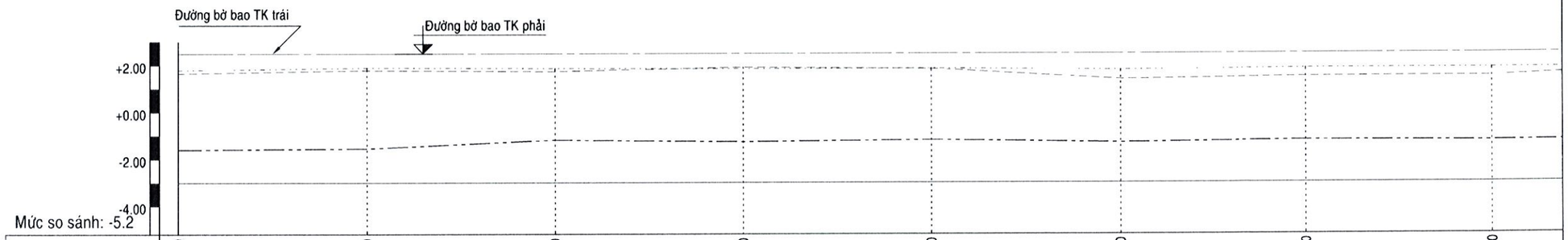


| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ bờ trái HT | +1.650 | +1.780 | +1.730 | +1.910 | +1.840 | +1.390 | +1.490 | +1.500 | |
| Cao độ bờ phải HT | +1.790 | +1.900 | +1.870 | +1.850 | +1.860 | +1.790 | +1.850 | +1.850 | |
| Cao độ đáy kênh HT | -1.602 | -1.551 | -1.190 | -1.272 | -1.193 | -1.307 | -1.216 | -1.257 | |
| Cao độ đáy kênh TK | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | |
| Khoảng cách | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| K/C cộng dồn | 0.00 | 100.00 | 200.00 | 300.00 | 400.00 | 500.00 | 600.00 | 700.00 | |
| Tên cọc | 0+000 | 0+100 | 0+200 | 0+300 | 0+400 | 0+500 | 0+600 | 0+700 | |

GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 2894/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 28 /BHCT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

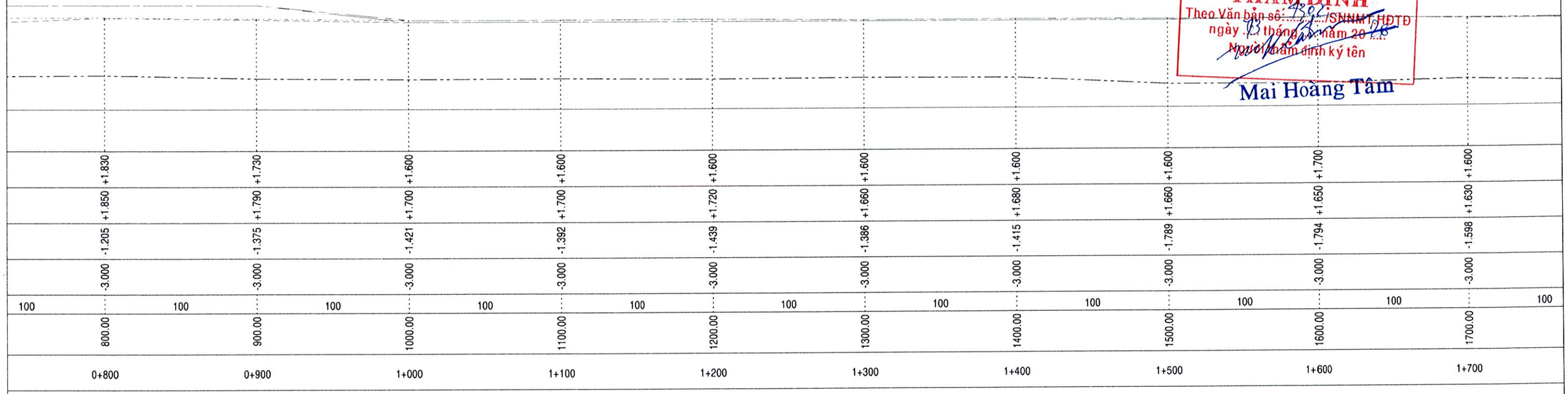


GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4392/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 11 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/TTr
Ngày 18 tháng 11 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 430/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| +1.580 | +1.600 | +1.400 | +1.550 | +1.570 | +1.460 | +1.300 | +1.600 | +1.450 | +1.480 | |
| +1.620 | +1.600 | +1.600 | +1.600 | +1.650 | +1.600 | +1.600 | +1.580 | +1.600 | +1.620 | |
| -1.794 | -1.769 | -1.683 | -1.691 | -1.695 | -1.818 | -1.845 | -1.720 | -1.699 | -1.767 | |
| -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | |
| 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| 1800.00 | 1900.00 | 2000.00 | 2100.00 | 2200.00 | 2300.00 | 2400.00 | 2500.00 | 2600.00 | 2700.00 | |
| 1+800 | 1+900 | 2+000 | 2+100 | 2+200 | 2+300 | 2+400 | 2+500 | 2+600 | 2+700 | |

GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...78 R-CTT
Ngày 6... tháng 4.. năm ..2.6
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký: .....
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

# CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

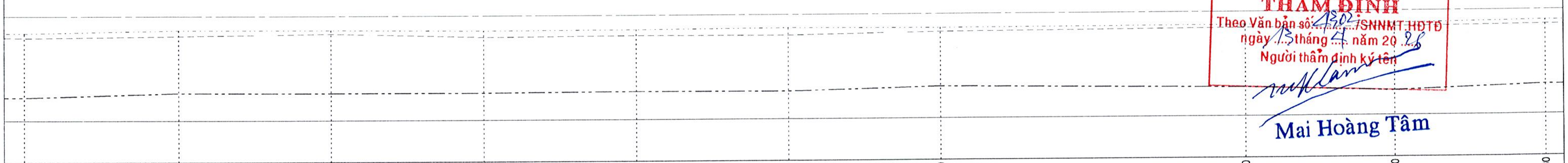

| | 2+800 | 2+900 | 3+000 | 3+100 | 3+200 | 3+300 | 3+400 | 3+600 | 3+700 | 3+800 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | +1.350 | +1.440 | +1.560 | +1.360 | +1.420 | +1.400 | +1.550 | +1.650 | +1.660 | +1.730 |
| | +1.600 | +1.750 | +1.750 | +1.700 | +1.730 | +1.790 | +1.750 | +1.800 | +1.840 | +1.950 |
| | -1.787 | -1.558 | -1.572 | -1.575 | -1.525 | -1.549 | -1.337 | -1.488 | -1.709 | -1.426 |
| | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 |
| | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 200 | 100 | 100 | |
| | 2800.00 | 2900.00 | 3000.00 | 3100.00 | 3200.00 | 3300.00 | 3400.00 | 3600.00 | 3700.00 | 3800.00 |
| | 2+800 | 2+900 | 3+000 | 3+100 | 3+200 | 3+300 | 3+400 | 3+600 | 3+700 | 3+800 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...781/B.CUT...
Ngày 6... tháng 4.. năm ..26
Chủ trì thẩm tra: ........
Chữ ký: ........
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CD -4

CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 430/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 2 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

| | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| +1.650 | +1.620 | +1.700 | +1.740 | +1.590 | +1.700 | +1.660 | +1.700 | +1.680 | +1.700 | |
| +1.840 | +1.720 | +1.800 | +1.770 | +1.760 | +1.800 | +1.740 | +1.690 | +1.800 | +1.840 | |
| -1.576 | -1.419 | -1.471 | -1.396 | -1.437 | -1.482 | -1.456 | -1.449 | -1.788 | -1.761 | |
| -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | |
| 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| 3900.00 | 4000.00 | 4100.00 | 4200.00 | 4300.00 | 4400.00 | 4500.00 | 4600.00 | 4700.00 | 4800.00 | |
| 3+900 | 4+000 | 4+100 | 4+200 | 4+300 | 4+400 | 4+500 | 4+600 | 4+700 | 4+800 | |

GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 08/BCTT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

# CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

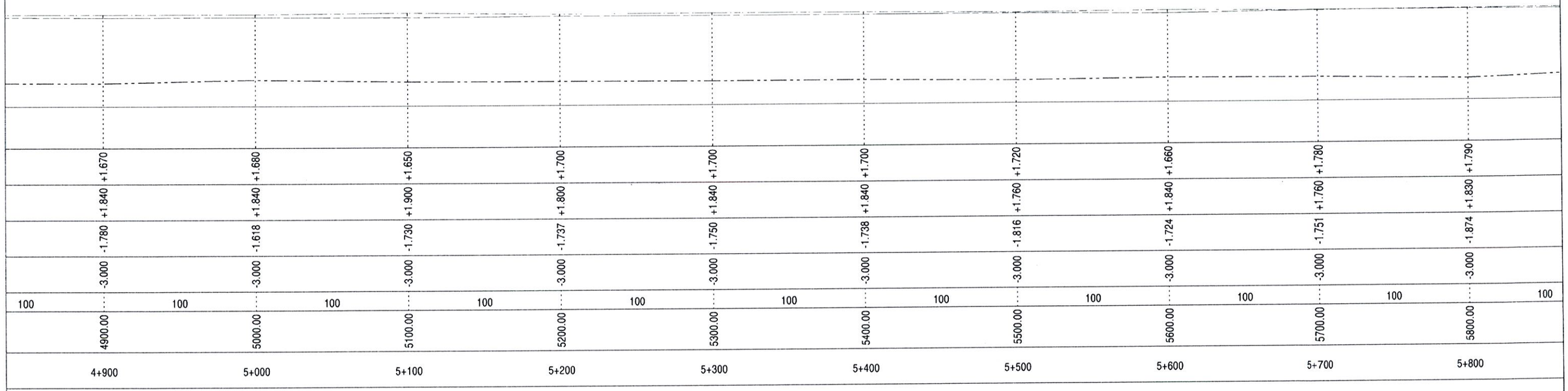


GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 401/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 1 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 78/BHCD
Ngày 6 tháng 1 năm 26
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký: Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

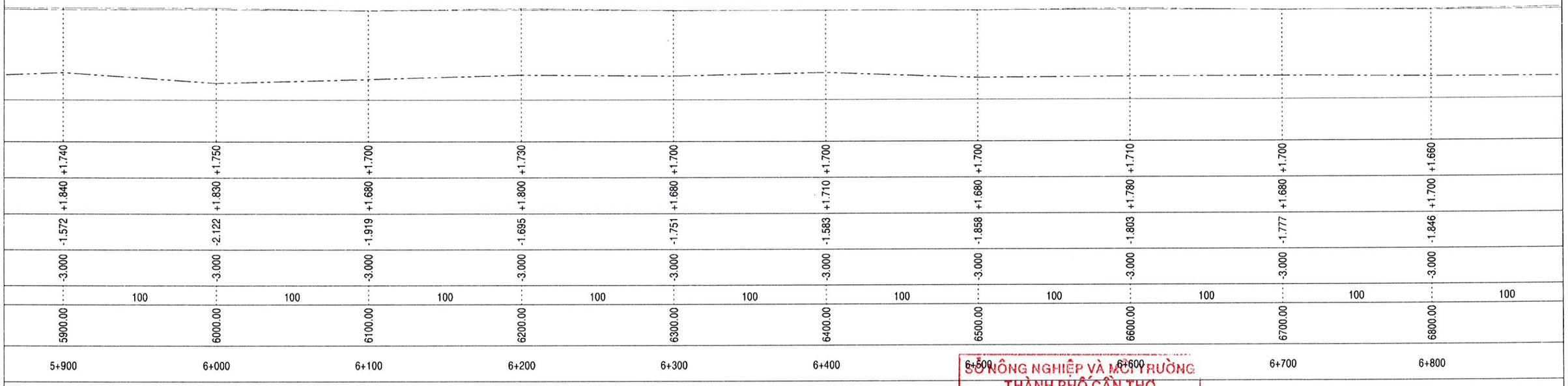


GHI CHÚ:

- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 432 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 28/ BCTT
Ngày 16 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

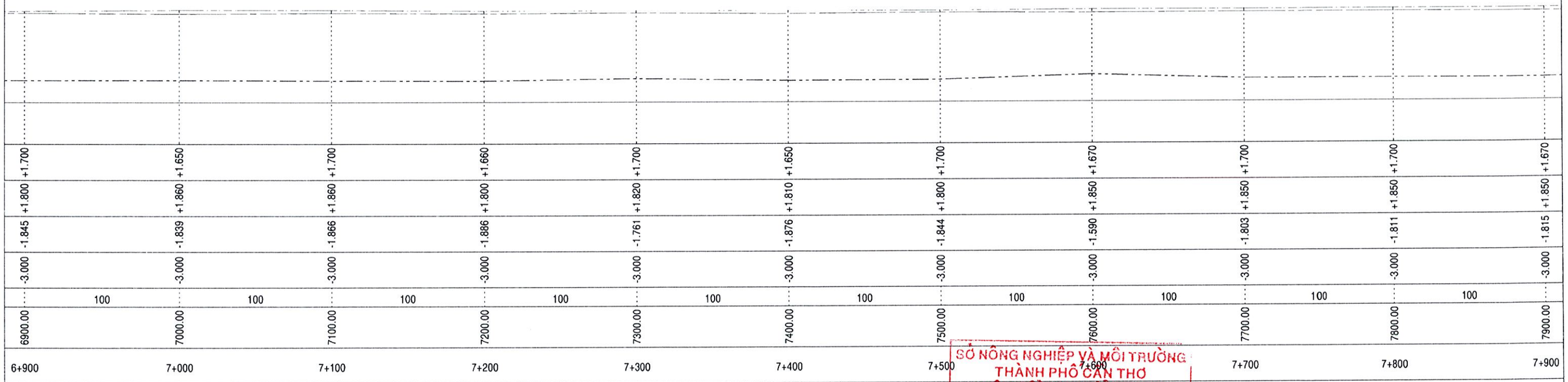


GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...381 BHH
Ngày 6 tháng 21 năm 26
Chủ trì thẩm tra: .....
Chữ ký: ..... Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## CẮT DỌC

(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | +1.700 | +1.700 | +1.880 | +1.700 | +1.480 | +1.860 |
| | +1.850 | +1.850 | +2.000 | +1.800 | +1.850 | +1.980 |
| | -1.659 | -1.883 | -1.800 | -1.934 | -1.600 | -1.829 |
| | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 | -3.000 |
| 100 | | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| | 8000.00 | 8100.00 | 8200.00 | 8300.00 | 8400.00 | 8500.00 |
| | 8+000 | 8+100 | 8+200 | 8+300 | 8+400 | 8+500 |

GHI CHÚ:
- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**THẨM ĐỊNH**

Theo Văn bản số: 1202/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**

Theo văn bản thẩm tra số 28/BCTT
Ngày 16 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

0+000 *Đào:* S= 19.72m²

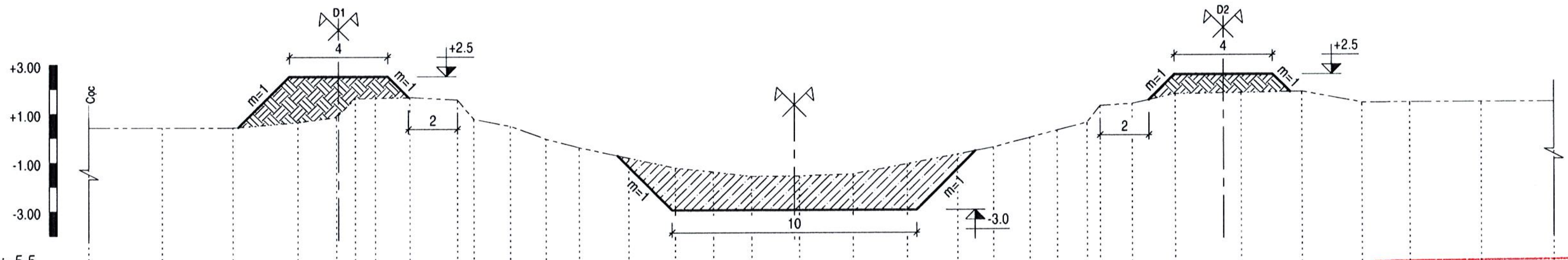


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.42 | |
| 3.00 | +0.42 | 3.0 |
| 5.88 | +0.41 | 2.88 |
| 8.52 | +0.63 | 2.64 |
| 10.09 | +0.84 | 1.57 |
| 10.86 | +1.61 | .77 |
| 11.67 | +1.62 | .81 |
| 13.09 | +1.65 | 1.42 |
| 15.03 | +1.54 | 1.94 |
| 15.69 | +0.75 | .66 |
| 17.18 | +0.46 | 1.49 |
| 18.63 | -0.07 | 1.45 |
| 20.00 | -0.43 | 1.37 |
| 22.03 | -0.86 | 2.03 |
| 23.93 | -1.27 | 1.9 |
| 25.49 | -1.44 | 1.56 |
| 27.05 | -1.62 | 1.56 |
| 29.00 | -1.60 | 1.95 |
| 31.20 | -1.53 | 2.2 |
| 33.41 | -1.12 | 2.21 |
| 35.48 | -0.73 | 2.07 |
| 36.95 | -0.45 | 1.47 |
| 38.44 | -0.06 | 1.49 |
| 39.56 | +0.23 | 1.12 |
| 40.77 | +0.55 | 1.21 |
| 41.30 | +1.23 | .53 |
| 42.60 | +1.31 | 1.3 |
| 44.36 | +1.71 | 1.76 |
| 47.06 | +1.75 | 2.7 |
| 49.52 | +1.79 | 2.46 |
| 51.97 | +1.34 | 2.45 |
| 54.00 | +1.33 | 2.03 |
| 57.00 | +1.33 | 3.0 |
| 60.00 | +1.33 | 3.0 |

0+100 *Đào:* S= 16.94m²

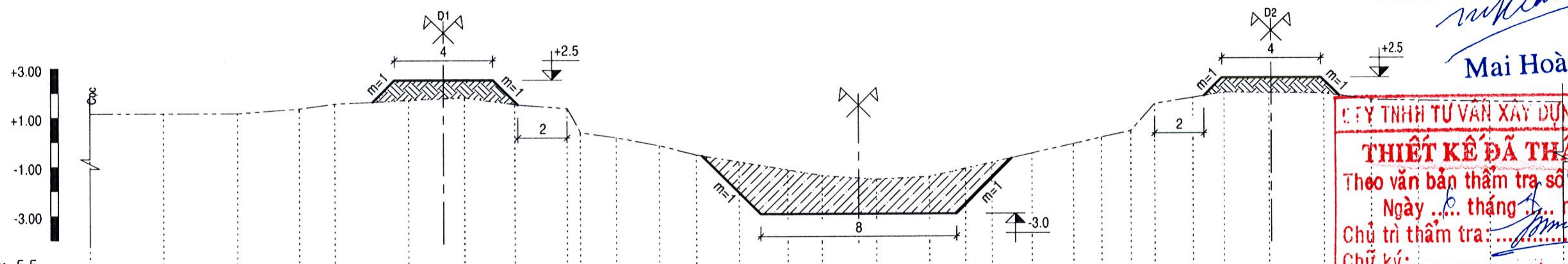


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +1.15 | |
| 3.00 | +1.15 | 3.0 |
| 6.00 | +1.15 | 3.0 |
| 8.50 | +1.34 | 2.5 |
| 9.95 | +1.53 | 1.45 |
| 12.95 | +1.68 | 3.0 |
| 15.23 | +1.78 | 2.28 |
| 17.27 | +1.49 | 2.04 |
| 19.39 | +1.33 | 2.12 |
| 19.93 | +0.34 | .54 |
| 21.39 | +0.13 | 1.46 |
| 23.15 | -0.20 | 1.76 |
| 24.67 | -0.59 | 1.52 |
| 26.40 | -0.88 | 1.73 |
| 28.38 | -1.21 | 1.98 |
| 29.78 | -1.45 | 1.4 |
| 32.00 | -1.60 | 2.22 |
| 34.16 | -1.50 | 2.16 |
| 35.64 | -1.17 | 1.48 |
| 36.72 | -0.93 | 1.08 |
| 38.35 | -0.56 | 1.63 |
| 40.04 | -0.18 | 1.69 |
| 41.18 | +0.08 | 1.14 |
| 42.37 | +0.34 | 1.19 |
| 43.35 | +1.44 | 0.98 |
| 44.90 | +1.69 | 1.55 |
| 46.17 | +1.90 | 1.27 |
| 48.00 | +1.88 | 1.83 |
| 50.21 | +1.85 | 2.21 |
| 52.14 | +1.58 | 1.93 |
| 54.14 | +1.54 | 2.0 |
| 57.14 | +1.48 | 3.0 |
| 60.14 | +1.43 | 3.0 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 78 /BHCT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 1

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

0+200 *Đào:* S= 21.81m²

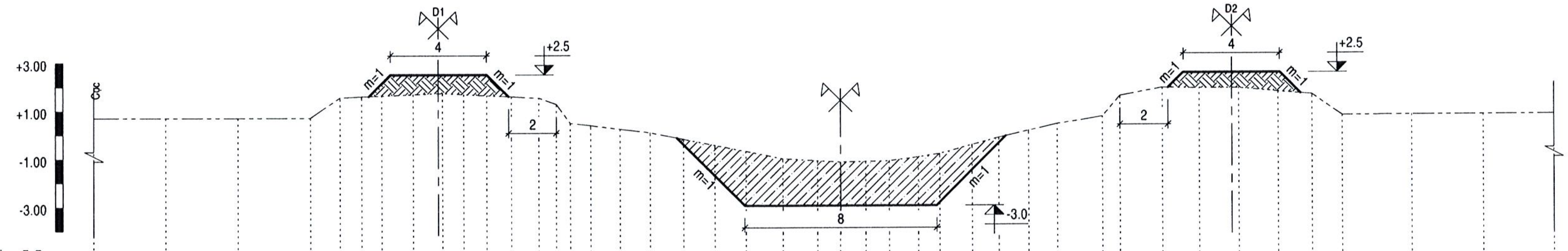


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.70 | | 0.00 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 3.00 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 6.00 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 9.00 |
| | 1.24 | |
| +1.55 | | 10.24 |
| | 0.9 | |
| +1.59 | | 11.14 |
| | .84 | |
| +1.62 | | 11.98 |
| | 1.32 | |
| +1.68 | | 13.30 |
| | 1.21 | |
| +1.73 | | 14.51 |
| | .88 | |
| +1.68 | | 15.39 |
| | 0.95 | |
| +1.63 | | 16.34 |
| | 1.03 | |
| +1.58 | | 17.37 |
| | 1.13 | |
| +1.52 | | 18.50 |
| | .75 | |
| +1.26 | | 19.25 |
| | .6 | |
| +0.46 | | 19.85 |
| | .85 | |
| +0.36 | | 20.70 |
| | 1.21 | |
| +0.21 | | 21.91 |
| | 1.25 | |
| +0.06 | | 23.16 |
| | 1.39 | |
| -0.22 | | 24.55 |
| | 1.3 | |
| -0.48 | | 25.85 |
| | 1.31 | |
| -0.74 | | 27.16 |
| | 1.55 | |
| -1.05 | | 28.71 |
| | 1.44 | |
| -1.14 | | 30.15 |
| | 0.94 | |
| -1.19 | | 31.09 |
| | 1.06 | |
| -1.17 | | 32.15 |
| | 0.98 | |
| -1.15 | | 33.13 |
| | 1.21 | |
| -0.98 | | 34.34 |
| | .89 | |
| -0.85 | | 35.23 |
| | 1.36 | |
| -0.48 | | 36.59 |
| | 1.11 | |
| -0.18 | | 37.70 |
| | 1.25 | |
| +0.11 | | 38.95 |
| | 1.19 | |
| +0.38 | | 40.14 |
| | 1.87 | |
| +0.68 | | 42.01 |
| | .73 | |
| +1.54 | | 42.74 |
| | 1.76 | |
| +1.87 | | 44.50 |
| | 1.54 | |
| +1.85 | | 46.04 |
| | 1.62 | |
| +1.85 | | 47.66 |
| | 1.65 | |
| +1.70 | | 49.31 |
| | 1.41 | |
| +1.58 | | 50.72 |
| | 1.27 | |
| +0.70 | | 51.99 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 54.99 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 57.99 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 60.99 |

0+300 *Đào:* S= 20.43m²

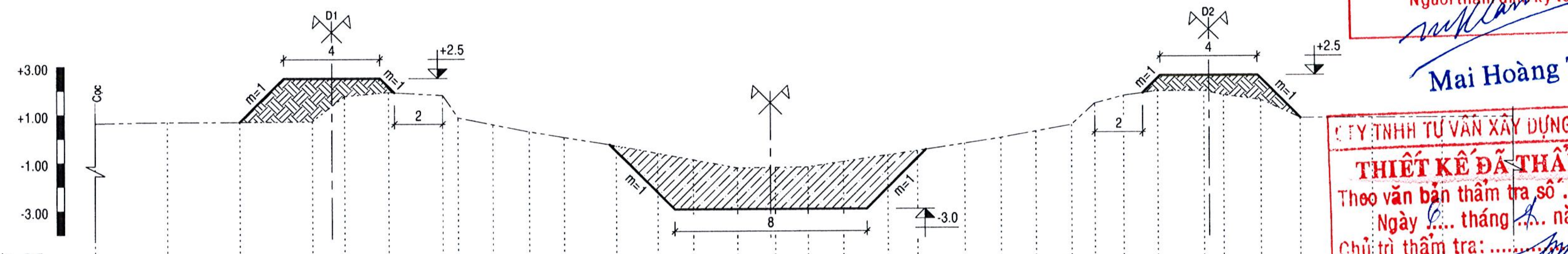


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.63 | | 0.00 |
| | 3.0 | |
| +0.68 | | 3.00 |
| | 3.0 | |
| +0.68 | | 6.00 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 9.00 |
| | 1.35 | |
| +1.75 | | 10.35 |
| | 1.82 | |
| +1.91 | | 12.17 |
| | 2.25 | |
| +1.78 | | 14.42 |
| | .64 | |
| +0.84 | | 15.06 |
| | 1.43 | |
| +0.55 | | 16.49 |
| | 1.52 | |
| +0.25 | | 18.01 |
| | 1.47 | |
| +0.01 | | 19.48 |
| | 2.16 | |
| -0.35 | | 21.64 |
| | 1.71 | |
| -0.67 | | 23.35 |
| | 1.48 | |
| -0.95 | | 24.83 |
| | 1.83 | |
| -1.29 | | 26.66 |
| | 1.59 | |
| -1.27 | | 28.25 |
| | 1.36 | |
| -1.26 | | 29.61 |
| | 1.47 | |
| -1.04 | | 31.08 |
| | 1.85 | |
| -0.77 | | 32.93 |
| | 1.22 | |
| -0.60 | | 34.15 |
| | 1.97 | |
| -0.30 | | 36.12 |
| | 1.52 | |
| -0.07 | | 37.64 |
| | 1.45 | |
| +0.19 | | 39.09 |
| | 1.48 | |
| +0.45 | | 40.57 |
| | 0.96 | |
| +1.34 | | 41.53 |
| | 1.2 | |
| +1.66 | | 42.73 |
| | 1.42 | |
| +1.85 | | 44.15 |
| | 1.91 | |
| +1.85 | | 46.06 |
| | 0.8 | |
| +1.67 | | 46.86 |
| | 1.55 | |
| +1.46 | | 48.41 |
| | 1.65 | |
| +0.70 | | 50.06 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 53.06 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 56.06 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 59.06 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHCT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..................
Chữ ký: .................. Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 2

0+400 *Đào:* S= 22.13m²

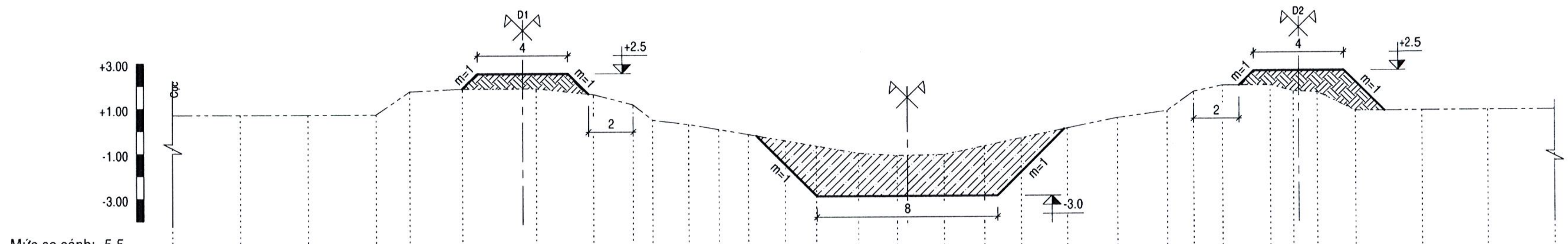


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +0.70 | +0.70 | +0.70 | +0.70 | +1.72 | +1.83 | +1.84 | +1.56 | +1.10 | +0.41 | +0.22 | -0.01 | -0.24 | -0.53 | -0.77 | -1.10 | -1.20 | -1.17 | -0.79 | -0.44 | -0.02 | +0.43 | +0.73 | +1.58 | +1.85 | +1.86 | +1.58 | +1.53 | +0.70 | +0.70 | +0.70 | +0.70 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 1.49 | 2.32 | 3.27 | 2.53 | 1.78 | .85 | 1.57 | 1.33 | 1.32 | 1.65 | 1.38 | 1.86 | 1.71 | 2.07 | 1.8 | 1.63 | 2.04 | 2.22 | 2.2 | 1.17 | 1.27 | 2.11 | 1.03 | 1.06 | 1.69 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.00 | 10.49 | 12.81 | 16.08 | 18.61 | 20.39 | 21.24 | 22.81 | 24.14 | 25.46 | 27.11 | 28.49 | 30.35 | 32.06 | 34.13 | 35.93 | 37.56 | 39.60 | 41.82 | 44.02 | 45.19 | 46.46 | 48.57 | 49.60 | 50.66 | 52.35 | 55.35 | 58.35 | 61.35 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 4302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 15 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

0+500 *Đào:* S= 20.27m²

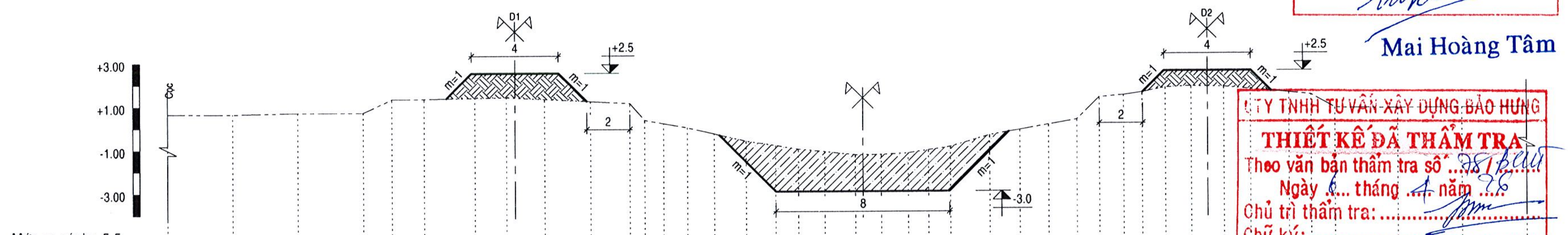


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +0.65 | +0.64 | +0.70 | +0.70 | +1.31 | +1.33 | +1.37 | +1.39 | +1.30 | +1.19 | +1.10 | +0.31 | +0.16 | -0.04 | -0.33 | -0.67 | -0.88 | -1.05 | -1.17 | -1.31 | -1.30 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 1.33 | 1.47 | 2.34 | 1.44 | 1.75 | 2.13 | 1.82 | .66 | .86 | 1.1 | 1.25 | 1.48 | 1.36 | 1.04 | 1.21 | 1.41 | 1.19 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.00 | 10.33 | 11.80 | 14.14 | 15.58 | 17.33 | 19.46 | 21.28 | 21.94 | 22.80 | 23.90 | 25.15 | 26.63 | 27.99 | 29.03 | 30.24 | 31.65 | 32.84 |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | -1.24 | -1.10 | -0.95 | -0.42 | -0.18 | +0.05 | +0.28 | +1.30 | +1.40 | +1.52 | +1.74 | +1.79 | +1.76 | +1.65 | +1.48 | +1.38 | +0.76 | +0.73 | +0.73 | +0.73 |
| Khoảng cách [m] | 1.24 | 0.94 | 1.02 | 1.81 | 1.39 | 1.33 | 1.3 | 1.03 | 1.12 | .85 | 1.06 | 1.19 | 1.5 | 1.23 | 1.78 | 1.02 | 1.09 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 34.08 | 35.02 | 36.04 | 37.85 | 39.24 | 40.57 | 41.87 | 42.90 | 44.02 | 44.87 | 45.93 | 47.12 | 48.62 | 49.85 | 51.63 | 52.65 | 53.74 | 56.74 | 59.74 | 62.74 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 781/BCTT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..................
Chữ ký: ..................

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

0+600 *Đào:* S= 21.41m²

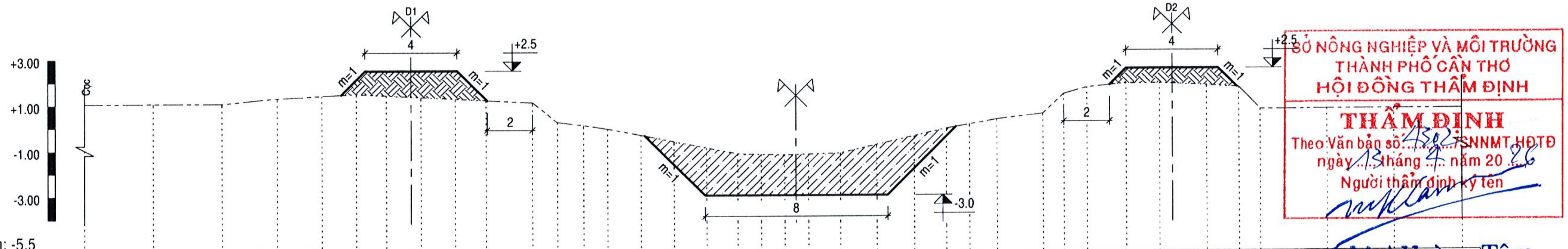


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.06 | | 0.00 |
| +1.08 | 3.0 | 3.00 |
| +1.08 | 3.0 | 6.00 |
| +1.31 | 2.42 | 8.42 |
| +1.41 | 1.95 | 10.37 |
| +1.49 | 1.5 | 11.87 |
| +1.42 | 1.31 | 13.18 |
| +1.35 | 1.51 | 14.69 |
| +1.27 | 1.48 | 16.17 |
| +1.20 | 1.34 | 17.51 |
| +1.10 | 2.05 | 19.56 |
| +0.23 | 1.08 | 20.64 |
| +0.09 | 1.14 | 21.78 |
| -0.07 | 1.05 | 22.83 |
| -0.35 | 1.46 | 24.29 |
| -0.64 | 1.44 | 25.73 |
| -0.92 | 1.41 | 27.14 |
| -1.18 | 1.36 | 28.50 |
| -1.21 | 1.04 | 29.54 |
| -1.23 | 1.04 | 30.58 |
| -1.20 | 1.04 | 31.62 |
| -1.16 | 1.39 | 33.01 |
| -0.79 | 1.59 | 34.60 |
| -0.42 | 1.63 | 36.23 |
| -0.09 | 1.4 | 37.63 |
| +0.08 | 1.01 | 38.64 |
| +0.30 | 1.21 | 39.85 |
| +0.54 | 2.01 | 41.86 |
| +1.40 | 0.91 | 42.77 |
| +1.68 | 1.02 | 43.79 |
| +1.85 | 1.71 | 45.50 |
| +1.85 | 1.44 | 46.94 |
| +1.76 | 2.05 | 48.99 |
| +1.67 | 1.4 | 50.39 |
| +0.70 | 0.94 | 51.33 |
| +0.70 | 3.0 | 54.33 |
| +0.70 | 3.0 | 57.33 |
| +0.70 | 3.0 | 60.33 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 4302/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

0+700 *Đào:* S= 25.96m²

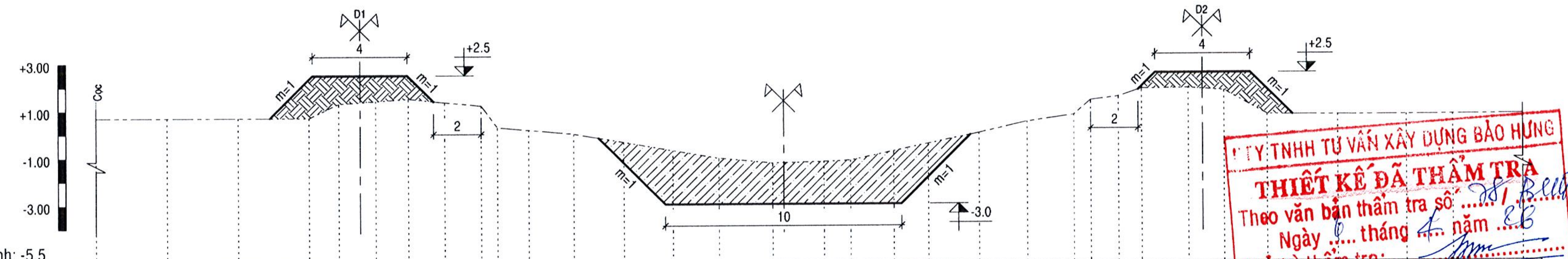


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.70 | | 0.00 |
| +0.70 | 3.0 | 3.00 |
| +0.70 | 3.0 | 6.00 |
| +0.70 | 3.0 | 9.00 |
| +1.30 | 1.25 | 10.25 |
| +1.41 | 1.56 | 11.81 |
| +1.50 | 1.38 | 13.19 |
| +1.35 | 1.52 | 14.71 |
| +1.20 | 1.54 | 16.25 |
| +0.27 | .68 | 16.93 |
| +0.16 | 1.31 | 18.24 |
| -0.01 | 1.93 | 20.17 |
| -0.37 | 2.11 | 22.28 |
| -0.73 | 2.07 | 24.35 |
| -1.06 | 1.93 | 26.28 |
| -1.27 | 2.27 | 28.55 |
| -1.21 | 2.2 | 30.75 |
| -1.16 | 1.12 | 31.87 |
| -0.77 | 1.83 | 33.70 |
| -0.46 | 1.46 | 35.16 |
| -0.02 | 2.14 | 37.30 |
| +0.45 | 2.04 | 39.34 |
| +0.73 | 1.97 | 41.31 |
| +1.35 | .72 | 42.03 |
| +1.50 | 1.17 | 43.20 |
| +1.83 | 0.98 | 44.18 |
| +1.85 | 1.97 | 46.15 |
| +1.74 | 1.5 | 47.65 |
| +0.72 | 1.82 | 49.47 |
| +0.70 | 3.0 | 52.47 |
| +0.70 | 3.0 | 55.47 |
| +0.71 | 2.0 | 57.47 |
| +0.72 | 3.0 | 60.47 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BH
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## 0+800 *Đào:* S= 26.12m²

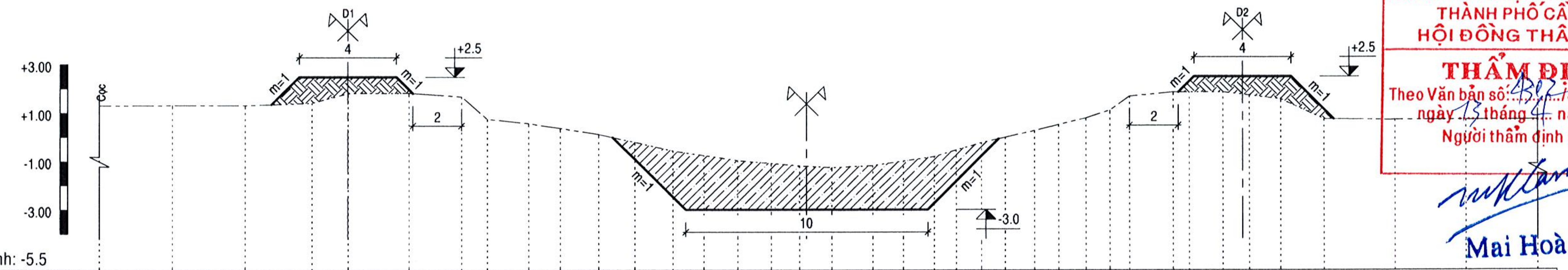


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.30 | | 0.00 |
| | 3.0 | |
| +1.32 | | 3.00 |
| | 3.0 | |
| +1.32 | | 6.00 |
| | 2.75 | |
| +1.42 | | 8.75 |
| | 1.49 | |
| +1.82 | | 10.24 |
| | 2.5 | |
| +1.83 | | 12.74 |
| | 2.16 | |
| +1.68 | | 14.90 |
| | 1.06 | |
| +0.75 | | 15.96 |
| | 1.71 | |
| +0.57 | | 17.67 |
| | 1.31 | |
| +0.37 | | 18.98 |
| | 1.6 | |
| +0.12 | | 20.58 |
| | 1.47 | |
| -0.21 | | 22.05 |
| | 1.57 | |
| -0.57 | | 23.62 |
| | 1.28 | |
| -0.76 | | 24.90 |
| | 1.39 | |
| -0.97 | | 26.29 |
| | 1.39 | |
| -1.09 | | 27.68 |
| | 1.18 | |
| -1.19 | | 28.86 |
| | 1.34 | |
| -1.26 | | 30.20 |
| | 1.68 | |
| -1.18 | | 31.88 |
| | 1.26 | |
| -0.99 | | 33.14 |
| | 1.27 | |
| -0.81 | | 34.41 |
| | 0.91 | |
| -0.54 | | 35.32 |
| | 1.04 | |
| -0.24 | | 36.36 |
| | 0.98 | |
| -0.01 | | 37.34 |
| | 1.22 | |
| +0.26 | | 38.56 |
| | 0.99 | |
| +0.51 | | 39.55 |
| | 1.12 | |
| +0.78 | | 40.67 |
| | 0.99 | |
| +1.10 | | 41.66 |
| | .81 | |
| +1.68 | | 42.47 |
| | 1.79 | |
| +1.85 | | 44.26 |
| | .66 | |
| +1.85 | | 44.92 |
| | 1.39 | |
| +1.85 | | 46.31 |
| | 1.09 | |
| +1.72 | | 47.40 |
| | 1.29 | |
| +1.56 | | 48.69 |
| | 1.79 | |
| +0.74 | | 50.48 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 53.48 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 56.48 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 59.48 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 4397 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 20 26
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 0+900 *Đào:* S= 23.81m²

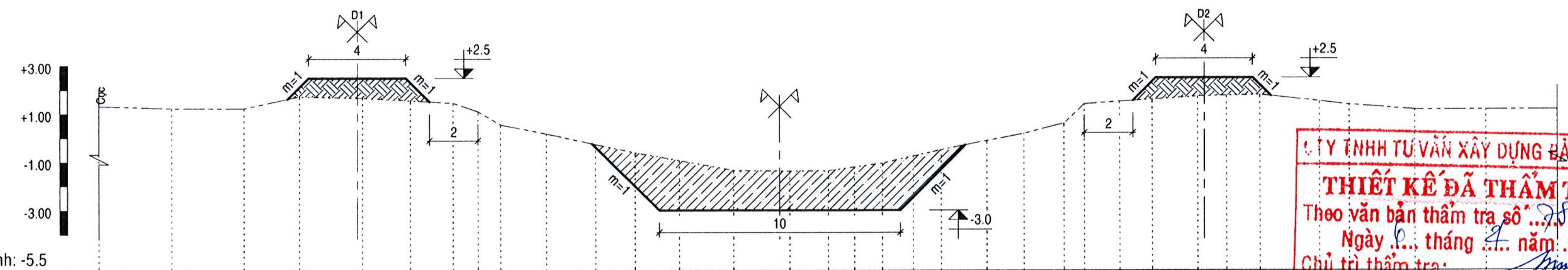


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.32 | | 0.00 |
| | 3.0 | |
| +1.23 | | 3.00 |
| | 3.0 | |
| +1.23 | | 6.00 |
| | 2.28 | |
| +1.73 | | 8.28 |
| | 2.61 | |
| +1.67 | | 10.89 |
| | 1.98 | |
| +1.56 | | 12.87 |
| | 1.76 | |
| +1.46 | | 14.63 |
| | 1.03 | |
| +1.10 | | 15.66 |
| | 0.94 | |
| +0.55 | | 16.60 |
| | 1.89 | |
| +0.18 | | 18.49 |
| | 2.08 | |
| -0.27 | | 20.57 |
| | 1.6 | |
| -0.61 | | 22.17 |
| | 1.84 | |
| -0.94 | | 24.01 |
| | 2.24 | |
| -1.35 | | 26.25 |
| | 2.35 | |
| -1.38 | | 28.60 |
| | 1.61 | |
| -1.36 | | 30.21 |
| | 1.08 | |
| -1.21 | | 31.29 |
| | 1.14 | |
| -1.05 | | 32.43 |
| | 1.28 | |
| -0.76 | | 33.71 |
| | 1.16 | |
| -0.50 | | 34.87 |
| | 1.9 | |
| -0.12 | | 36.77 |
| | 1.54 | |
| +0.18 | | 38.31 |
| | 1.67 | |
| +0.60 | | 39.98 |
| | .84 | |
| +1.41 | | 40.82 |
| | 1.46 | |
| +1.51 | | 42.28 |
| | 1.34 | |
| +1.60 | | 43.62 |
| | 1.88 | |
| +1.72 | | 45.50 |
| | 1.2 | |
| +1.76 | | 46.70 |
| | 1.38 | |
| +1.79 | | 48.08 |
| | 2.47 | |
| +1.52 | | 50.55 |
| | 1.24 | |
| +1.38 | | 51.79 |
| | 2.81 | |
| +1.17 | | 54.60 |
| | 3.0 | |
| +1.17 | | 57.60 |
| | 3.0 | |
| +1.17 | | 60.60 |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 78/BHV
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
CHữ Ký: ..........
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

1+000 *Đào:* S= 24.19m²

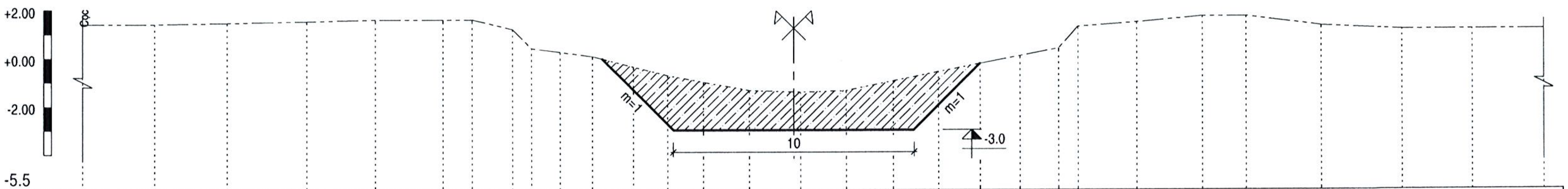


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.42 | 3.0 | 0.00 |
| +1.42 | 3.0 | 3.00 |
| +1.47 | 3.27 | 6.00 |
| +1.54 | 2.83 | 9.27 |
| +1.60 | 2.8 | 12.10 |
| +1.60 | 1.2 | 14.90 |
| +1.60 | 1.68 | 16.10 |
| +1.20 | .78 | 17.78 |
| +0.40 | 1.21 | 18.56 |
| +0.24 | 1.33 | 19.77 |
| +0.06 | 1.69 | 21.10 |
| -0.38 | 1.43 | 22.79 |
| -0.74 | 1.49 | 24.22 |
| -1.02 | 1.9 | 25.71 |
| -1.36 | 2.12 | 27.61 |
| -1.43 | 1.89 | 29.73 |
| -1.37 | 1.97 | 31.62 |
| -0.97 | 1.88 | 33.59 |
| -0.60 | 1.73 | 35.47 |
| -0.26 | 1.64 | 37.20 |
| +0.06 | 1.61 | 38.84 |
| +0.37 | 0.8 | 40.45 |
| +1.27 | 2.44 | 41.25 |
| +1.45 | 2.72 | 43.69 |
| +1.70 | 1.8 | 46.41 |
| +1.70 | 3.11 | 48.21 |
| +1.31 | 3.41 | 51.32 |
| +1.14 | 3.0 | 54.73 |
| +1.14 | 3.0 | 57.73 |
| +1.14 | | 60.73 |

1+100 *Đào:* S= 18.92m²

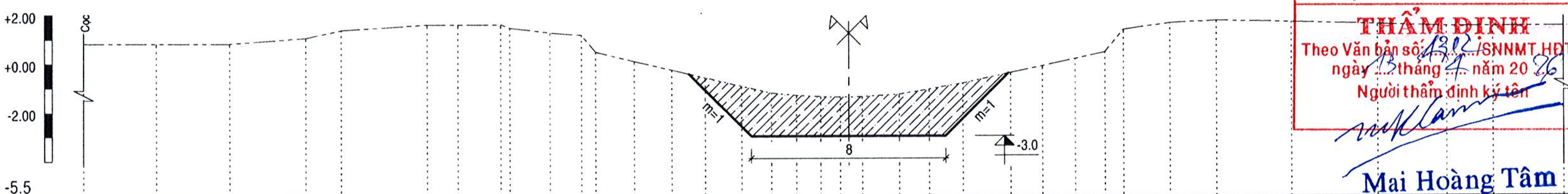


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.83 | 3.0 | 0.00 |
| +0.83 | 3.0 | 3.00 |
| +0.83 | 3.09 | 6.00 |
| +1.06 | 1.46 | 9.09 |
| +1.37 | 3.5 | 10.55 |
| +1.60 | 1.26 | 14.05 |
| +1.60 | 1.76 | 15.31 |
| +1.60 | .37 | 17.07 |
| +1.46 | 1.64 | 17.44 |
| +1.26 | 1.3 | 19.08 |
| +1.16 | .59 | 20.38 |
| +0.46 | 1.56 | 20.97 |
| +0.08 | 1.55 | 22.53 |
| -0.28 | 1.39 | 24.08 |
| -0.60 | 1.49 | 25.47 |
| -0.95 | 1.22 | 26.96 |
| -1.23 | 1.03 | 28.18 |
| -1.33 | 0.98 | 29.21 |
| -1.38 | .81 | 30.19 |
| -1.40 | 0.91 | 31.00 |
| -1.38 | 1.52 | 31.91 |
| -1.29 | 1.24 | 33.43 |
| -1.08 | 1.39 | 34.67 |
| -0.84 | 1.96 | 36.06 |
| -0.41 | 1.3 | 38.02 |
| -0.14 | 1.34 | 39.32 |
| +0.15 | 1.22 | 40.66 |
| +0.42 | .76 | 41.88 |
| +1.34 | 1.91 | 42.64 |
| +1.61 | 1.91 | 44.55 |
| +1.70 | 3.07 | 46.46 |
| +1.64 | 3.53 | 49.53 |
| +1.55 | 2.94 | 53.06 |
| +1.45 | 1.94 | 56.00 |
| +1.45 | 2.94 | 57.94 |
| +1.45 | | 60.88 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1312 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 20 26
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

1+200 *Đào:* S= 20.05m²

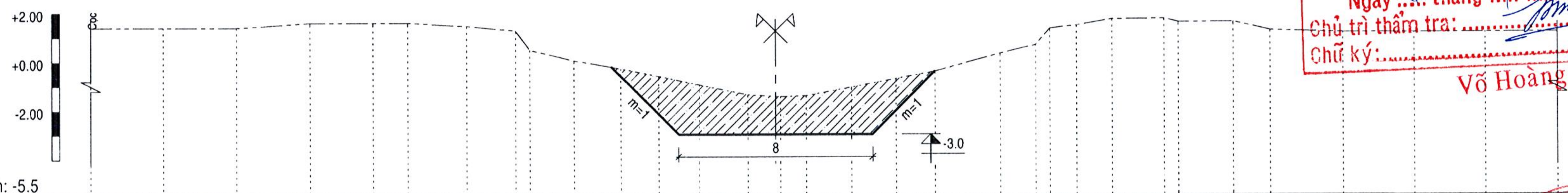


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.40 | 3.0 | 0.00 |
| +1.40 | 3.0 | 3.00 |
| +1.40 | 3.0 | 6.00 |
| +1.60 | 2.58 | 9.00 |
| +1.60 | 1.42 | 11.58 |
| +1.60 | 2.42 | 13.00 |
| +1.46 | 2.01 | 15.42 |
| +1.27 | .59 | 17.43 |
| +0.47 | 1.83 | 18.02 |
| +0.03 | 1.92 | 19.85 |
| -0.31 | 1.55 | 21.77 |
| -0.62 | 1.69 | 23.32 |
| -0.97 | 1.99 | 25.01 |
| -1.38 | 1.34 | 27.00 |
| -1.45 | 1.05 | 28.34 |
| -1.42 | 1.87 | 29.39 |
| -1.07 | 1.84 | 31.26 |
| -0.73 | 1.62 | 33.10 |
| -0.43 | 2.68 | 34.72 |
| +0.30 | 1.47 | 37.40 |
| +0.65 | .58 | 38.87 |
| +1.32 | 1.1 | 39.45 |
| +1.45 | 1.46 | 40.55 |
| +1.70 | 2.14 | 42.01 |
| +1.72 | .59 | 44.15 |
| +1.58 | 2.26 | 44.74 |
| +1.59 | 1.51 | 47.00 |
| +1.24 | 3.0 | 48.51 |
| +1.15 | 3.0 | 51.51 |
| +1.15 | 3.0 | 54.51 |
| +1.15 | 3.0 | 57.51 |
| +1.15 | | 60.51 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...48/BC...
Ngày ...6.. tháng ..4.. năm ..26
Chủ trì thẩm tra: ..............
Chữ ký: ..............
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801632163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

## 1+300 *Đào:* S= 19.22m²

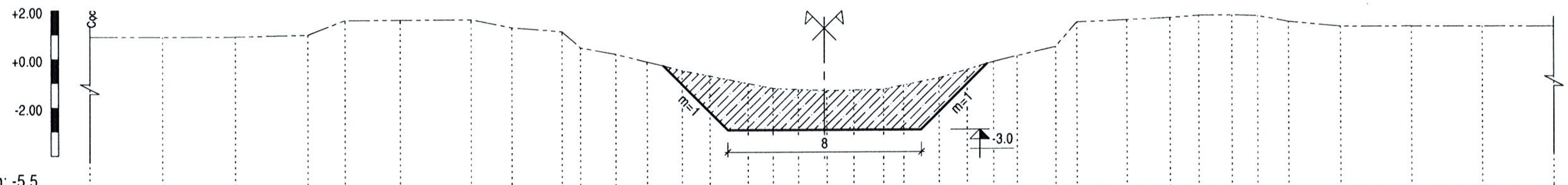


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.91 | | 0.00 |
| +0.91 | 3.0 | 3.00 |
| +0.91 | 3.0 | 6.00 |
| +0.98 | 3.0 | 9.00 |
| +1.58 | 1.52 | 10.52 |
| +1.59 | 2.27 | 12.79 |
| +1.60 | 2.92 | 15.71 |
| +1.26 | 1.68 | 17.39 |
| +1.08 | 2.09 | 19.48 |
| +0.41 | .76 | 20.24 |
| +0.14 | 1.46 | 21.70 |
| -0.18 | 1.28 | 22.98 |
| -0.55 | 1.46 | 24.44 |
| -0.77 | 1.14 | 25.58 |
| -1.09 | 1.57 | 27.15 |
| -1.29 | 1.03 | 28.18 |
| -1.34 | 1.04 | 29.22 |
| -1.39 | 1.19 | 30.41 |
| -1.37 | 1.12 | 31.53 |
| -1.34 | 1.22 | 32.75 |
| -1.17 | .83 | 33.58 |
| -0.88 | 1.46 | 35.04 |
| -0.54 | 1.15 | 36.19 |
| -0.21 | 1.09 | 37.28 |
| +0.02 | 0.98 | 38.26 |
| +0.39 | 1.61 | 39.87 |
| +1.39 | .87 | 40.74 |
| +1.48 | 2.06 | 42.80 |
| +1.56 | 1.77 | 44.57 |
| +1.65 | 1.19 | 45.76 |
| +1.66 | 1.37 | 47.13 |
| +1.62 | 1.06 | 48.19 |
| +1.38 | 1.28 | 49.47 |
| +1.17 | 2.15 | 51.62 |
| +1.14 | 3.0 | 54.62 |
| +1.12 | 3.0 | 57.62 |
| +1.10 | 3.0 | 60.62 |

## 1+400 *Đào:* S= 18.72m²

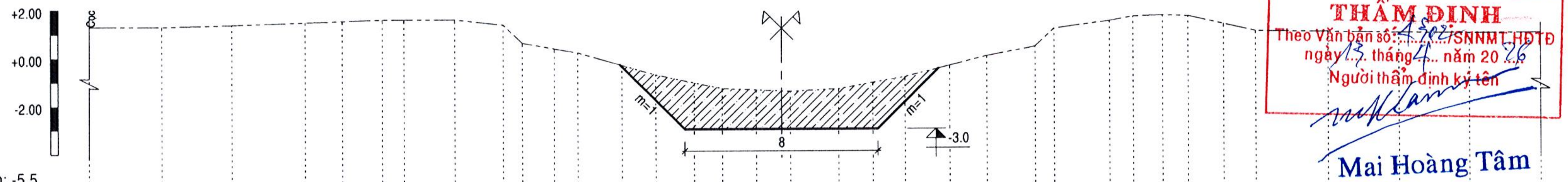


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.31 | | 0.00 |
| +1.31 | 3.0 | 3.00 |
| +1.38 | 2.9 | 5.90 |
| +1.49 | 3.04 | 8.94 |
| +1.54 | 1.52 | 10.46 |
| +1.60 | 1.64 | 12.10 |
| +1.60 | 0.9 | 13.00 |
| +1.60 | 2.1 | 15.10 |
| +1.37 | 2.01 | 17.11 |
| +0.61 | .79 | 17.90 |
| +0.37 | 1.33 | 19.23 |
| +0.20 | 0.98 | 20.21 |
| -0.33 | 1.82 | 22.03 |
| -0.73 | 1.4 | 23.43 |
| -1.07 | 1.6 | 25.03 |
| -1.31 | 1.16 | 26.19 |
| -1.37 | 1.4 | 27.59 |
| -1.43 | 1.41 | 29.00 |
| -1.33 | 2.01 | 31.01 |
| -1.07 | 1.43 | 32.44 |
| -0.84 | 1.32 | 33.76 |
| -0.37 | 1.86 | 35.62 |
| +0.02 | 1.53 | 37.15 |
| +0.40 | 2.01 | 39.16 |
| +1.15 | 0.8 | 39.96 |
| +1.46 | 2.28 | 42.24 |
| +1.64 | 0.98 | 43.22 |
| +1.68 | 1.21 | 44.43 |
| +1.64 | 1.06 | 45.49 |
| +1.31 | 1.47 | 46.96 |
| +1.01 | 1.33 | 48.29 |
| +0.96 | 3.0 | 51.29 |
| +0.91 | 3.0 | 54.29 |
| +0.88 | 3.0 | 57.29 |
| +0.88 | 3.0 | 60.29 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4502/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 1+500 *Đào:* S= 18.55m²

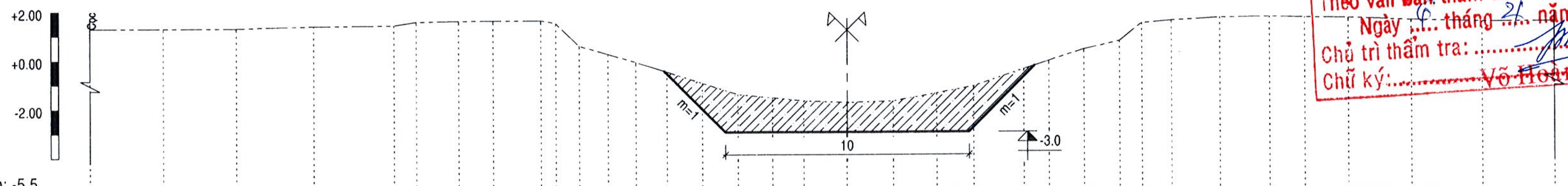


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.30 | | 0.00 |
| +1.30 | 3.0 | 3.00 |
| +1.30 | 3.0 | 6.00 |
| +1.39 | 3.17 | 9.17 |
| +1.42 | 3.26 | 12.43 |
| +1.56 | 0.92 | 13.35 |
| +1.59 | 1.73 | 15.08 |
| +1.60 | 1.42 | 16.50 |
| +1.60 | 1.96 | 18.46 |
| +1.48 | .62 | 19.08 |
| +0.55 | 0.96 | 20.04 |
| +0.21 | 1.17 | 21.21 |
| -0.12 | 1.14 | 22.35 |
| -0.53 | 1.28 | 23.63 |
| -0.99 | 1.45 | 25.08 |
| -1.46 | 1.46 | 26.54 |
| -1.60 | 1.41 | 27.95 |
| -1.73 | 1.28 | 29.23 |
| -1.79 | 1.77 | 31.00 |
| -1.74 | 1.91 | 32.91 |
| -1.42 | 1.79 | 34.70 |
| -1.14 | 1.51 | 36.21 |
| -0.44 | 2.07 | 38.28 |
| -0.11 | 1.03 | 39.31 |
| +0.36 | 1.45 | 40.76 |
| +0.69 | 1.45 | 42.21 |
| +1.42 | 0.91 | 43.12 |
| +1.52 | 1.22 | 44.34 |
| +1.63 | 1.99 | 46.33 |
| +1.66 | 2.04 | 48.37 |
| +1.62 | 1.44 | 49.81 |
| +1.60 | 1.79 | 51.60 |
| +1.51 | 2.64 | 54.24 |
| +1.44 | 3.0 | 57.24 |
| +1.44 | 3.0 | 60.24 |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 78/BCUT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ...
Chữ ký: ... Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
M.S.D.N: 18016...163-C.T.T.N.H.H

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

1+600 *Đào:* S= 19.09m²

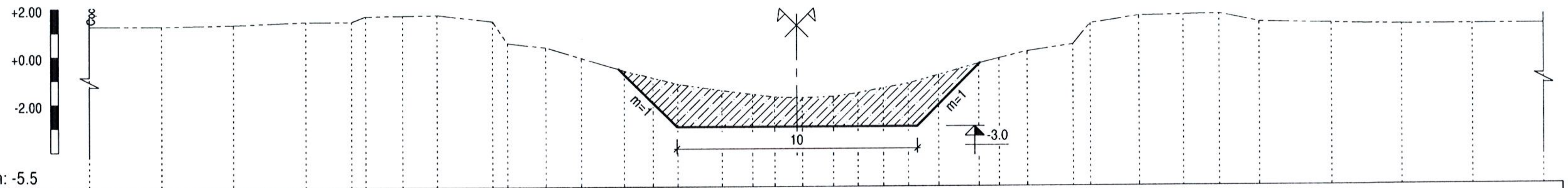


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.25 | | 0.00 |
| +1.25 | 3.0 | 3.00 |
| +1.31 | 3.0 | 6.00 |
| +1.43 | 3.0 | 9.00 |
| +1.43 | 1.88 | 10.88 |
| +1.66 | .59 | 11.47 |
| +1.68 | 1.53 | 13.00 |
| +1.70 | 1.44 | 14.44 |
| +1.43 | 2.3 | 16.74 |
| +0.51 | .62 | 17.36 |
| +0.33 | 1.59 | 18.95 |
| -0.12 | 1.49 | 20.44 |
| -0.66 | 1.78 | 22.22 |
| -0.96 | 1.19 | 23.41 |
| -1.22 | 1.02 | 24.43 |
| -1.49 | 1.84 | 26.27 |
| -1.65 | 1.28 | 27.55 |
| -1.77 | 0.92 | 28.47 |
| -1.80 | 1.15 | 29.62 |
| -1.75 | 1.3 | 30.92 |
| -1.60 | 1.01 | 31.93 |
| -1.40 | 1.05 | 32.98 |
| -1.21 | 1.04 | 34.02 |
| -0.86 | 1.27 | 35.29 |
| -0.39 | 1.67 | 36.96 |
| -0.18 | .84 | 37.80 |
| +0.11 | 1.17 | 38.97 |
| +0.39 | 1.91 | 40.88 |
| +1.27 | .71 | 41.59 |
| +1.58 | 2.03 | 43.62 |
| +1.62 | 1.84 | 45.46 |
| +1.65 | 1.49 | 46.95 |
| +1.31 | 1.65 | 48.60 |
| +1.24 | 3.0 | 51.60 |
| +1.17 | 3.0 | 54.60 |
| +1.17 | 3.0 | 57.60 |
| +1.17 | 3.0 | 60.60 |

1+700 *Đào:* S= 21.33m²

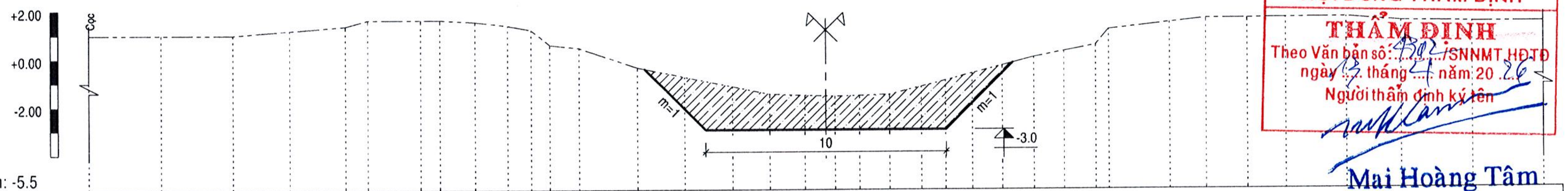


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.99 | | 0.00 |
| +0.99 | 3.0 | 3.00 |
| +0.99 | 3.0 | 6.00 |
| +1.17 | 2.35 | 8.35 |
| +1.35 | 2.3 | 10.65 |
| +1.60 | 0.93 | 11.58 |
| +1.60 | 2.2 | 13.78 |
| +1.60 | 0.8 | 14.58 |
| +1.52 | 1.47 | 16.05 |
| +1.36 | 1.34 | 17.39 |
| +1.18 | 0.97 | 18.36 |
| +0.55 | .79 | 19.15 |
| +0.42 | 1.22 | 20.37 |
| -0.40 | 2.41 | 22.78 |
| -0.80 | 1.96 | 24.74 |
| -1.20 | 2.0 | 26.74 |
| -1.52 | 1.54 | 28.28 |
| -1.57 | 1.47 | 29.75 |
| -1.61 | 1.25 | 31.00 |
| -1.58 | 1.02 | 32.02 |
| -1.54 | 1.25 | 33.27 |
| -1.21 | 1.31 | 34.58 |
| -0.96 | 1.02 | 35.60 |
| -0.66 | 1.12 | 36.72 |
| -0.34 | 1.24 | 37.96 |
| +0.00 | 1.31 | 39.27 |
| +0.25 | 1.26 | 40.53 |
| +0.50 | 1.32 | 41.85 |
| +1.15 | .54 | 42.39 |
| +1.43 | 2.54 | 44.93 |
| +1.60 | 1.51 | 46.44 |
| +1.60 | 1.7 | 48.14 |
| +1.62 | 1.59 | 49.73 |
| +1.63 | 2.53 | 52.26 |
| +1.45 | 2.38 | 54.64 |
| +1.40 | 3.0 | 57.64 |
| +1.40 | 3.0 | 60.64 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

1+800 *Đào:* S= 19.44m²

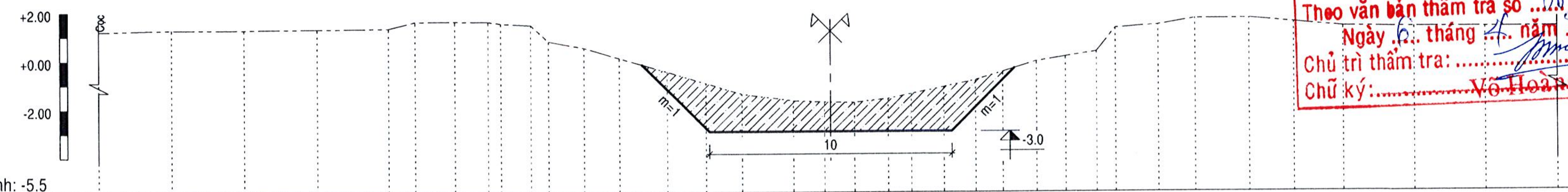


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.20 | | 0.00 |
| +1.26 | 3.0 | 3.00 |
| +1.26 | 3.0 | 6.00 |
| +1.28 | 3.0 | 9.00 |
| +1.30 | 2.93 | 11.93 |
| +1.57 | 1.09 | 13.02 |
| +1.58 | 1.64 | 14.66 |
| +1.56 | 1.37 | 16.03 |
| +1.49 | .52 | 16.55 |
| +1.42 | 1.22 | 17.77 |
| +0.74 | .73 | 18.50 |
| +0.47 | 1.48 | 19.98 |
| +0.03 | 1.46 | 21.44 |
| -0.54 | 1.95 | 23.39 |
| -1.02 | 1.6 | 24.99 |
| -1.46 | 1.49 | 26.48 |
| -1.74 | 2.11 | 28.59 |
| -1.79 | 1.29 | 29.88 |
| -1.81 | 1.23 | 31.11 |
| -1.66 | 1.38 | 32.49 |
| -1.46 | 0.96 | 33.45 |
| -1.18 | 1.34 | 34.79 |
| -0.90 | 1.33 | 36.12 |
| -0.56 | 1.11 | 37.23 |
| -0.13 | 1.39 | 38.62 |
| +0.06 | 1.2 | 39.82 |
| +0.26 | 1.28 | 41.10 |
| +1.23 | .78 | 41.88 |
| +1.36 | 1.77 | 43.65 |
| +1.61 | 1.52 | 45.17 |
| +1.62 | 2.22 | 47.39 |
| +1.46 | 1.82 | 49.21 |
| +1.27 | 2.04 | 51.25 |
| +1.25 | 3.0 | 54.25 |
| +1.23 | 3.0 | 57.25 |
| +1.23 | 3.0 | 60.25 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 78/BH
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: .......... Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622143 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 8

## 1+900 *Đào:* S= 23.56m²

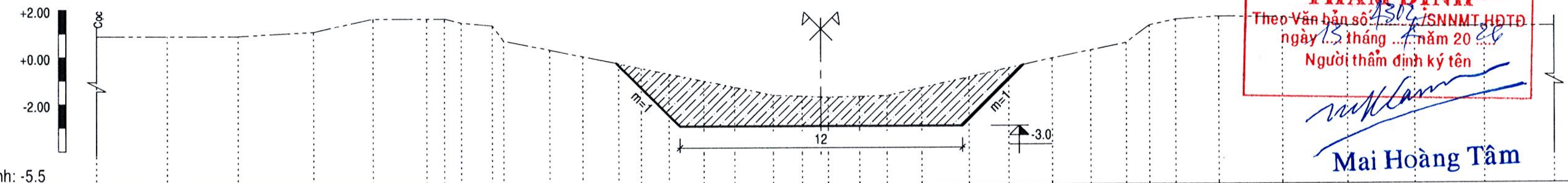


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.87 | | 0.00 |
| +0.87 | 3.0 | 3.00 |
| +0.87 | 3.0 | 6.00 |
| +1.05 | 3.19 | 9.19 |
| +1.60 | 2.53 | 11.72 |
| +1.60 | 2.25 | 13.97 |
| +1.60 | .75 | 14.72 |
| +1.42 | .71 | 15.43 |
| +1.30 | 1.32 | 16.75 |
| +0.65 | .48 | 17.23 |
| +0.26 | 1.95 | 19.18 |
| -0.03 | 1.42 | 20.60 |
| -0.34 | 1.52 | 22.12 |
| -0.54 | 0.94 | 23.06 |
| -0.78 | 1.18 | 24.24 |
| -1.08 | 1.46 | 25.70 |
| -1.35 | 1.32 | 27.02 |
| -1.69 | 1.64 | 28.66 |
| -1.74 | 1.23 | 29.89 |
| -1.78 | 1.11 | 31.00 |
| -1.75 | 1.33 | 32.33 |
| -1.72 | 1.16 | 33.49 |
| -1.39 | 1.47 | 34.96 |
| -0.94 | 2.01 | 36.97 |
| -0.56 | 1.68 | 38.65 |
| -0.15 | 1.86 | 40.51 |
| +0.18 | 1.64 | 42.15 |
| +0.49 | 1.51 | 43.66 |
| +1.23 | 0.98 | 44.64 |
| +1.47 | 1.1 | 45.74 |
| +1.60 | 1.82 | 47.56 |
| +1.56 | 2.71 | 50.27 |
| +1.20 | 2.78 | 53.05 |
| +1.14 | 2.95 | 56.00 |
| +1.14 | 3.0 | 59.00 |
| +1.14 | 3.0 | 62.00 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 1 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

## 2+000 *Đào:* S= 21.25m²

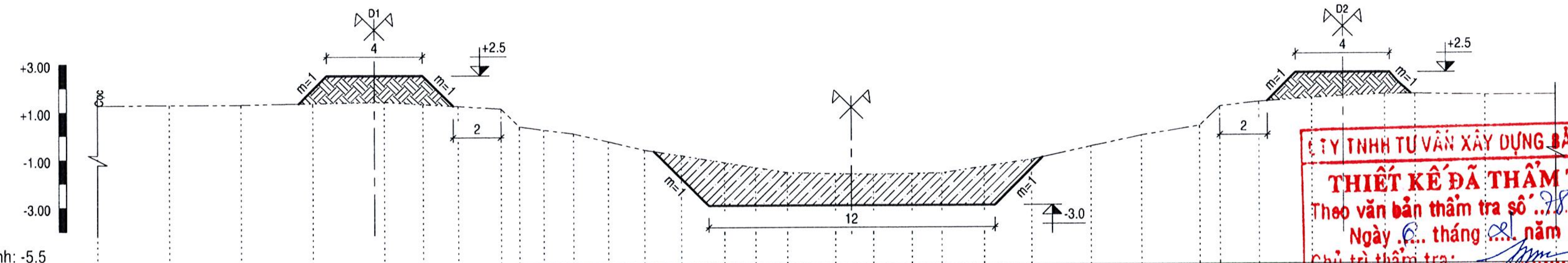


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.26 | | 0.00 |
| +1.30 | 3.0 | 3.00 |
| +1.30 | 3.0 | 6.00 |
| +1.35 | 3.0 | 9.00 |
| +1.40 | 3.0 | 12.00 |
| +1.30 | 1.6 | 13.60 |
| +1.21 | 1.46 | 15.06 |
| +1.10 | 1.79 | 16.85 |
| +0.34 | .77 | 17.62 |
| +0.20 | 1.01 | 18.63 |
| +0.04 | 1.27 | 19.90 |
| -0.30 | 1.45 | 21.35 |
| -0.66 | 1.5 | 22.85 |
| -0.90 | 1.54 | 24.39 |
| -1.20 | 1.81 | 26.20 |
| -1.41 | 1.3 | 27.50 |
| -1.62 | 1.33 | 28.83 |
| -1.67 | 2.02 | 30.85 |
| -1.70 | 1.6 | 32.45 |
| -1.67 | 1.6 | 34.05 |
| -1.65 | 1.25 | 35.30 |
| -1.39 | 1.79 | 37.09 |
| -1.10 | 1.97 | 39.06 |
| -0.56 | 2.52 | 41.58 |
| -0.11 | 2.11 | 43.69 |
| +0.29 | 2.43 | 46.12 |
| +1.10 | .84 | 46.96 |
| +1.29 | 1.64 | 48.60 |
| +1.44 | 2.22 | 50.82 |
| +1.60 | 3.08 | 53.90 |
| +1.60 | 1.32 | 55.22 |
| +1.54 | 3.0 | 58.22 |
| +1.54 | 3.0 | 61.22 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BC.TT
Ngày 6 tháng 01 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM ★ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

2+100 *Đào:* S= 16.64m²

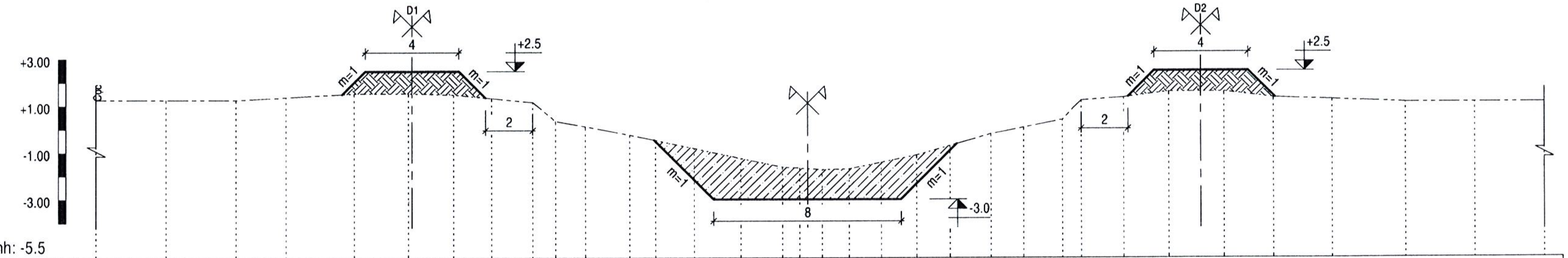


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.26 | 3.0 | 0.00 |
| +1.26 | 3.0 | 3.00 |
| +1.26 | 2.12 | 6.00 |
| +1.38 | 2.9 | 8.12 |
| +1.54 | 2.32 | 11.02 |
| +1.55 | 1.93 | 13.34 |
| +1.49 | 1.63 | 15.27 |
| +1.33 | 1.74 | 16.90 |
| +1.16 | 0.97 | 18.64 |
| +0.35 | 1.29 | 19.61 |
| +0.12 | 1.89 | 20.90 |
| -0.24 | 1.11 | 22.79 |
| -0.47 | 1.65 | 23.90 |
| -0.82 | 1.99 | 25.55 |
| -1.25 | 1.76 | 27.54 |
| -1.62 | .74 | 29.30 |
| -1.67 | 0.96 | 30.04 |
| -1.73 | 1.16 | 31.00 |
| -1.70 | 1.37 | 32.16 |
| -1.42 | 1.52 | 33.53 |
| -1.11 | 1.41 | 35.05 |
| -0.71 | 1.75 | 36.46 |
| -0.21 | 1.39 | 38.21 |
| +0.07 | 1.66 | 39.60 |
| +0.40 | .79 | 41.26 |
| +1.22 | 1.81 | 42.05 |
| +1.36 | 1.93 | 43.86 |
| +1.60 | 2.36 | 45.79 |
| +1.60 | 2.09 | 48.15 |
| +1.35 | 2.51 | 50.24 |
| +1.26 | 3.25 | 52.75 |
| +1.13 | 3.0 | 56.00 |
| +1.13 | 3.0 | 59.00 |
| +1.13 | | 62.00 |

2+200 *Đào:* S= 19.31m²

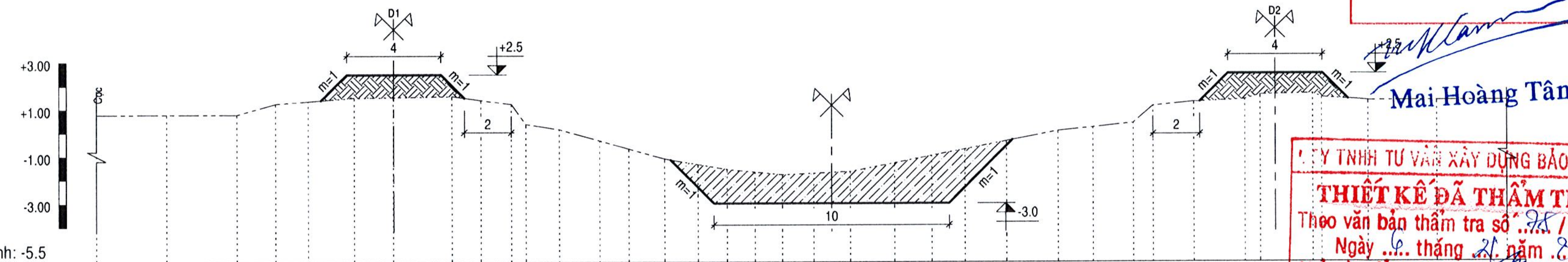


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.78 | 3.0 | 0.00 |
| +0.79 | 3.0 | 3.00 |
| +0.79 | 1.63 | 6.00 |
| +1.25 | 1.39 | 7.63 |
| +1.36 | 1.95 | 9.02 |
| +1.51 | 1.67 | 10.97 |
| +1.53 | 2.49 | 12.64 |
| +1.57 | 1.24 | 15.13 |
| +1.40 | 1.29 | 16.37 |
| +1.23 | .61 | 17.66 |
| +0.37 | 1.42 | 18.27 |
| +0.15 | 1.72 | 19.69 |
| -0.33 | 1.25 | 21.41 |
| -0.68 | 1.53 | 22.66 |
| -1.11 | 1.42 | 24.19 |
| -1.35 | 1.24 | 25.61 |
| -1.56 | 1.18 | 26.85 |
| -1.68 | 1.15 | 28.03 |
| -1.79 | 1.34 | 29.18 |
| -1.73 | 1.56 | 30.52 |
| -1.66 | 1.89 | 32.08 |
| -1.29 | 1.58 | 33.97 |
| -0.98 | 1.41 | 35.55 |
| -0.71 | 1.77 | 36.96 |
| -0.36 | 2.2 | 38.73 |
| +0.07 | 1.48 | 40.93 |
| +0.22 | 1.71 | 42.41 |
| +0.40 | .84 | 44.12 |
| +1.13 | 1.74 | 44.96 |
| +1.29 | 2.17 | 46.70 |
| +1.40 | .66 | 48.87 |
| +1.60 | 2.21 | 49.53 |
| +1.65 | .38 | 51.74 |
| +1.48 | 2.06 | 52.12 |
| +1.35 | 3.0 | 54.18 |
| +1.35 | 3.0 | 57.18 |
| +1.35 | | 60.18 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ..78/BHLT..
Ngày ..6.. tháng ..4.. năm ..26
Chủ trì thẩm tra:..................
Chữ ký:..................
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 10

## 2+300 *Đào:* S= 17.43m²

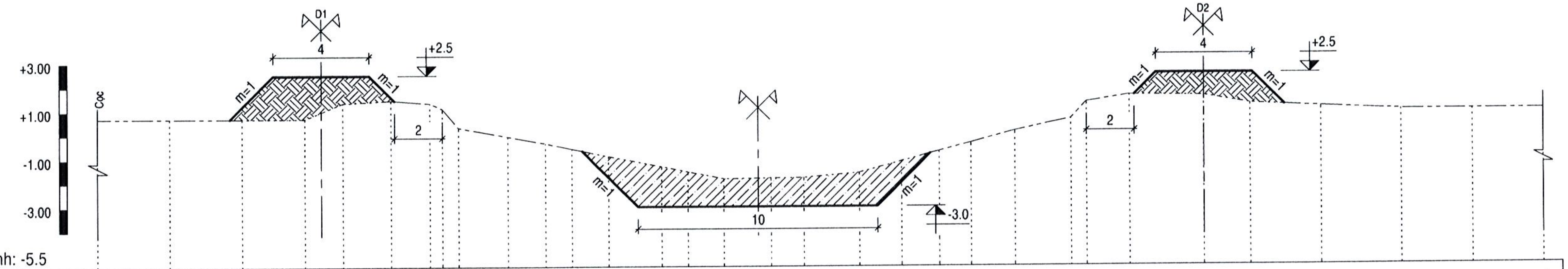


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +0.70 | +0.70 | +0.70 | +0.70 | +1.36 | +1.46 | +1.34 | +1.10 | +0.31 | -0.06 | -0.35 | -0.58 | -0.90 | -1.33 | -1.55 | -1.84 | -1.81 | -1.80 | -1.60 | -1.13 | -0.71 | -0.36 | +0.13 | +0.63 | +1.32 | +1.60 | +1.56 | +1.23 | +1.10 | +0.94 | +0.94 | +0.94 |
| Khoảng cách [m] | 3.0 | 3.0 | 2.6 | 1.58 | 2.01 | 1.62 | .52 | .66 | 2.05 | 1.56 | 1.11 | 1.53 | 2.21 | 1.1 | 1.48 | 1.97 | 1.37 | 2.33 | 1.76 | 1.56 | 1.33 | 1.83 | 2.34 | .64 | 1.8 | 3.09 | 1.92 | 2.94 | 3.46 | 3.0 | 3.0 | |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 8.60 | 10.18 | 12.19 | 13.81 | 14.33 | 14.99 | 17.04 | 18.60 | 19.71 | 21.24 | 23.45 | 24.55 | 26.03 | 28.00 | 29.37 | 31.70 | 33.46 | 35.02 | 36.35 | 38.18 | 40.52 | 41.16 | 42.96 | 46.05 | 47.97 | 50.91 | 54.37 | 57.37 | 60.37 |

## 2+400 *Đào:* S= 14.61m²

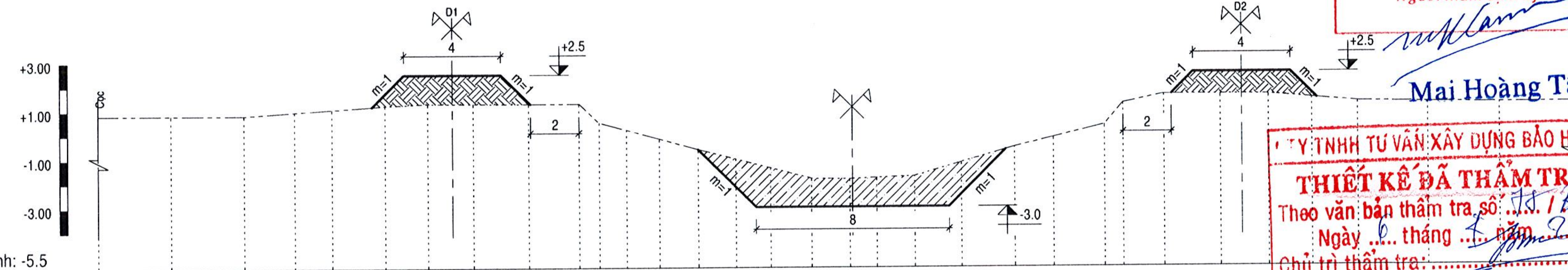


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +0.83 | +0.83 | +0.83 | +0.97 | +1.07 | +1.22 | +1.30 | +1.29 | +1.28 | +1.28 | +0.49 | +0.19 | -0.18 | -0.62 | -1.02 | -1.39 | -1.83 | -1.85 | -1.80 | -1.74 | -1.18 | -0.55 | -0.16 | +0.34 | +1.24 | +1.60 | +1.59 | +1.58 | +1.43 | +1.26 | +1.22 | +1.18 | +1.18 |
| Khoảng cách [m] | 3.0 | 3.0 | 2.07 | 1.54 | 2.2 | 1.77 | 1.87 | 2.28 | 2.08 | .85 | 1.12 | 1.35 | 1.6 | 1.55 | 1.43 | 1.69 | 1.6 | 1.12 | 1.57 | 1.93 | 2.2 | 1.61 | 2.11 | .77 | 1.69 | 2.34 | 1.96 | 1.79 | 1.91 | 3.0 | 3.0 | 3.0 | |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 8.07 | 9.61 | 11.81 | 13.58 | 15.45 | 17.73 | 19.81 | 20.66 | 21.78 | 23.13 | 24.73 | 26.28 | 27.71 | 29.40 | 31.00 | 32.12 | 33.69 | 35.62 | 37.82 | 39.43 | 41.54 | 42.31 | 44.00 | 46.34 | 48.30 | 50.09 | 52.00 | 55.00 | 58.00 | 61.00 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 2392/SNNMT.HĐTĐ
ngày 15 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/TĐ.CUF
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ....................
Chữ ký: ....................

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

2+500 *Đào:* S= 15.50m²

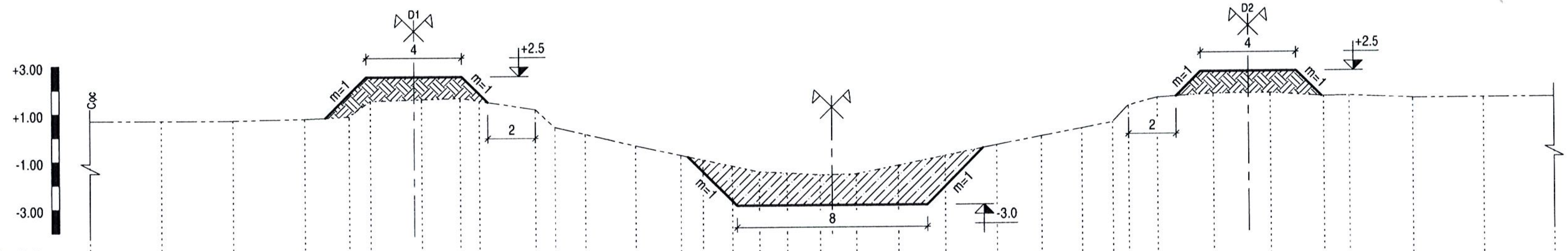


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.70 | |
| 3.00 | +0.70 | 3.0 |
| 6.00 | +0.70 | 3.0 |
| 9.00 | +0.75 | 3.0 |
| 10.85 | +0.84 | 1.85 |
| 11.74 | +1.49 | .89 |
| 13.89 | +1.55 | 2.15 |
| 15.49 | +1.60 | 1.6 |
| 16.29 | +1.47 | 0.8 |
| 18.65 | +1.10 | 2.36 |
| 19.46 | +0.34 | .81 |
| 20.75 | +0.04 | 1.29 |
| 22.86 | -0.46 | 2.11 |
| 24.75 | -0.87 | 1.89 |
| 25.69 | -1.07 | 0.94 |
| 26.92 | -1.34 | 1.23 |
| 28.06 | -1.59 | 1.14 |
| 29.24 | -1.65 | 1.18 |
| 30.61 | -1.73 | 1.37 |
| 32.12 | -1.70 | 1.51 |
| 33.90 | -1.35 | 1.78 |
| 35.87 | -0.95 | 1.97 |
| 38.05 | -0.52 | 2.18 |
| 39.93 | -0.16 | 1.88 |
| 41.62 | +0.15 | 1.69 |
| 42.91 | +0.40 | 1.29 |
| 43.58 | +1.10 | .67 |
| 44.79 | +1.42 | 1.21 |
| 47.14 | +1.57 | 2.35 |
| 49.53 | +1.58 | 2.39 |
| 51.76 | +1.43 | 2.23 |
| 52.83 | +1.45 | 1.07 |
| 55.61 | +1.31 | 2.78 |
| 58.61 | +1.31 | 3.0 |
| 61.61 | +1.31 | 3.0 |

2+600 *Đào:* S= 22.00m²

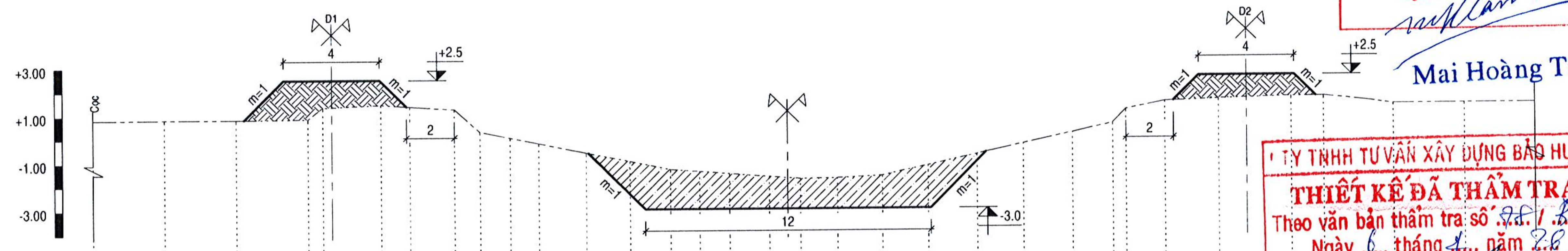


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.82 | |
| 3.00 | +0.84 | 3.0 |
| 6.00 | +0.84 | 3.0 |
| 9.00 | +0.86 | 3.0 |
| 9.62 | +1.35 | .62 |
| 12.04 | +1.45 | 2.42 |
| 13.25 | +1.37 | 1.21 |
| 15.11 | +1.25 | 1.86 |
| 16.17 | +0.29 | 1.06 |
| 17.44 | +0.03 | 1.27 |
| 18.65 | -0.21 | 1.21 |
| 20.65 | -0.62 | 2.0 |
| 22.47 | -0.98 | 1.82 |
| 24.16 | -1.33 | 1.69 |
| 25.39 | -1.42 | 1.23 |
| 26.65 | -1.52 | 1.26 |
| 28.33 | -1.64 | 1.68 |
| 29.64 | -1.74 | 1.31 |
| 31.18 | -1.72 | 1.54 |
| 33.08 | -1.62 | 1.9 |
| 35.00 | -1.20 | 1.92 |
| 37.07 | -0.74 | 2.07 |
| 39.01 | -0.31 | 1.94 |
| 41.08 | +0.14 | 2.07 |
| 42.76 | +0.52 | 1.68 |
| 43.32 | +1.10 | .56 |
| 44.96 | +1.43 | 1.64 |
| 47.21 | +1.51 | 2.25 |
| 50.25 | +1.60 | 3.04 |
| 51.60 | +1.60 | 1.35 |
| 54.64 | +1.26 | 3.04 |
| 57.64 | +1.26 | 3.0 |
| 60.64 | +1.26 | 3.0 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1302 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78 / BHCo
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..................
Chữ ký: ..................
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 12

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

2+700 *Đào:* S= 23.00m²

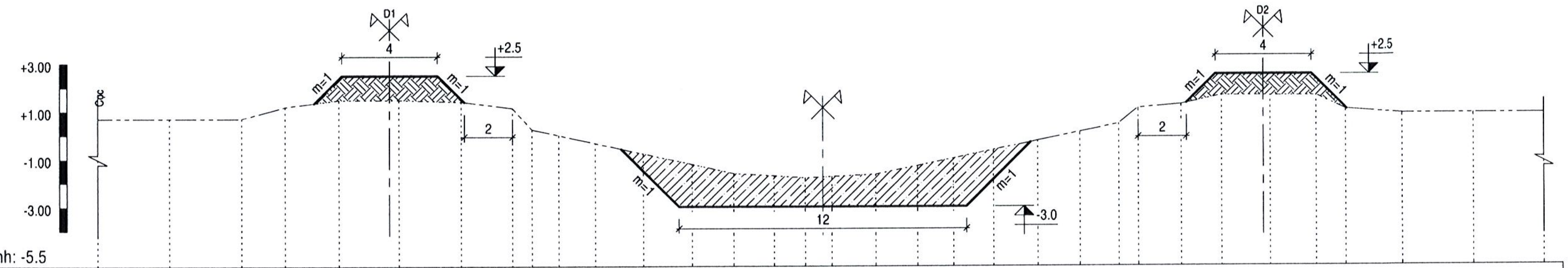


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.70 | | 0.00 |
| +0.70 | 3.0 | 3.00 |
| +0.70 | 3.0 | 6.00 |
| +1.19 | 1.81 | 7.81 |
| +1.48 | 2.26 | 10.07 |
| +1.48 | 2.51 | 12.58 |
| +1.40 | 2.59 | 15.17 |
| +1.13 | 2.13 | 17.30 |
| +0.23 | .81 | 18.11 |
| -0.01 | 1.12 | 19.23 |
| -0.35 | 1.53 | 20.76 |
| -0.79 | 2.02 | 22.78 |
| -1.23 | 2.03 | 24.81 |
| -1.62 | 1.74 | 26.55 |
| -1.72 | 1.68 | 28.23 |
| -1.80 | 1.29 | 29.52 |
| -1.75 | 1.11 | 30.63 |
| -1.66 | 1.85 | 32.48 |
| -1.30 | 1.75 | 34.23 |
| -0.99 | 1.49 | 35.72 |
| -0.64 | 1.67 | 37.39 |
| -0.26 | 1.84 | 39.23 |
| +0.11 | 1.77 | 41.00 |
| +0.44 | 1.62 | 42.62 |
| +1.10 | .82 | 43.44 |
| +1.25 | 1.78 | 45.22 |
| +1.62 | 1.68 | 46.90 |
| +1.61 | 2.03 | 48.93 |
| +1.61 | 1.9 | 50.83 |
| +1.03 | 1.24 | 52.07 |
| +0.85 | 2.45 | 54.52 |
| +0.85 | 3.0 | 57.52 |
| +0.85 | 3.0 | 60.52 |

2+800 *Đào:* S= 21.34m²

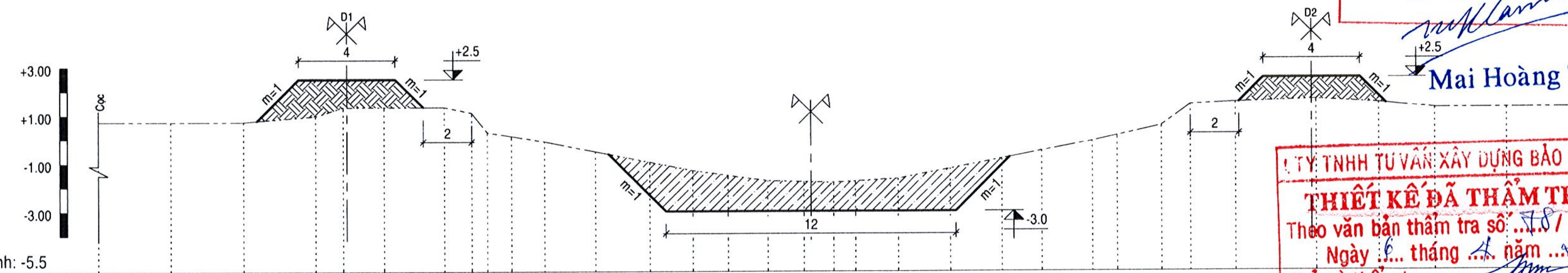


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.73 | | 0.00 |
| +0.73 | 3.0 | 3.00 |
| +0.73 | 3.0 | 6.00 |
| +0.97 | 2.99 | 8.99 |
| +1.34 | 1.14 | 10.13 |
| +1.35 | 1.7 | 11.83 |
| +1.34 | 2.48 | 14.31 |
| +1.10 | 1.13 | 15.44 |
| +0.28 | .65 | 16.09 |
| +0.12 | 0.99 | 17.08 |
| -0.10 | 1.36 | 18.44 |
| -0.52 | 2.12 | 20.56 |
| -0.96 | 2.25 | 22.81 |
| -1.31 | 1.78 | 24.59 |
| -1.52 | 1.46 | 26.05 |
| -1.74 | 1.63 | 27.68 |
| -1.78 | 1.5 | 29.18 |
| -1.81 | 1.22 | 30.40 |
| -1.76 | 0.91 | 31.31 |
| -1.65 | 1.78 | 33.09 |
| -1.24 | 2.15 | 35.24 |
| -0.83 | 2.14 | 37.38 |
| -0.51 | 1.64 | 39.02 |
| -0.11 | 2.1 | 41.12 |
| +0.12 | 1.04 | 42.16 |
| +0.53 | 1.84 | 44.00 |
| +1.40 | 1.19 | 45.19 |
| +1.49 | 1.85 | 47.04 |
| +1.60 | 3.34 | 50.38 |
| +1.45 | 2.59 | 52.97 |
| +1.24 | 2.43 | 55.40 |
| +1.24 | 3.0 | 58.40 |
| +1.24 | 3.0 | 61.40 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1302/SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ...78/BHC...
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 13

## 2+900 *Đào:* S= 19.20m²

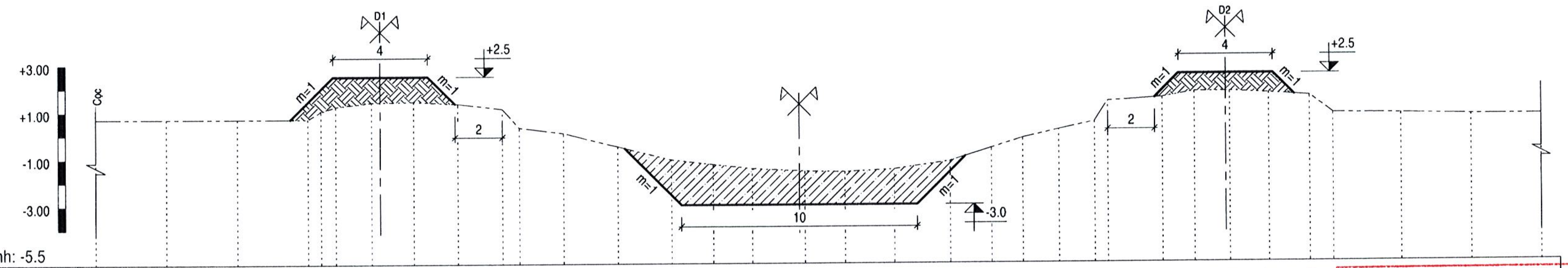


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.70 | | 0.00 |
| +0.70 | 3.0 | 3.00 |
| +0.70 | 3.0 | 6.00 |
| +0.70 | 3.0 | 9.00 |
| +1.03 | .55 | 9.55 |
| +1.23 | .62 | 10.17 |
| +1.41 | 1.52 | 11.69 |
| +1.44 | 1.77 | 13.46 |
| +1.34 | 1.87 | 15.33 |
| +1.12 | 1.88 | 17.21 |
| +0.31 | .71 | 17.92 |
| +0.07 | 1.89 | 19.81 |
| -0.51 | 2.3 | 22.11 |
| -1.08 | 2.28 | 24.39 |
| -1.28 | 1.76 | 26.15 |
| -1.46 | 1.64 | 27.79 |
| -1.57 | 2.26 | 30.05 |
| -1.60 | 1.7 | 31.75 |
| -1.50 | 2.1 | 33.85 |
| -1.16 | 2.36 | 36.21 |
| -0.61 | 1.76 | 37.97 |
| -0.19 | 1.33 | 39.30 |
| +0.16 | 1.54 | 40.84 |
| +0.49 | 1.5 | 42.34 |
| +1.36 | 56 | 42.90 |
| +1.50 | 2.33 | 45.23 |
| +1.75 | 1.37 | 46.60 |
| +1.75 | 1.5 | 48.10 |
| +1.67 | 1.65 | 49.75 |
| +1.55 | 1.72 | 51.47 |
| +0.81 | 1.0 | 52.47 |
| +0.77 | 3.0 | 55.47 |
| +0.70 | 3.0 | 58.47 |
| +0.70 | 3.0 | 61.47 |

## 3+000 *Đào:* S= 22.08m²

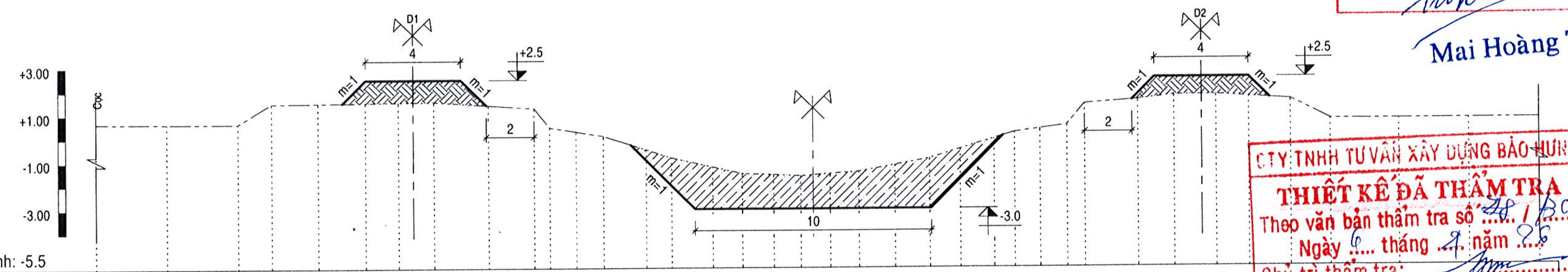


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.65 | | 0.00 |
| +0.64 | 3.0 | 3.00 |
| +0.64 | 3.0 | 6.00 |
| +1.49 | 1.42 | 7.42 |
| +1.51 | 1.97 | 9.39 |
| +1.53 | 1.99 | 11.38 |
| +1.55 | 1.4 | 12.78 |
| +1.56 | 1.48 | 14.26 |
| +1.41 | 2.3 | 16.56 |
| +1.28 | 1.92 | 18.48 |
| +0.46 | .66 | 19.14 |
| +0.28 | 1.12 | 20.26 |
| +0.09 | 1.15 | 21.41 |
| -0.49 | 1.82 | 23.23 |
| -0.84 | 1.08 | 24.31 |
| -1.23 | 1.73 | 26.04 |
| -1.51 | 1.24 | 27.28 |
| -1.56 | 1.33 | 28.61 |
| -1.61 | 1.16 | 29.77 |
| -1.52 | 1.25 | 31.02 |
| -1.44 | 1.21 | 32.23 |
| -1.16 | 1.53 | 33.76 |
| -0.89 | 1.47 | 35.23 |
| -0.49 | 1.3 | 36.53 |
| -0.06 | 1.43 | 37.96 |
| +0.20 | .87 | 38.83 |
| +0.35 | 1.08 | 39.91 |
| +0.51 | 1.15 | 41.06 |
| +1.40 | .74 | 41.80 |
| +1.56 | 2.25 | 44.05 |
| +1.75 | 1.55 | 45.60 |
| +1.75 | 1.77 | 47.37 |
| +1.67 | 1.4 | 48.77 |
| +1.55 | 1.75 | 50.52 |
| +0.70 | 1.68 | 52.20 |
| +0.70 | 3.0 | 55.20 |
| +0.70 | 3.0 | 58.20 |
| +0.70 | 3.0 | 61.20 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1302 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 20 25
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 28 / BCH
Ngày 6 tháng 9 năm 25
Chủ trì thẩm tra: ....................
Chữ ký: ....................
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

**CẮT NGANG THIẾT KẾ**
[TL: 1/200]

### 3+100 *Đào:* S= 20.77m²

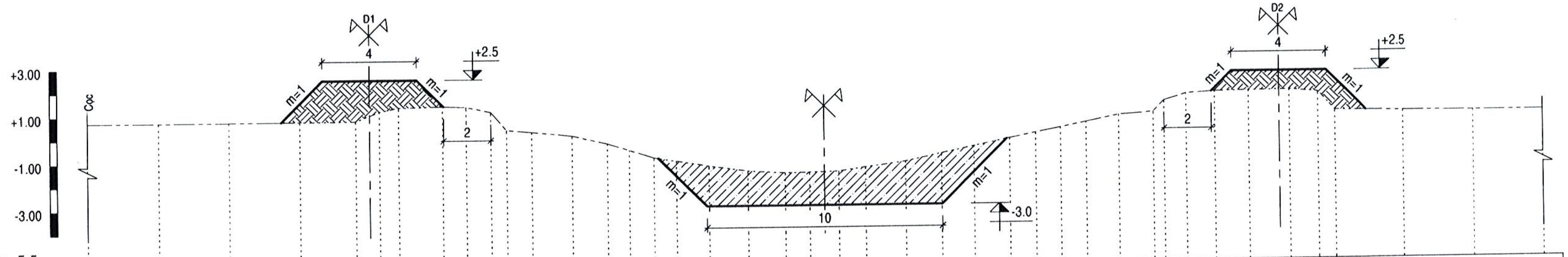


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.72 | 3.0 |
| 3.00 | +0.73 | 3.0 |
| 6.00 | +0.74 | 3.0 |
| 9.00 | +0.75 | 2.37 |
| 11.37 | +0.76 | 1.0 |
| 12.37 | +1.15 | .82 |
| 13.19 | +1.32 | 1.87 |
| 15.06 | +1.36 | 1.0 |
| 16.06 | +1.32 | 1.04 |
| 17.10 | +1.10 | .66 |
| 17.76 | +0.32 | 1.06 |
| 18.82 | +0.23 | 1.73 |
| 20.55 | +0.05 | 1.5 |
| 22.05 | -0.30 | 0.92 |
| 22.97 | -0.59 | 1.04 |
| 24.01 | -0.92 | 0.95 |
| 24.96 | -1.07 | 1.38 |
| 26.34 | -1.29 | 1.65 |
| 27.99 | -1.52 | 1.58 |
| 29.57 | -1.61 | 1.05 |
| 30.62 | -1.59 | 1.24 |
| 31.86 | -1.56 | 1.14 |
| 33.00 | -1.40 | 1.69 |
| 34.69 | -1.17 | 1.54 |
| 36.23 | -0.84 | 1.38 |
| 37.61 | -0.55 | 1.51 |
| 39.12 | -0.23 | 1.1 |
| 40.22 | -0.01 | 1.05 |
| 41.27 | +0.20 | 1.08 |
| 42.35 | +0.42 | 1.38 |
| 43.73 | +0.70 | 1.46 |
| 45.19 | +0.81 | .47 |
| 45.66 | +1.29 | 0.93 |
| 46.59 | +1.57 | 1.21 |
| 47.80 | +1.66 | 1.43 |
| 49.23 | +1.68 | 1.72 |
| 50.95 | +1.70 | 1.21 |
| 52.16 | +1.59 | .72 |
| 52.88 | +0.81 | 3.0 |
| 55.88 | +0.75 | 3.0 |
| 58.88 | +0.73 | 3.0 |
| 61.88 | +0.73 | |

### 3+200 *Đào:* S= 22.07m²

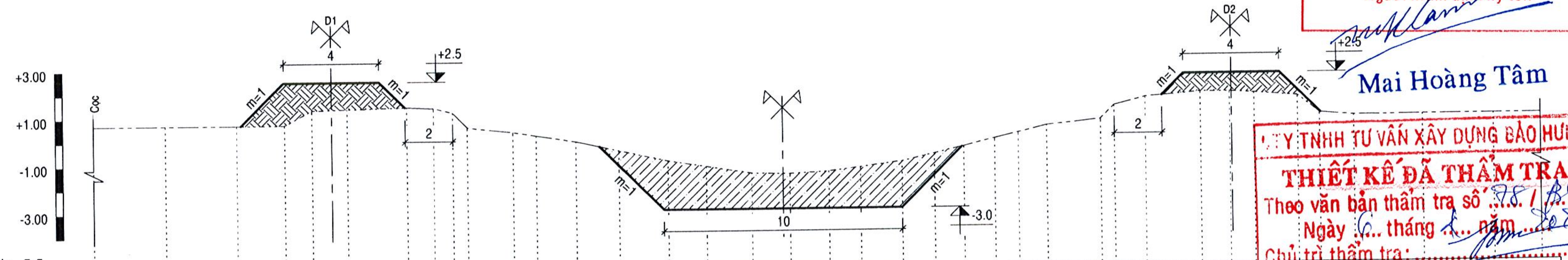


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.70 | 3.0 |
| 3.00 | +0.70 | 3.0 |
| 6.00 | +0.70 | 2.0 |
| 8.00 | +0.70 | 1.15 |
| 9.15 | +1.32 | 1.48 |
| 10.63 | +1.36 | 2.51 |
| 13.14 | +1.42 | 1.12 |
| 14.26 | +1.37 | 0.8 |
| 15.06 | +1.17 | .6 |
| 15.66 | +0.54 | 1.92 |
| 17.58 | +0.32 | 0.96 |
| 18.54 | +0.17 | 1.69 |
| 20.23 | -0.10 | 1.8 |
| 22.03 | -0.50 | 2.05 |
| 24.08 | -0.95 | 1.6 |
| 25.68 | -1.20 | 1.89 |
| 27.57 | -1.50 | 1.61 |
| 29.18 | -1.53 | 1.65 |
| 30.83 | -1.45 | 1.33 |
| 32.16 | -1.28 | 1.74 |
| 33.90 | -1.06 | 1.36 |
| 35.26 | -0.74 | 1.24 |
| 36.50 | -0.45 | 1.3 |
| 37.80 | -0.13 | 0.99 |
| 38.79 | +0.10 | 1.2 |
| 39.99 | +0.39 | 2.24 |
| 42.23 | +0.62 | .58 |
| 42.81 | +1.20 | 1.3 |
| 44.11 | +1.53 | 2.31 |
| 46.42 | +1.73 | 1.23 |
| 47.65 | +1.72 | 1.02 |
| 48.67 | +1.66 | 1.81 |
| 50.48 | +1.51 | 0.92 |
| 51.40 | +0.78 | 1.43 |
| 52.83 | +0.66 | 3.0 |
| 55.83 | +0.68 | 3.0 |
| 58.83 | +0.68 | 2.0 |
| 60.83 | +0.68 | |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số 1382/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 78/BCTT
Ngày 6 tháng 2 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: ......................
Chữ ký: ............ Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## 3+300 *Đào:* S= 16.59m²

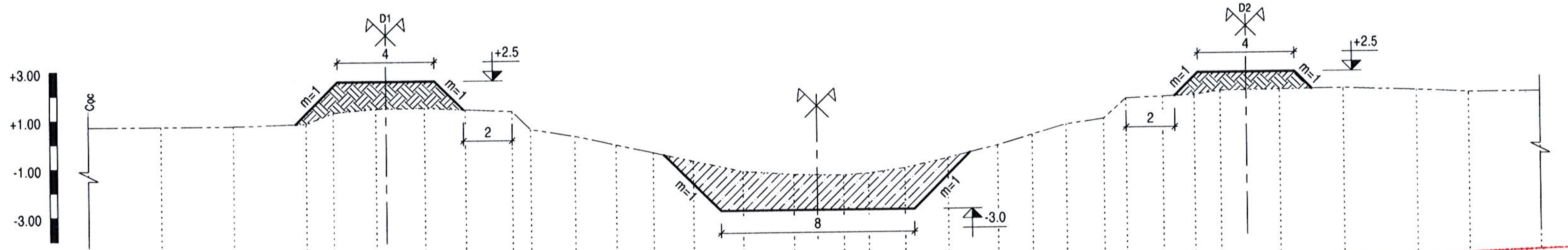


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.70 | | 0.00 |
| +0.70 | 3.0 | 3.00 |
| +0.70 | 3.0 | 6.00 |
| +0.78 | 3.0 | 9.00 |
| +1.22 | 1.12 | 10.12 |
| +1.38 | 1.75 | 11.87 |
| +1.40 | 2.01 | 13.88 |
| +1.31 | 1.68 | 15.56 |
| +1.22 | 1.92 | 17.48 |
| +0.46 | .77 | 18.25 |
| +0.16 | 1.83 | 20.08 |
| -0.22 | 1.7 | 21.78 |
| -0.56 | 1.53 | 23.31 |
| -0.93 | 1.65 | 24.96 |
| -1.38 | 2.05 | 27.01 |
| -1.53 | 2.11 | 29.12 |
| -1.57 | 2.06 | 31.18 |
| -1.50 | 1.03 | 32.21 |
| -1.30 | 1.5 | 33.71 |
| -0.90 | 1.79 | 35.50 |
| -0.40 | 2.06 | 37.56 |
| +0.02 | 1.43 | 38.99 |
| +0.43 | 1.4 | 40.39 |
| +0.64 | 1.56 | 41.95 |
| +1.47 | 0.93 | 42.88 |
| +1.53 | 1.52 | 44.40 |
| +1.58 | 1.29 | 45.69 |
| +1.75 | 1.07 | 46.76 |
| +1.77 | 2.45 | 49.21 |
| +1.79 | 2.66 | 51.87 |
| +1.67 | 3.14 | 55.01 |
| +1.55 | 2.17 | 57.18 |
| +1.55 | 3.0 | 60.18 |

## 3+400 *Đào:* S= 20.33m²

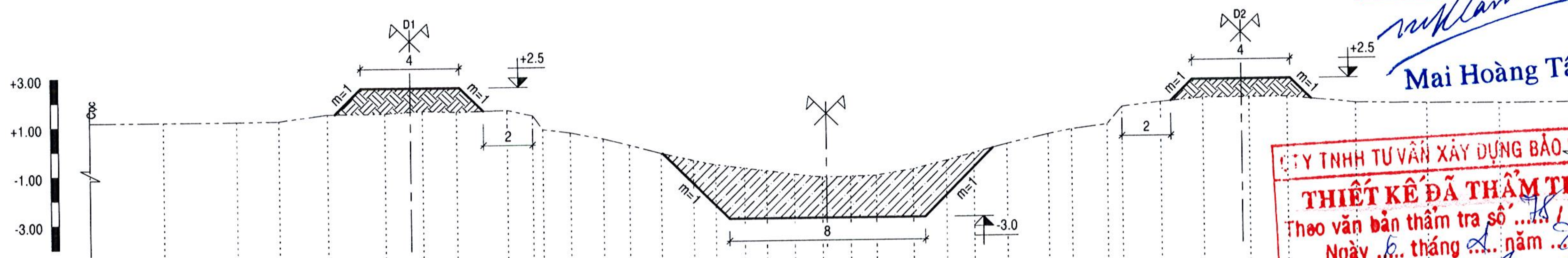


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.17 | | 0.00 |
| +1.17 | 3.0 | 3.00 |
| +1.17 | 3.0 | 6.00 |
| +1.18 | 1.71 | 7.71 |
| +1.44 | 1.98 | 9.69 |
| +1.46 | 2.34 | 12.03 |
| +1.55 | 1.52 | 13.55 |
| +1.50 | 1.39 | 14.94 |
| +1.55 | 2.06 | 17.00 |
| +1.32 | 1.03 | 18.03 |
| +0.74 | .43 | 18.46 |
| +0.59 | 1.14 | 19.60 |
| +0.33 | 1.32 | 20.92 |
| +0.06 | 1.07 | 21.99 |
| -0.29 | 1.29 | 23.28 |
| -0.60 | 1.31 | 24.59 |
| -0.79 | 0.9 | 25.49 |
| -0.94 | 1.17 | 26.66 |
| -1.06 | 0.91 | 27.57 |
| -1.22 | 1.14 | 28.71 |
| -1.34 | 1.14 | 29.85 |
| -1.32 | 1.15 | 31.00 |
| -1.29 | 1.05 | 32.05 |
| -1.05 | 1.51 | 33.56 |
| -0.71 | 1.36 | 34.92 |
| -0.41 | 1.13 | 36.05 |
| -0.05 | 1.36 | 37.41 |
| +0.32 | 1.69 | 39.10 |
| +0.51 | 0.95 | 40.05 |
| +0.69 | 1.46 | 41.51 |
| +1.41 | .6 | 42.11 |
| +1.59 | 1.58 | 43.69 |
| +1.75 | 1.72 | 45.41 |
| +1.75 | 1.89 | 47.30 |
| +1.75 | 1.55 | 48.85 |
| +1.46 | 2.82 | 51.67 |
| +1.41 | 3.0 | 54.67 |
| +1.37 | 3.0 | 57.67 |
| +1.37 | 3.0 | 60.67 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BH
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ........
Chữ ký: ........ Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

3+600 *Đào:* S= 19.44m²

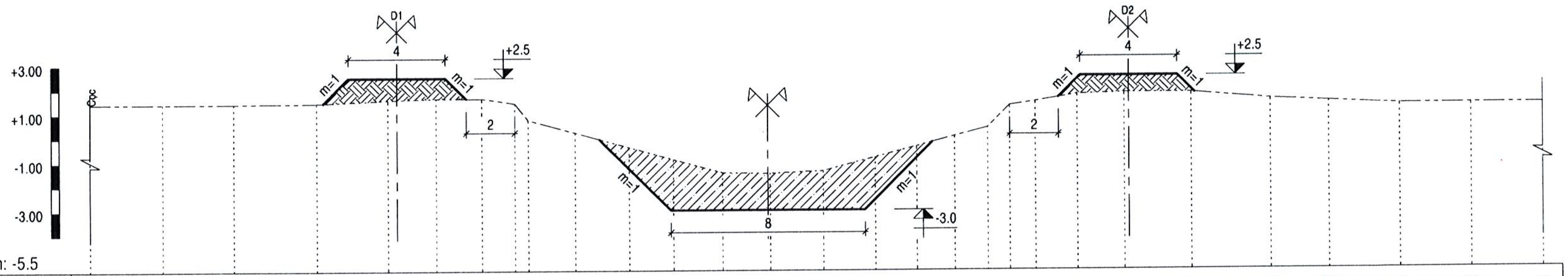


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +1.43 | 3.0 |
| 3.00 | +1.43 | 2.91 |
| 5.91 | +1.43 | 3.41 |
| 9.32 | +1.45 | 2.94 |
| 12.26 | +1.58 | 1.98 |
| 14.24 | +1.65 | 1.88 |
| 16.12 | +1.64 | 1.36 |
| 17.48 | +1.43 | .54 |
| 18.02 | +0.74 | 1.94 |
| 19.96 | +0.21 | 2.22 |
| 22.18 | -0.40 | 1.83 |
| 24.01 | -0.91 | 2.02 |
| 26.03 | -1.46 | 1.97 |
| 28.00 | -1.49 | 2.18 |
| 30.18 | -1.39 | 2.14 |
| 32.32 | -0.83 | 1.73 |
| 34.05 | -0.38 | 1.56 |
| 35.61 | +0.03 | 1.37 |
| 36.98 | +0.38 | 0.91 |
| 37.89 | +1.29 | 1.05 |
| 38.94 | +1.45 | 1.72 |
| 40.66 | +1.74 | 1.93 |
| 42.59 | +1.80 | 2.76 |
| 45.35 | +1.80 | 3.26 |
| 48.61 | +1.52 | 2.4 |
| 51.01 | +1.42 | 2.99 |
| 54.00 | +1.28 | 3.0 |
| 57.00 | +1.28 | 3.0 |
| 60.00 | +1.28 | |

3+700 *Đào:* S= 17.07m²

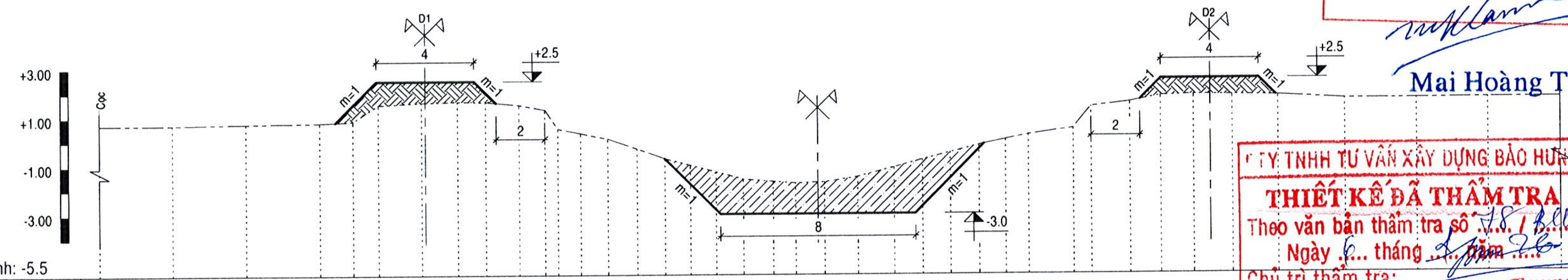


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.70 | 3.0 |
| 3.00 | +0.70 | 3.0 |
| 6.00 | +0.75 | 3.0 |
| 9.00 | +0.79 | 1.36 |
| 10.36 | +0.85 | 1.05 |
| 11.41 | +1.52 | 1.77 |
| 13.18 | +1.62 | 1.48 |
| 14.66 | +1.66 | 1.14 |
| 15.80 | +1.64 | 1.37 |
| 17.17 | +1.51 | 1.06 |
| 18.23 | +1.31 | .53 |
| 18.76 | +0.52 | 0.93 |
| 19.69 | +0.33 | 1.11 |
| 20.80 | +0.11 | 1.2 |
| 22.00 | -0.31 | 1.14 |
| 23.14 | -0.72 | 1.04 |
| 24.18 | -0.99 | 1.06 |
| 25.24 | -1.27 | 1.12 |
| 26.36 | -1.57 | 1.22 |
| 27.58 | -1.67 | 0.92 |
| 28.50 | -1.74 | 1.18 |
| 29.68 | -1.70 | 1.35 |
| 31.03 | -1.49 | 1.5 |
| 32.53 | -1.10 | 1.17 |
| 33.70 | -0.79 | 1.15 |
| 34.85 | -0.50 | 1.19 |
| 36.04 | -0.20 | 1.09 |
| 37.13 | +0.03 | 0.93 |
| 38.06 | +0.22 | 1.84 |
| 39.90 | +0.48 | .73 |
| 40.63 | +1.37 | 1.58 |
| 42.21 | +1.55 | 1.27 |
| 43.48 | +1.80 | 1.34 |
| 44.82 | +1.84 | 1.59 |
| 46.41 | +1.82 | 1.88 |
| 48.29 | +1.79 | 2.73 |
| 51.02 | +1.64 | 3.0 |
| 54.02 | +1.64 | 3.0 |
| 57.02 | +1.65 | 3.0 |
| 60.02 | +1.65 | |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4502/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHUt
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: .......... Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

3+800 *Đào:* S= 24.18$m^2$

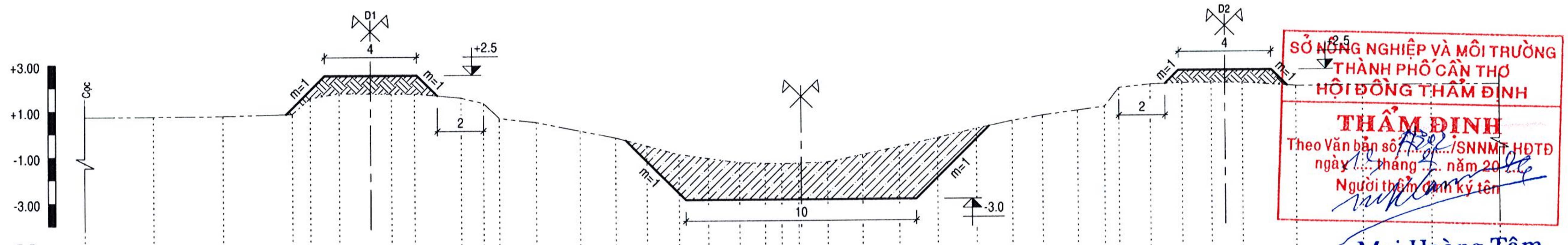


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.74 | | 0.00 |
| | 3.0 | |
| +0.74 | | 3.00 |
| | 3.0 | |
| +0.76 | | 6.00 |
| | 3.0 | |
| +0.84 | | 9.00 |
| | .78 | |
| +1.52 | | 9.78 |
| | 1.25 | |
| +1.73 | | 11.03 |
| | 2.28 | |
| +1.70 | | 13.31 |
| | 1.0 | |
| +1.70 | | 14.31 |
| | 2.02 | |
| +1.50 | | 16.33 |
| | 0.97 | |
| +1.26 | | 17.30 |
| | .68 | |
| +0.60 | | 17.98 |
| | 1.61 | |
| +0.41 | | 19.59 |
| | 1.9 | |
| +0.03 | | 21.49 |
| | 1.54 | |
| -0.28 | | 23.03 |
| | 1.36 | |
| -0.65 | | 24.39 |
| | 1.39 | |
| -1.03 | | 25.78 |
| | 1.27 | |
| -1.21 | | 27.05 |
| | 1.35 | |
| -1.40 | | 28.40 |
| | 1.11 | |
| -1.43 | | 29.51 |
| | .71 | |
| -1.45 | | 30.22 |
| | .74 | |
| -1.43 | | 30.96 |
| | 1.26 | |
| -1.39 | | 32.22 |
| | 1.52 | |
| -1.07 | | 33.74 |
| | 1.6 | |
| -0.74 | | 35.34 |
| | 1.66 | |
| -0.36 | | 37.00 |
| | 1.67 | |
| +0.03 | | 38.67 |
| | 1.56 | |
| +0.36 | | 40.23 |
| | 1.31 | |
| +0.58 | | 41.54 |
| | 1.54 | |
| +0.79 | | 43.08 |
| | 1.16 | |
| +0.94 | | 44.24 |
| | .63 | |
| +1.75 | | 44.87 |
| | 1.35 | |
| +1.89 | | 46.22 |
| | 1.38 | |
| +1.95 | | 47.60 |
| | 1.26 | |
| +1.95 | | 48.86 |
| | 1.35 | |
| +1.94 | | 50.21 |
| | 2.32 | |
| +1.78 | | 52.53 |
| | 3.0 | |
| +1.78 | | 55.53 |
| | 3.0 | |
| +1.77 | | 58.53 |
| | 3.0 | |
| +1.77 | | 61.53 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 7382/SNNMT-HĐTĐ
ngày 15 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

3+900 *Đào:* S= 22.46$m^2$

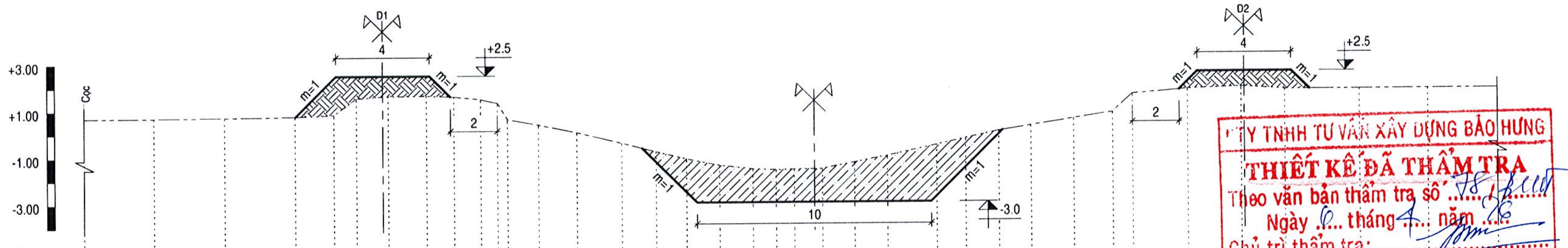


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.70 | | 0.00 |
| | 3.0 | |
| +0.70 | | 3.00 |
| | 3.0 | |
| +0.73 | | 6.00 |
| | 3.0 | |
| +0.77 | | 9.00 |
| | 1.66 | |
| +0.84 | | 10.66 |
| | 0.97 | |
| +1.54 | | 11.63 |
| | 1.37 | |
| +1.64 | | 13.00 |
| | 1.62 | |
| +1.65 | | 14.62 |
| | 1.17 | |
| +1.60 | | 15.79 |
| | 1.15 | |
| +1.48 | | 16.94 |
| | .71 | |
| +1.32 | | 17.65 |
| | .43 | |
| +0.61 | | 18.08 |
| | 1.33 | |
| +0.37 | | 19.41 |
| | 1.64 | |
| +0.03 | | 21.05 |
| | 1.91 | |
| -0.44 | | 22.96 |
| | 1.48 | |
| -0.81 | | 24.44 |
| | 1.3 | |
| -1.13 | | 25.74 |
| | 1.41 | |
| -1.41 | | 27.15 |
| | 1.41 | |
| -1.57 | | 28.56 |
| | 0.99 | |
| -1.61 | | 29.55 |
| | .77 | |
| -1.59 | | 30.32 |
| | 1.2 | |
| -1.57 | | 31.52 |
| | 1.38 | |
| -1.30 | | 32.90 |
| | 1.42 | |
| -1.03 | | 34.32 |
| | 2.1 | |
| -0.57 | | 36.42 |
| | 1.23 | |
| -0.29 | | 37.65 |
| | 1.41 | |
| +0.02 | | 39.06 |
| | 1.39 | |
| +0.24 | | 40.45 |
| | 1.83 | |
| +0.53 | | 42.28 |
| | 1.67 | |
| +0.79 | | 43.95 |
| | .85 | |
| +1.56 | | 44.80 |
| | 2.36 | |
| +1.76 | | 47.16 |
| | 2.28 | |
| +1.84 | | 49.44 |
| | 1.86 | |
| +1.72 | | 51.30 |
| | 3.25 | |
| +1.72 | | 54.55 |
| | 3.0 | |
| +1.72 | | 57.55 |
| | 3.0 | |
| +1.72 | | 60.55 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BCTT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 18

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

4+000 *Đào:* S= 19.37m²

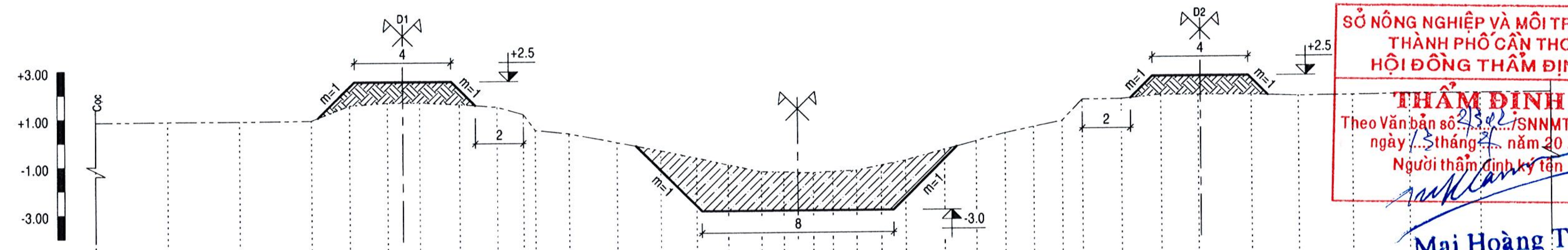


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +0.85 | +0.87 | +0.87 | +0.89 | +1.51 | +1.62 | +1.62 | +1.54 | +1.42 | +1.10 | +0.43 | +0.28 | -0.11 | -0.47 | -0.79 | -1.08 | -1.38 | -1.40 | -1.44 | -1.39 | -1.35 | -1.14 | -0.94 | -0.50 | -0.15 | +0.17 | +0.42 | +0.66 | +1.54 | +1.55 | +1.72 | +1.71 | +1.70 | +1.63 | +1.65 | +1.66 | +1.66 | +1.66 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 1.58 | 1.56 | 1.34 | 1.65 | 1.57 | 1.09 | .49 | 1.43 | 1.98 | 1.82 | 1.5 | 1.31 | 1.38 | 0.93 | 1.23 | .83 | 0.99 | 1.03 | 1.0 | 1.63 | 1.31 | 1.21 | 1.2 | 1.21 | .85 | 1.63 | 1.63 | 1.55 | 2.23 | 1.97 | 2.26 | 2.47 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.00 | 10.58 | 12.14 | 13.48 | 15.13 | 16.70 | 17.79 | 18.28 | 19.71 | 21.69 | 23.51 | 25.01 | 26.32 | 27.70 | 28.63 | 29.86 | 30.69 | 31.68 | 32.71 | 33.71 | 35.34 | 36.65 | 37.86 | 39.06 | 40.27 | 41.12 | 42.75 | 44.38 | 45.93 | 48.16 | 50.13 | 52.39 | 54.86 | 57.86 | 60.86 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 2/302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 20 26
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

4+100 *Đào:* S= 18.51m²

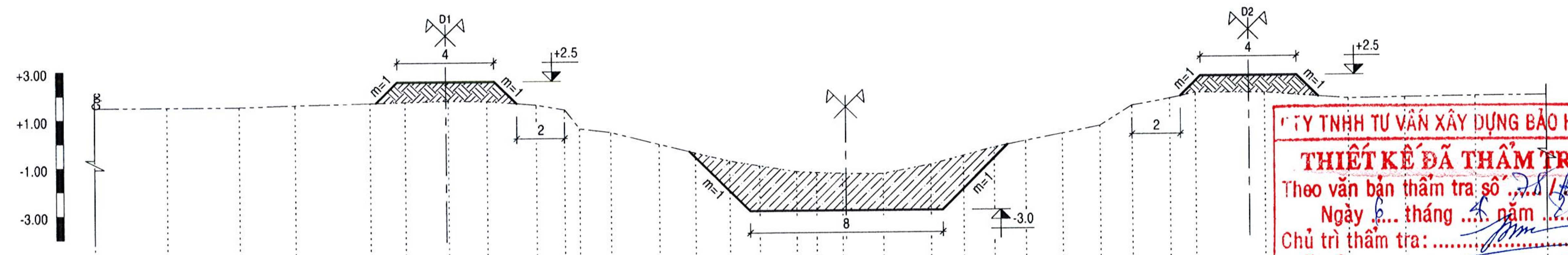


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.49 | +1.49 | +1.49 | +1.55 | +1.62 | +1.66 | +1.70 | +1.67 | +1.50 | +1.30 | +0.50 | +0.33 | -0.18 | -0.56 | -0.91 | -1.12 | -1.38 | -1.42 | -1.47 | -1.48 | -1.11 | -0.75 | -0.41 | -0.15 | +0.14 | +0.45 | +1.28 | +1.56 | +1.80 | +1.78 | +1.50 | +1.53 | +1.56 | +1.56 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 2.33 | 3.09 | 1.44 | 1.78 | 1.6 | 2.04 | 1.19 | .61 | 1.3 | 1.99 | 1.51 | 1.42 | 1.24 | 1.53 | .83 | 1.1 | 1.68 | 1.97 | 1.36 | 1.27 | 1.32 | 1.55 | 1.57 | 1.33 | 1.56 | 1.07 | 2.88 | 3.48 | 2.42 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 8.33 | 11.42 | 12.86 | 14.64 | 16.24 | 18.28 | 19.47 | 20.08 | 21.38 | 23.37 | 24.88 | 26.30 | 27.54 | 29.07 | 29.90 | 31.00 | 32.68 | 34.65 | 36.01 | 37.28 | 38.60 | 40.15 | 41.72 | 43.05 | 44.61 | 45.68 | 48.56 | 52.04 | 54.46 | 57.46 | 60.46 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BH.CV
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: .......... Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 19

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

4+200 *Đào:* S= 19.87$m^2$

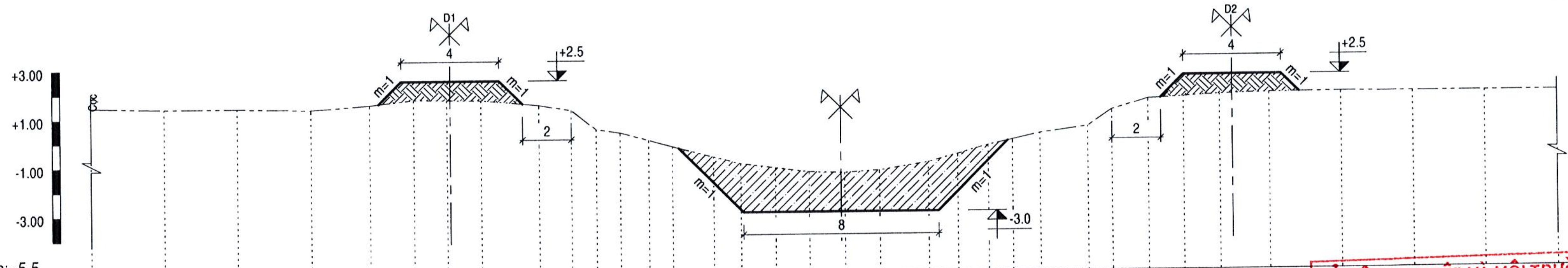


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.47 | +1.41 | +1.41 | +1.35 | +1.52 | +1.74 | +1.72 | +1.70 | +1.48 | +1.26 | +0.46 | +0.32 | +0.00 | -0.27 | -0.71 | -1.00 | -1.18 | -1.36 | -1.40 | -1.31 | -0.99 | -0.66 | -0.31 | -0.09 | +0.16 | +0.42 | +1.10 | +1.53 | +1.61 | +1.70 | +1.75 | +1.77 | +1.74 | +1.73 | +1.73 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 2.41 | 1.81 | 1.36 | 1.4 | 2.36 | 1.33 | 1.02 | 0.98 | 1.18 | 0.98 | 1.68 | 1.13 | 1.42 | 1.38 | 1.46 | 1.43 | 2.01 | 1.2 | 1.27 | 1.0 | 1.13 | 1.94 | 0.99 | 1.49 | 1.45 | 1.48 | 2.04 | 2.93 | 3.03 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.00 | 11.41 | 13.22 | 14.58 | 15.98 | 18.34 | 19.67 | 20.69 | 21.67 | 22.85 | 23.83 | 25.51 | 26.64 | 28.06 | 29.44 | 30.90 | 32.33 | 34.34 | 35.54 | 36.81 | 37.81 | 38.94 | 40.88 | 41.87 | 43.36 | 44.81 | 46.29 | 48.33 | 51.26 | 54.29 | 57.29 | 60.29 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: ........./SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

4+300 *Đào:* S= 18.28$m^2$

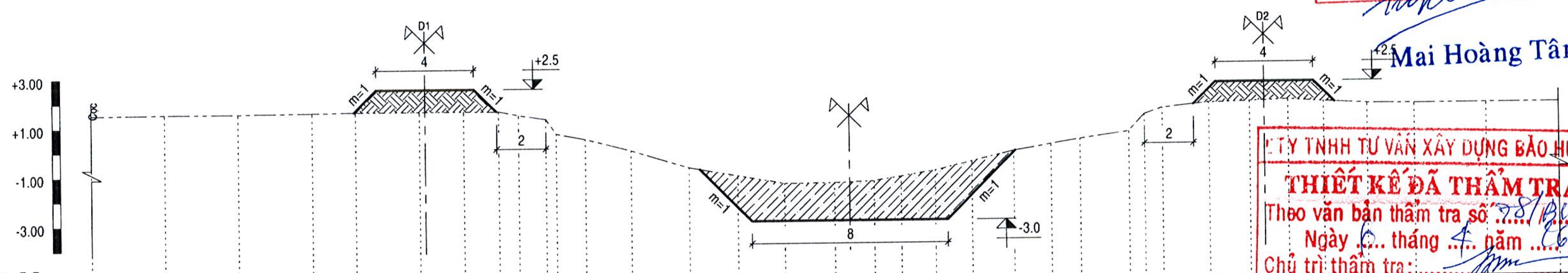


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.52 | +1.54 | +1.54 | +1.57 | +1.59 | +1.59 | +1.59 | +1.58 | +1.42 | +1.25 | +0.64 | +0.41 | -0.07 | -0.79 | -1.14 | -1.47 | -1.46 | -1.40 | -1.22 | -0.99 | -0.63 | -0.22 | +0.04 | +0.24 | +0.52 | +1.22 | +1.47 | +1.66 | +1.71 | +1.76 | +1.67 | +1.57 | +1.55 | +1.55 | +1.55 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 1.76 | 2.62 | 1.81 | 1.42 | .81 | 1.11 | .43 | 1.19 | 1.86 | 2.38 | 2.0 | 1.91 | 2.04 | 1.62 | 1.1 | 1.4 | 1.51 | 1.72 | 1.53 | 1.18 | 1.97 | .65 | .73 | 1.9 | 1.68 | 1.56 | 1.44 | 1.78 | 2.0 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.00 | 10.76 | 13.38 | 15.19 | 16.61 | 17.42 | 18.53 | 18.96 | 20.15 | 22.01 | 24.39 | 26.39 | 28.30 | 30.34 | 31.96 | 33.06 | 34.46 | 35.97 | 37.69 | 39.22 | 40.40 | 42.37 | 43.02 | 43.75 | 45.65 | 47.33 | 48.89 | 50.33 | 52.11 | 54.11 | 57.11 | 60.11 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 78/BHUT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..................
Chữ ký: ..................

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 20

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

4+400 *Đào:* S= 18.19m²

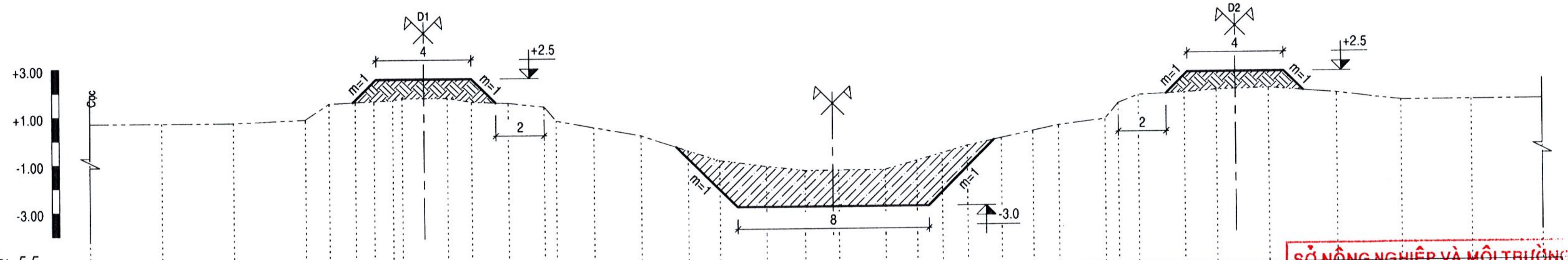


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.70 | |
| 3.00 | +0.70 | 3.0 |
| 6.00 | +0.70 | 3.0 |
| 9.00 | +0.83 | 3.0 |
| 10.00 | +1.49 | 1.0 |
| 11.08 | +1.54 | 1.08 |
| 11.86 | +1.58 | .78 |
| 12.65 | +1.61 | .79 |
| 13.04 | +1.70 | .39 |
| 14.95 | +1.70 | 1.91 |
| 15.96 | +1.52 | 1.01 |
| 17.48 | +1.46 | 1.52 |
| 18.97 | +1.29 | 1.49 |
| 19.49 | +0.69 | .52 |
| 21.06 | +0.40 | 1.57 |
| 23.03 | +0.04 | 1.97 |
| 25.00 | -0.62 | 1.97 |
| 26.31 | -1.04 | 1.31 |
| 28.25 | -1.30 | 1.94 |
| 29.87 | -1.49 | 1.62 |
| 31.29 | -1.48 | 1.42 |
| 33.23 | -1.47 | 1.94 |
| 34.55 | -1.10 | 1.32 |
| 35.61 | -0.80 | 1.06 |
| 36.67 | -0.50 | 1.06 |
| 38.10 | -0.19 | 1.43 |
| 39.42 | +0.09 | 1.32 |
| 40.50 | +0.32 | 1.08 |
| 42.44 | +0.56 | 1.94 |
| 42.99 | +1.22 | .55 |
| 43.83 | +1.55 | .84 |
| 45.76 | +1.64 | 1.93 |
| 47.09 | +1.74 | 1.33 |
| 49.26 | +1.80 | 2.17 |
| 52.09 | +1.57 | 2.83 |
| 54.87 | +1.22 | 2.78 |
| 57.87 | +1.22 | 3.0 |
| 60.87 | +1.22 | 3.0 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 4302 /SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

4+500 *Đào:* S= 19.80m²

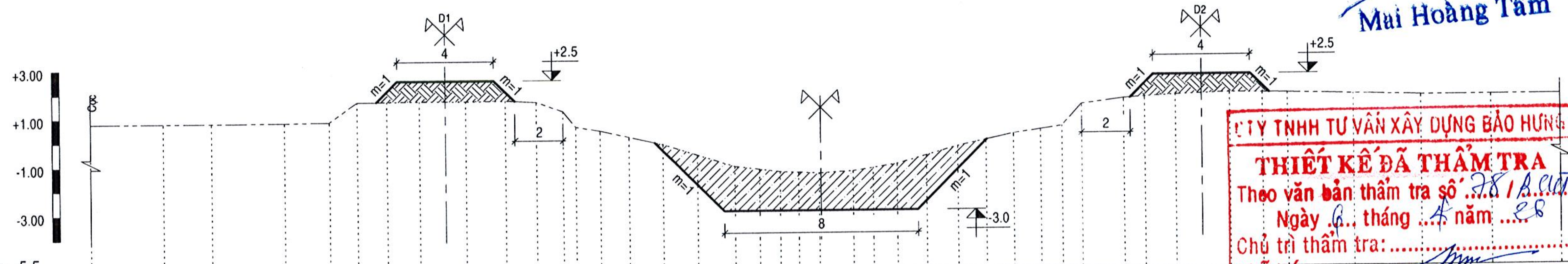


Mức so sánh: -5.5

| K/C cộng dồn [m] | Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] |
|---|---|---|
| 0.00 | +0.79 | |
| 3.00 | +0.79 | 3.0 |
| 5.00 | +0.79 | 2.0 |
| 8.00 | +0.80 | 3.0 |
| 9.85 | +0.82 | 1.85 |
| 10.99 | +1.63 | 1.14 |
| 12.22 | +1.65 | 1.23 |
| 13.57 | +1.66 | 1.35 |
| 15.49 | +1.65 | 1.92 |
| 17.12 | +1.66 | 1.63 |
| 18.39 | +1.59 | 1.27 |
| 19.51 | +1.19 | 1.12 |
| 20.03 | +0.54 | .52 |
| 21.03 | +0.37 | 1.0 |
| 22.22 | +0.10 | 1.19 |
| 23.63 | -0.22 | 1.41 |
| 25.05 | -0.67 | 1.42 |
| 26.59 | -1.16 | 1.54 |
| 27.60 | -1.28 | 1.01 |
| 28.45 | -1.39 | .85 |
| 29.21 | -1.42 | .76 |
| 30.07 | -1.46 | .86 |
| 31.47 | -1.38 | 1.4 |
| 32.30 | -1.25 | .83 |
| 33.29 | -1.10 | 0.99 |
| 34.51 | -0.75 | 1.22 |
| 35.81 | -0.38 | 1.3 |
| 36.98 | -0.13 | 1.17 |
| 38.12 | +0.12 | 1.14 |
| 39.25 | +0.28 | 1.13 |
| 40.14 | +0.41 | .89 |
| 40.95 | +1.31 | .81 |
| 42.68 | +1.53 | 1.73 |
| 43.55 | +1.59 | .87 |
| 44.83 | +1.67 | 1.28 |
| 47.07 | +1.74 | 2.24 |
| 48.41 | +1.72 | 1.34 |
| 49.44 | +1.70 | 1.03 |
| 52.16 | +1.63 | 2.72 |
| 55.07 | +1.55 | 2.91 |
| 57.98 | +1.55 | 2.91 |
| 60.89 | +1.55 | 2.91 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/B.CV
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 21

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

## 4+600 *Đào:* S= 18.76m²

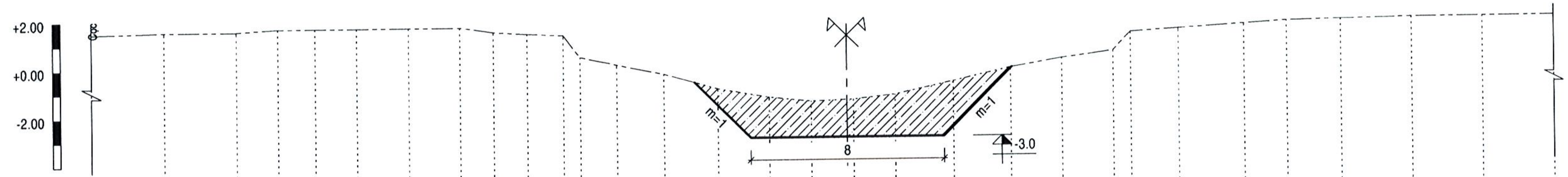


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.49 | | 0.00 |
| +1.57 | 3.0 | 3.00 |
| +1.57 | 3.0 | 6.00 |
| +1.68 | 1.72 | 7.72 |
| +1.69 | 1.52 | 9.24 |
| +1.69 | 1.73 | 10.97 |
| +1.70 | 2.14 | 13.11 |
| +1.70 | 2.13 | 15.24 |
| +1.49 | 1.38 | 16.62 |
| +1.41 | 1.4 | 18.02 |
| +1.33 | 1.5 | 19.52 |
| +0.41 | .71 | 20.23 |
| +0.08 | 1.53 | 21.76 |
| -0.32 | 1.92 | 23.68 |
| -0.95 | 2.24 | 25.92 |
| -1.32 | 2.13 | 28.05 |
| -1.50 | 1.73 | 29.78 |
| -1.44 | 1.75 | 31.53 |
| -1.25 | 1.72 | 33.25 |
| -0.72 | 2.42 | 35.67 |
| -0.18 | 2.38 | 38.05 |
| +0.18 | 2.12 | 40.17 |
| +0.46 | 2.12 | 42.29 |
| +1.23 | .73 | 43.02 |
| +1.35 | 1.98 | 45.00 |
| +1.52 | 2.71 | 47.71 |
| +1.62 | 1.77 | 49.48 |
| +1.66 | 2.24 | 51.72 |
| +1.69 | 3.0 | 54.72 |
| +1.69 | 3.0 | 57.72 |
| +1.69 | 3.0 | 60.72 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1307 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

## 4+700 *Đào:* S= 15.87m²

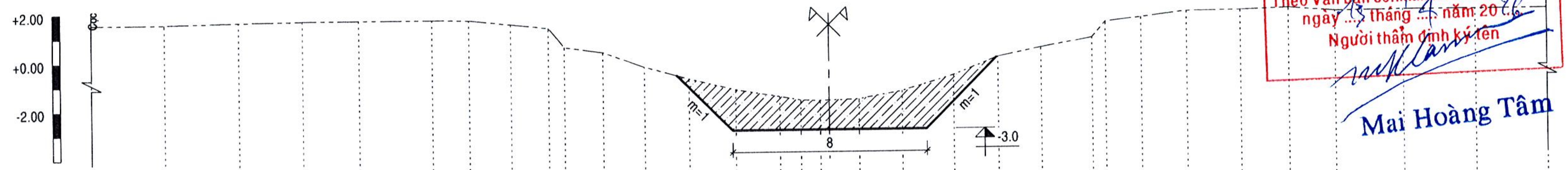


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.57 | | 0.00 |
| +1.57 | 3.0 | 3.00 |
| +1.63 | 3.07 | 6.07 |
| +1.67 | 2.62 | 8.69 |
| +1.68 | 2.31 | 11.00 |
| +1.68 | 3.01 | 14.01 |
| +1.65 | 1.52 | 15.53 |
| +1.47 | 1.72 | 17.25 |
| +1.30 | 1.55 | 18.80 |
| +0.50 | .67 | 19.47 |
| +0.28 | 1.58 | 21.05 |
| -0.34 | 1.71 | 22.76 |
| -0.85 | 1.82 | 24.58 |
| -1.32 | 1.94 | 26.52 |
| -1.62 | 1.81 | 28.33 |
| -1.77 | .87 | 29.20 |
| -1.80 | 0.8 | 30.00 |
| -1.75 | 1.59 | 31.59 |
| -1.43 | 1.77 | 33.36 |
| -0.80 | 2.13 | 35.49 |
| -0.07 | 1.85 | 37.34 |
| +0.30 | 1.78 | 39.12 |
| +0.67 | 2.1 | 41.22 |
| +1.32 | .55 | 41.77 |
| +1.49 | 1.48 | 43.25 |
| +1.72 | 1.87 | 45.12 |
| +1.74 | 2.21 | 47.33 |
| +1.80 | 1.99 | 49.32 |
| +1.64 | 1.92 | 51.24 |
| +1.66 | 2.9 | 54.14 |
| +1.64 | 3.0 | 57.14 |
| +1.64 | 3.0 | 60.14 |

## 4+800 *Đào:* S= 15.67m²

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 78 /BH.CV
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

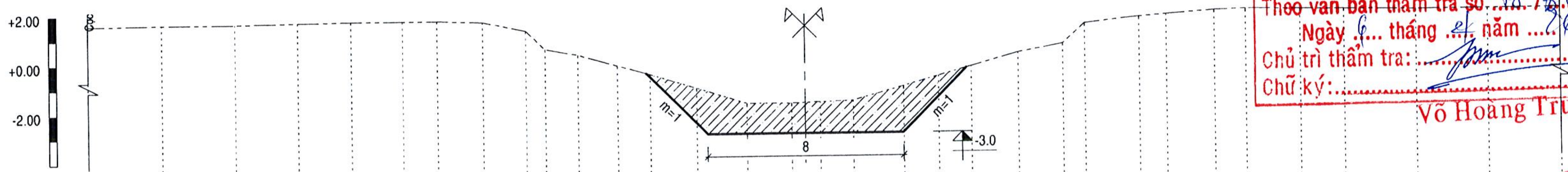


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.59 | | 0.00 |
| +1.63 | 3.0 | 3.00 |
| +1.63 | 3.0 | 6.00 |
| +1.67 | 2.55 | 8.55 |
| +1.70 | 2.17 | 10.72 |
| +1.70 | 2.09 | 12.81 |
| +1.70 | 1.41 | 14.22 |
| +1.64 | 1.87 | 16.09 |
| +1.27 | 1.75 | 17.84 |
| +0.51 | .78 | 18.62 |
| +0.27 | 1.35 | 19.97 |
| -0.18 | 1.62 | 21.59 |
| -0.55 | 1.32 | 22.91 |
| -1.13 | 1.89 | 24.80 |
| -1.77 | 2.06 | 26.86 |
| -1.78 | 1.83 | 28.69 |
| -1.74 | 1.17 | 29.86 |
| -1.69 | 1.34 | 31.20 |
| -1.12 | 2.06 | 33.26 |
| -0.72 | 1.43 | 34.69 |
| -0.35 | 1.34 | 36.03 |
| +0.18 | 1.93 | 37.96 |
| +0.51 | 1.83 | 39.79 |
| +1.33 | 0.9 | 40.69 |
| +1.58 | 2.22 | 42.91 |
| +1.66 | 1.11 | 44.02 |
| +1.80 | 1.97 | 45.99 |
| +1.84 | 1.27 | 47.26 |
| +1.80 | 2.23 | 49.49 |
| +1.77 | 1.8 | 51.29 |
| +1.74 | 3.0 | 54.29 |
| +1.74 | 3.0 | 57.29 |
| +1.74 | 3.0 | 60.29 |

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

## 4+900 *Đào:* S= 15.96m²

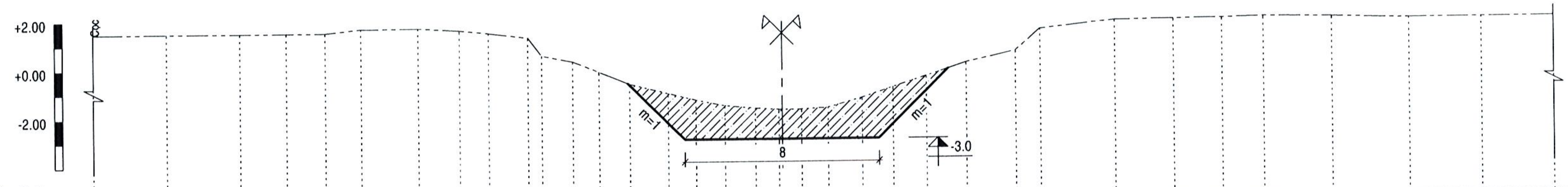


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.48 | | 0.00 |
| +1.50 | 3.0 | 3.00 |
| +1.50 | 3.0 | 6.00 |
| +1.50 | 1.9 | 7.90 |
| +1.50 | 1.61 | 9.51 |
| +1.65 | 1.47 | 10.98 |
| +1.67 | 2.33 | 13.31 |
| +1.57 | 1.69 | 15.00 |
| +1.45 | 1.19 | 16.19 |
| +1.25 | 1.62 | 17.81 |
| +0.50 | .56 | 18.37 |
| +0.25 | 1.29 | 19.66 |
| -0.19 | 1.09 | 20.75 |
| -0.70 | 1.26 | 22.01 |
| -1.10 | 1.58 | 23.59 |
| -1.38 | 1.14 | 24.73 |
| -1.62 | 1.2 | 25.93 |
| -1.73 | 1.24 | 27.17 |
| -1.78 | 0.96 | 28.13 |
| -1.78 | 0.93 | 29.06 |
| -1.72 | 1.1 | 30.16 |
| -1.33 | 1.4 | 31.56 |
| -0.90 | 1.29 | 32.85 |
| -0.46 | 1.35 | 34.20 |
| +0.08 | 1.64 | 35.84 |
| +0.54 | 2.03 | 37.87 |
| +1.42 | 1.01 | 38.88 |
| +1.75 | 3.07 | 41.95 |
| +1.78 | 2.41 | 44.36 |
| +1.80 | 1.99 | 46.35 |
| +1.84 | 1.7 | 48.05 |
| +1.80 | 2.8 | 50.85 |
| +1.70 | 3.28 | 54.13 |
| +1.70 | 3.0 | 57.13 |
| +1.70 | 3.0 | 60.13 |

## 5+000 *Đào:* S= 16.35m²

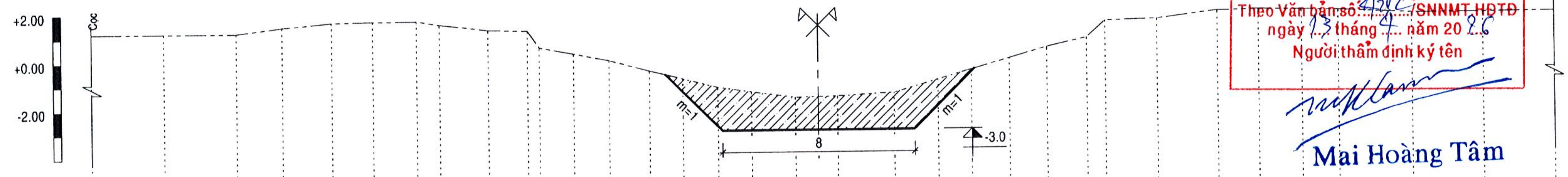


SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số ........./SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 20 26
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.22 | | 0.00 |
| +1.22 | 3.0 | 3.00 |
| +1.22 | 3.0 | 6.00 |
| +1.45 | 1.9 | 7.90 |
| +1.64 | 2.08 | 9.98 |
| +1.67 | 1.7 | 11.68 |
| +1.68 | 1.8 | 13.48 |
| +1.53 | 0.96 | 14.44 |
| +1.29 | 2.0 | 16.44 |
| +1.25 | 1.64 | 18.08 |
| +0.54 | .49 | 18.57 |
| +0.27 | 1.43 | 20.00 |
| -0.02 | 1.5 | 21.50 |
| -0.47 | 1.67 | 23.17 |
| -0.82 | 1.4 | 24.57 |
| -1.19 | 1.45 | 26.02 |
| -1.39 | 1.38 | 27.40 |
| -1.64 | 1.84 | 29.24 |
| -1.60 | 1.76 | 31.00 |
| -1.47 | 2.37 | 33.37 |
| -0.94 | 1.81 | 35.18 |
| -0.54 | 1.39 | 36.57 |
| -0.09 | 1.58 | 38.15 |
| +0.36 | 1.57 | 39.72 |
| +0.73 | 1.66 | 41.38 |
| +1.42 | .76 | 42.14 |
| +1.49 | 2.16 | 44.30 |
| +1.80 | 2.51 | 46.81 |
| +1.84 | 1.71 | 48.52 |
| +1.80 | 1.79 | 50.31 |
| +1.76 | 1.53 | 51.84 |
| +1.60 | 3.16 | 55.00 |
| +1.60 | 3.0 | 58.00 |
| +1.60 | 3.0 | 61.00 |

## 5+100 *Đào:* S= 13.59m²

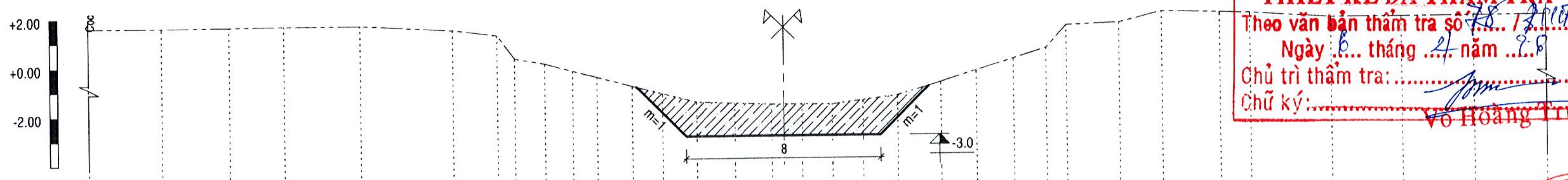


CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số ....../.......
Ngày 6 tháng 4 năm ......
Chủ trì thẩm tra: ..............................
Chữ ký: ..............................
Võ Hoàng Trung

Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.60 | | 0.00 |
| +1.60 | 3.0 | 3.00 |
| +1.62 | 2.76 | 5.76 |
| +1.65 | 2.25 | 8.01 |
| +1.65 | 3.13 | 11.14 |
| +1.43 | 3.78 | 14.92 |
| +1.20 | 1.8 | 16.72 |
| +0.24 | .73 | 17.45 |
| +0.02 | 1.23 | 18.68 |
| -0.28 | 1.15 | 19.83 |
| -0.54 | 1.0 | 20.83 |
| -0.92 | 1.47 | 22.30 |
| -1.25 | 1.23 | 23.53 |
| -1.61 | 1.4 | 24.93 |
| -1.67 | 1.56 | 26.49 |
| -1.73 | 1.51 | 28.00 |
| -1.73 | 1.26 | 29.26 |
| -1.74 | 1.25 | 30.51 |
| -1.58 | 1.26 | 31.77 |
| -1.40 | 1.43 | 33.20 |
| -0.87 | 1.76 | 34.96 |
| -0.42 | 1.47 | 36.43 |
| +0.04 | 1.53 | 37.96 |
| +0.45 | 1.35 | 39.31 |
| +1.39 | .85 | 40.16 |
| +1.47 | 2.15 | 42.31 |
| +1.90 | 1.75 | 44.06 |
| +1.84 | 2.37 | 46.43 |
| +1.80 | 1.25 | 47.68 |
| +1.58 | 3.32 | 51.00 |
| +1.58 | 3.0 | 54.00 |
| +1.58 | 3.0 | 57.00 |
| +1.58 | 3.0 | 60.00 |

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

## 5+200 *Đào:* S= 16.88m²

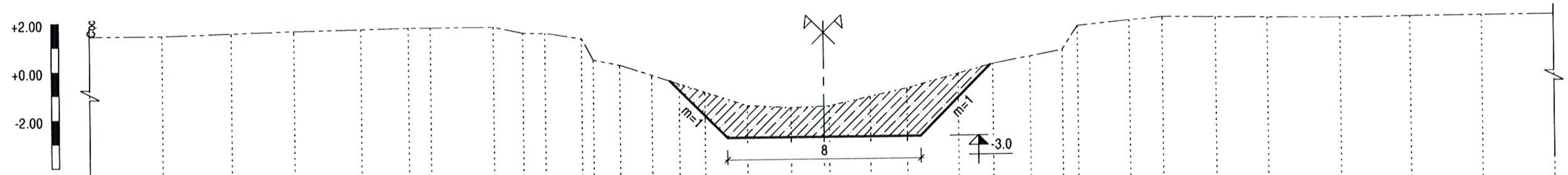


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.45 | | 0.00 |
| +1.45 | 3.0 | 3.00 |
| +1.53 | 2.86 | 5.86 |
| +1.60 | 2.57 | 8.43 |
| +1.65 | 2.78 | 11.21 |
| +1.70 | 1.96 | 13.17 |
| +1.70 | 0.92 | 14.09 |
| +1.70 | 2.59 | 16.68 |
| +1.44 | 1.2 | 17.88 |
| +1.42 | 0.91 | 18.79 |
| +1.18 | 1.54 | 20.33 |
| +0.29 | .48 | 20.81 |
| +0.06 | 1.11 | 21.92 |
| -0.37 | 1.32 | 23.24 |
| -0.75 | 1.14 | 24.38 |
| -1.10 | 1.07 | 25.45 |
| -1.68 | 1.75 | 27.20 |
| -1.78 | 1.8 | 29.00 |
| -1.73 | 1.59 | 30.59 |
| -1.35 | 1.7 | 32.29 |
| -1.02 | 1.52 | 33.81 |
| -0.44 | 2.14 | 35.95 |
| -0.06 | 1.43 | 37.38 |
| +0.23 | 1.54 | 38.92 |
| +0.48 | 1.33 | 40.25 |
| +1.47 | .63 | 40.88 |
| +1.68 | 2.14 | 43.02 |
| +1.80 | 1.37 | 44.39 |
| +1.76 | 2.22 | 46.61 |
| +1.72 | 2.13 | 48.74 |
| +1.67 | 3.0 | 51.74 |
| +1.67 | 3.0 | 54.74 |
| +1.67 | 3.0 | 57.74 |
| +1.67 | 3.0 | 60.74 |

## 5+300 *Đào:* S= 16.27m²

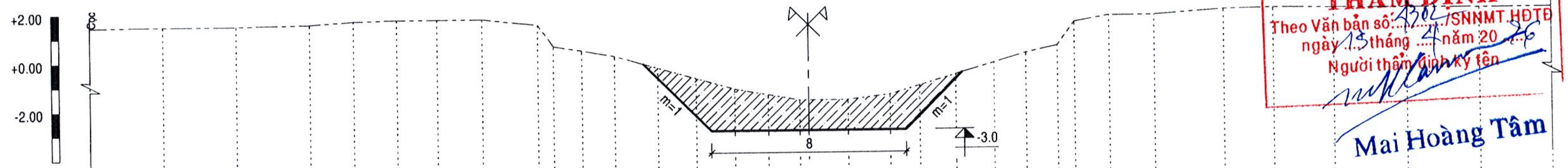


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.46 | | 0.00 |
| +1.49 | 3.0 | 3.00 |
| +1.49 | 3.0 | 6.00 |
| +1.54 | 3.0 | 9.00 |
| +1.66 | 1.8 | 10.80 |
| +1.70 | 1.78 | 12.58 |
| +1.70 | 1.66 | 14.24 |
| +1.70 | 1.84 | 16.08 |
| +1.45 | 2.27 | 18.35 |
| +0.55 | .63 | 18.98 |
| +0.37 | 1.18 | 20.16 |
| +0.13 | 1.36 | 21.52 |
| -0.38 | 1.78 | 23.30 |
| -0.83 | 1.58 | 24.88 |
| -1.28 | 1.58 | 26.46 |
| -1.53 | 1.38 | 27.84 |
| -1.75 | 1.28 | 29.12 |
| -1.75 | 1.99 | 31.11 |
| -1.55 | 1.73 | 32.84 |
| -1.19 | 1.22 | 34.06 |
| -0.75 | 1.5 | 35.56 |
| -0.29 | 1.58 | 37.14 |
| +0.10 | 1.31 | 38.45 |
| +0.38 | 1.28 | 39.73 |
| +1.35 | 0.7 | 40.43 |
| +1.61 | 1.41 | 41.84 |
| +1.61 | 1.87 | 43.71 |
| +1.80 | 2.86 | 46.57 |
| +1.84 | 2.03 | 48.60 |
| +1.80 | 2.47 | 51.07 |
| +1.76 | 3.12 | 54.19 |
| +1.72 | 3.0 | 57.19 |
| +1.72 | 3.0 | 60.19 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 15 tháng 4 năm 20 26
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

## 5+400 *Đào:* S= 14.86m²

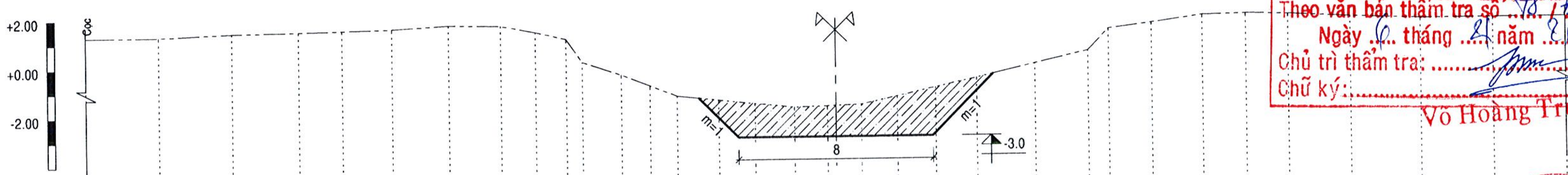


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.30 | | 0.00 |
| +1.30 | 3.0 | 3.00 |
| +1.43 | 3.0 | 6.00 |
| +1.47 | 2.72 | 8.72 |
| +1.51 | 1.78 | 10.50 |
| +1.56 | 2.05 | 12.55 |
| +1.70 | 2.34 | 14.89 |
| +1.66 | 2.12 | 17.01 |
| +1.39 | 1.41 | 18.42 |
| +1.10 | 1.27 | 19.69 |
| +0.14 | .67 | 20.36 |
| -0.39 | 1.6 | 21.96 |
| -0.85 | 1.18 | 23.14 |
| -1.29 | 1.13 | 24.27 |
| -1.47 | 1.71 | 25.98 |
| -1.63 | 1.49 | 27.47 |
| -1.79 | 1.61 | 29.08 |
| -1.75 | 1.36 | 30.44 |
| -1.70 | 1.39 | 31.83 |
| -1.38 | 1.49 | 33.32 |
| -1.03 | 1.58 | 34.90 |
| -0.66 | 1.71 | 36.61 |
| -0.10 | 2.39 | 39.00 |
| +0.40 | 2.16 | 41.16 |
| +1.29 | .85 | 42.01 |
| +1.51 | 1.78 | 43.79 |
| +1.80 | 2.1 | 45.89 |
| +1.84 | 1.78 | 47.67 |
| +1.80 | 1.73 | 49.40 |
| +1.67 | 2.56 | 51.96 |
| +1.56 | 3.0 | 54.96 |
| +1.56 | 3.0 | 57.96 |
| +1.56 | 3.0 | 60.96 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHU
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 24

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## 5+500 *Đào:* S= 15.12m²

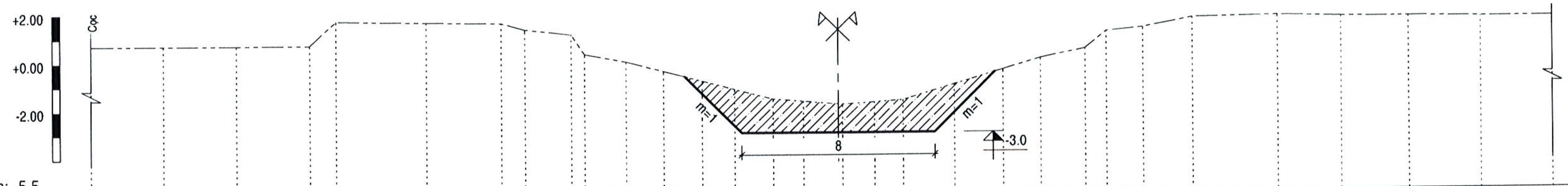


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +0.72 | | 0.00 |
| +0.72 | 3.0 | 3.00 |
| +0.72 | 3.0 | 6.00 |
| +0.73 | 3.0 | 9.00 |
| +1.72 | 1.08 | 10.08 |
| +1.66 | 3.75 | 13.83 |
| +1.62 | 3.08 | 16.91 |
| +1.35 | 0.97 | 17.88 |
| +1.14 | 1.94 | 19.82 |
| +0.31 | .53 | 20.35 |
| -0.01 | 1.72 | 22.07 |
| -0.42 | 1.56 | 23.63 |
| -0.83 | 1.59 | 25.22 |
| -1.19 | 1.35 | 26.57 |
| -1.60 | 1.58 | 28.15 |
| -1.70 | 1.26 | 29.41 |
| -1.83 | 1.62 | 31.03 |
| -1.74 | 1.31 | 32.34 |
| -1.66 | 1.19 | 33.53 |
| -1.02 | 2.13 | 35.66 |
| -0.42 | 2.0 | 37.66 |
| +0.05 | 1.55 | 39.21 |
| +0.43 | 1.84 | 41.05 |
| +1.14 | .87 | 41.92 |
| +1.29 | 1.52 | 43.44 |
| +1.68 | 2.04 | 45.48 |
| +1.76 | 3.49 | 48.97 |
| +1.70 | 2.62 | 51.59 |
| +1.67 | 2.9 | 54.49 |
| +1.63 | 3.0 | 57.49 |
| +1.63 | 3.0 | 60.49 |

## 5+600 *Đào:* S= 20.62m²

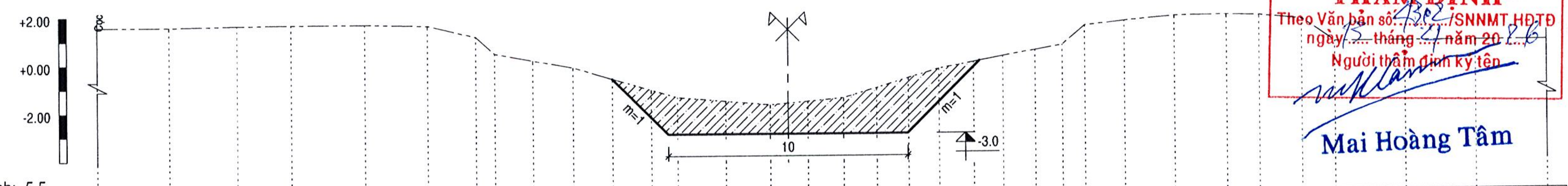


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.58 | | 0.00 |
| +1.58 | 3.0 | 3.00 |
| +1.63 | 2.82 | 5.82 |
| +1.65 | 2.23 | 8.05 |
| +1.66 | 3.05 | 11.10 |
| +1.60 | 2.63 | 13.73 |
| +1.12 | 2.01 | 15.74 |
| +0.41 | .78 | 16.52 |
| +0.12 | 1.57 | 18.09 |
| -0.18 | 1.7 | 19.79 |
| -0.67 | 1.63 | 21.42 |
| -1.14 | 1.62 | 23.04 |
| -1.46 | 1.09 | 24.13 |
| -1.63 | 2.01 | 26.14 |
| -1.79 | 1.86 | 28.00 |
| -1.65 | 1.58 | 29.58 |
| -1.51 | 1.49 | 31.07 |
| -1.10 | 1.37 | 32.44 |
| -0.70 | 1.34 | 33.78 |
| -0.32 | 1.27 | 35.05 |
| -0.05 | 1.44 | 36.49 |
| +0.19 | 1.23 | 37.72 |
| +0.43 | 1.34 | 39.06 |
| +0.63 | 1.13 | 40.19 |
| +1.43 | 0.93 | 41.12 |
| +1.62 | 1.65 | 42.77 |
| +1.80 | 2.09 | 44.86 |
| +1.84 | 2.15 | 47.01 |
| +1.80 | 1.35 | 48.36 |
| +1.64 | 1.77 | 50.13 |
| +0.70 | 1.38 | 51.51 |
| +0.70 | 3.0 | 54.51 |
| +0.70 | 3.0 | 57.51 |
| +0.70 | 3.0 | 60.51 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 1302 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 5+700 *Đào:* S= 20.16m²

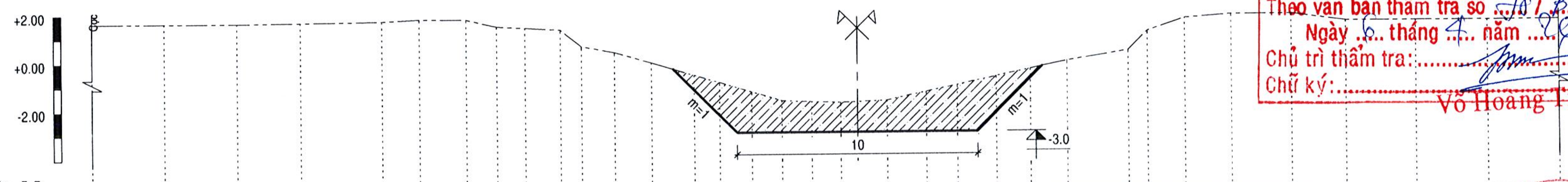


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.64 | | 0.00 |
| +1.64 | 3.0 | 3.00 |
| +1.64 | 3.0 | 6.00 |
| +1.66 | 2.61 | 8.61 |
| +1.70 | 3.38 | 11.99 |
| +1.78 | 1.55 | 13.54 |
| +1.76 | 1.93 | 15.47 |
| +1.46 | 1.25 | 16.72 |
| +1.40 | 1.17 | 17.89 |
| +1.32 | 1.48 | 19.37 |
| +0.62 | .87 | 20.24 |
| +0.37 | 1.37 | 21.61 |
| -0.08 | 1.53 | 23.14 |
| -0.61 | 1.77 | 24.91 |
| -0.92 | 1.06 | 25.97 |
| -1.32 | 1.33 | 27.30 |
| -1.69 | 1.25 | 28.55 |
| -1.74 | 1.25 | 29.80 |
| -1.78 | 1.2 | 31.00 |
| -1.70 | 1.92 | 32.92 |
| -1.35 | 1.64 | 34.56 |
| -1.08 | 1.28 | 35.84 |
| -0.73 | 1.63 | 37.47 |
| -0.43 | 1.4 | 38.87 |
| -0.11 | 1.52 | 40.39 |
| +0.30 | 2.54 | 42.93 |
| +1.10 | 0.8 | 43.73 |
| +1.62 | 1.54 | 45.27 |
| +1.76 | 1.91 | 47.18 |
| +1.76 | 2.49 | 49.67 |
| +1.45 | 2.27 | 51.94 |
| +1.45 | 3.0 | 54.94 |
| +1.44 | 3.0 | 57.94 |
| +1.44 | 3.0 | 60.94 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 78 / BCUT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ......
Chữ ký: ......
Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM – THÀNH PHỐ CẦN THƠ – 1801622163

CN: 25

## 5+800 *Đào:* S= 18.71m²

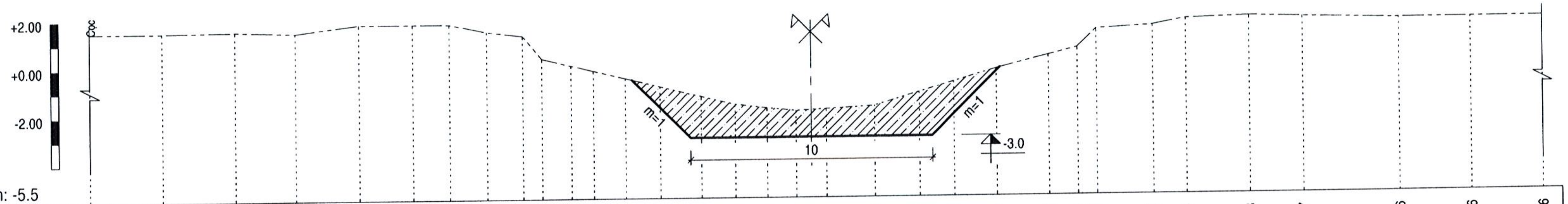


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.50 | | 0.00 |
| +1.50 | 3.0 | 3.00 |
| +1.54 | 3.0 | 6.00 |
| +1.46 | 2.48 | 8.48 |
| +1.79 | 2.62 | 11.10 |
| +1.79 | 2.22 | 13.32 |
| +1.78 | 1.5 | 14.82 |
| +1.46 | 1.53 | 16.35 |
| +1.28 | 1.49 | 17.84 |
| +0.32 | .79 | 18.63 |
| +0.02 | 1.23 | 19.86 |
| -0.20 | 0.92 | 20.78 |
| -0.52 | 1.3 | 22.08 |
| -0.87 | 1.42 | 23.50 |
| -1.29 | 1.7 | 25.20 |
| -1.63 | 1.41 | 26.61 |
| -1.78 | 1.31 | 27.92 |
| -1.91 | 1.2 | 29.12 |
| -1.84 | 1.26 | 30.38 |
| -1.73 | 2.0 | 32.38 |
| -1.18 | 1.84 | 34.22 |
| -0.76 | 1.44 | 35.66 |
| -0.24 | 1.74 | 37.40 |
| +0.30 | 2.17 | 39.57 |
| +0.60 | 1.2 | 40.77 |
| +1.35 | .79 | 41.56 |
| +1.49 | 2.32 | 43.88 |
| +1.75 | 1.36 | 45.24 |
| +1.83 | 2.6 | 47.84 |
| +1.77 | 2.21 | 50.05 |
| +1.66 | 4.07 | 54.12 |
| +1.66 | 3.0 | 57.12 |
| +1.66 | 3.0 | 60.12 |

## 5+900 *Đào:* S= 22.17m²

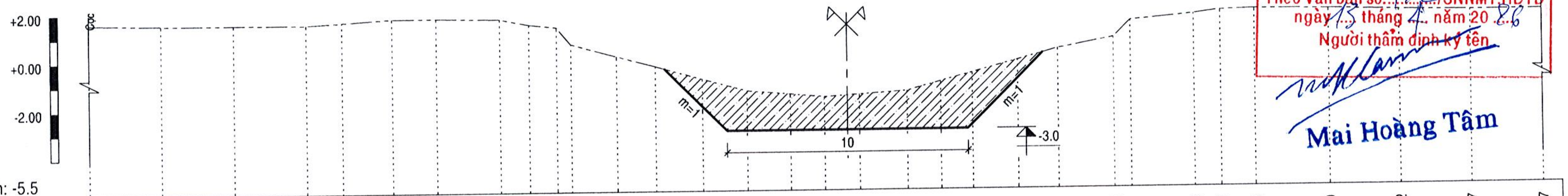


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.60 | | 0.00 |
| +1.55 | 3.0 | 3.00 |
| +1.55 | 3.0 | 6.00 |
| +1.52 | 3.0 | 9.00 |
| +1.61 | 1.48 | 10.48 |
| +1.74 | 2.06 | 12.54 |
| +1.74 | 1.83 | 14.37 |
| +1.70 | 2.62 | 16.99 |
| +1.46 | 1.21 | 18.20 |
| +1.34 | 1.16 | 19.36 |
| +0.63 | .59 | 19.95 |
| +0.11 | 1.89 | 21.84 |
| -0.32 | 1.59 | 23.43 |
| -0.86 | 1.95 | 25.38 |
| -1.36 | 1.84 | 27.22 |
| -1.51 | 1.8 | 29.02 |
| -1.63 | 1.42 | 30.44 |
| -1.54 | 1.45 | 31.89 |
| -1.41 | 1.97 | 33.86 |
| -1.03 | 1.4 | 35.26 |
| -0.68 | 1.32 | 36.58 |
| -0.17 | 1.87 | 38.45 |
| +0.28 | 1.68 | 40.13 |
| +0.72 | 2.31 | 42.44 |
| +1.41 | 0.7 | 43.14 |
| +1.66 | 2.62 | 45.76 |
| +1.80 | 1.09 | 46.85 |
| +1.84 | 1.41 | 48.26 |
| +1.80 | 3.09 | 51.35 |
| +1.72 | 3.0 | 54.35 |
| +1.67 | 3.0 | 57.35 |
| +1.67 | 3.0 | 60.35 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1302 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 20 26
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 6+000 *Đào:* S= 12.85m²

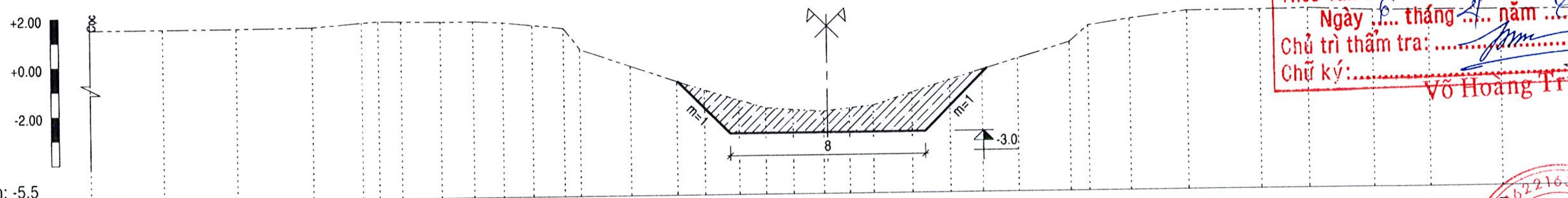


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.51 | | 0.00 |
| +1.51 | 3.0 | 3.00 |
| +1.51 | 3.0 | 6.00 |
| +1.53 | 3.11 | 9.11 |
| +1.70 | 2.02 | 11.13 |
| +1.75 | .67 | 11.80 |
| +1.73 | 0.93 | 12.73 |
| +1.70 | 1.61 | 14.34 |
| +1.70 | 1.32 | 15.66 |
| +1.64 | 1.21 | 16.87 |
| +1.51 | 1.22 | 18.09 |
| +1.38 | 1.3 | 19.39 |
| +0.50 | .66 | 20.05 |
| -0.21 | 2.05 | 22.10 |
| -0.86 | 1.89 | 23.99 |
| -1.22 | 1.14 | 25.13 |
| -1.65 | 1.4 | 26.53 |
| -1.98 | 1.09 | 27.62 |
| -2.06 | 1.13 | 28.75 |
| -2.14 | 1.25 | 30.00 |
| -2.02 | 1.06 | 31.06 |
| -1.92 | 0.98 | 32.04 |
| -1.41 | 1.59 | 33.63 |
| -0.91 | 1.56 | 35.19 |
| -0.51 | 1.33 | 36.52 |
| -0.07 | 1.45 | 37.97 |
| +0.57 | 2.15 | 40.12 |
| +1.24 | .77 | 40.89 |
| +1.50 | 1.7 | 42.59 |
| +1.80 | 2.35 | 44.94 |
| +1.80 | 2.97 | 47.91 |
| +1.83 | 1.97 | 49.88 |
| +1.72 | 2.66 | 52.54 |
| +1.72 | 2.39 | 54.93 |
| +1.69 | 3.0 | 57.93 |
| +1.69 | 3.0 | 60.93 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHG
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ....................
Chữ ký: ....................
Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ - M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## 6+100 *Đào:* S= 13.33m²

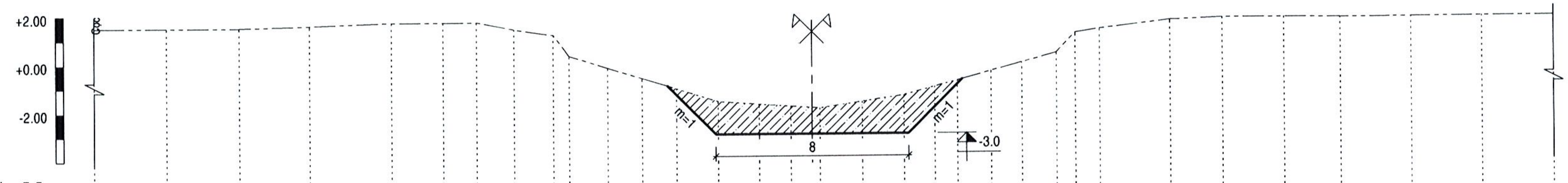


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.52 | 3.0 | 0.00 |
| +1.52 | 3.0 | 3.00 |
| +1.52 | 2.91 | 6.00 |
| +1.59 | 3.37 | 8.91 |
| +1.70 | 2.13 | 12.28 |
| +1.70 | 1.37 | 14.41 |
| +1.70 | 1.56 | 15.78 |
| +1.39 | 1.62 | 17.34 |
| +1.15 | .67 | 18.96 |
| +0.27 | 1.58 | 19.63 |
| -0.23 | 1.42 | 21.21 |
| -0.67 | 1.42 | 22.63 |
| -1.11 | 1.73 | 24.05 |
| -1.65 | 1.71 | 25.78 |
| -1.77 | 1.31 | 27.49 |
| -1.86 | 1.2 | 28.80 |
| -1.94 | 1.75 | 30.00 |
| -1.68 | 1.74 | 31.75 |
| -1.42 | 1.27 | 33.49 |
| -1.08 | 0.94 | 34.76 |
| -0.83 | 1.4 | 35.70 |
| -0.45 | 1.27 | 37.10 |
| -0.11 | 1.44 | 38.37 |
| +0.28 | .77 | 39.81 |
| +1.10 | 1.01 | 40.58 |
| +1.26 | 2.91 | 41.59 |
| +1.60 | 2.18 | 44.50 |
| +1.68 | 2.55 | 46.68 |
| +1.67 | 2.34 | 49.23 |
| +1.65 | 3.0 | 51.57 |
| +1.64 | 3.0 | 54.57 |
| +1.64 | 3.0 | 57.57 |
| +1.64 | | 60.57 |

## 6+200 *Đào:* S= 20.91m²

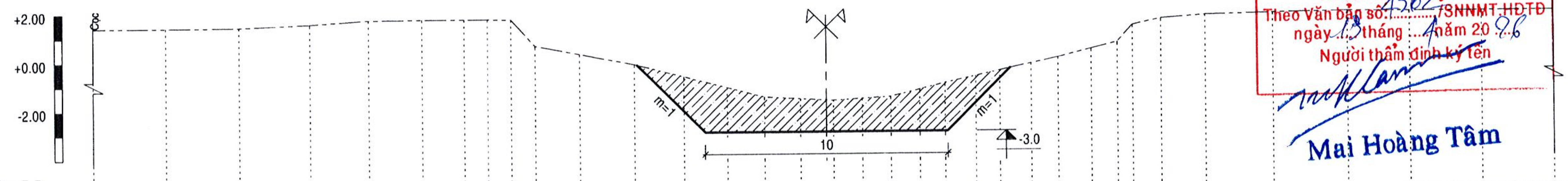


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.42 | 3.0 | 0.00 |
| +1.42 | 3.0 | 3.00 |
| +1.44 | 2.91 | 6.00 |
| +1.56 | 2.41 | 8.91 |
| +1.71 | 2.18 | 11.32 |
| +1.73 | 1.72 | 13.50 |
| +1.73 | 0.96 | 15.22 |
| +1.73 | 0.97 | 16.18 |
| +1.70 | 0.99 | 17.15 |
| +0.61 | 1.82 | 18.14 |
| +0.26 | 2.25 | 19.96 |
| -0.18 | 2.03 | 22.21 |
| -0.70 | 1.79 | 24.24 |
| -1.16 | 1.54 | 26.03 |
| -1.56 | 1.48 | 27.57 |
| -1.64 | 1.35 | 29.05 |
| -1.71 | 1.19 | 30.40 |
| -1.64 | 1.18 | 31.59 |
| -1.57 | 1.19 | 32.77 |
| -1.28 | 1.04 | 33.96 |
| -1.02 | 1.27 | 35.00 |
| -0.74 | 0.99 | 36.27 |
| -0.52 | 1.28 | 37.26 |
| -0.24 | 1.12 | 38.54 |
| +0.00 | 1.36 | 39.66 |
| +0.34 | 1.07 | 41.02 |
| +0.61 | .63 | 42.09 |
| +1.30 | 1.17 | 42.72 |
| +1.56 | 1.81 | 43.89 |
| +1.69 | 2.8 | 45.70 |
| +1.75 | 3.07 | 48.50 |
| +1.80 | 2.65 | 51.57 |
| +1.77 | 3.0 | 54.22 |
| +1.76 | 3.0 | 57.22 |
| +1.76 | | 60.22 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4302 /SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 6+300 *Đào:* S= 19.12m²

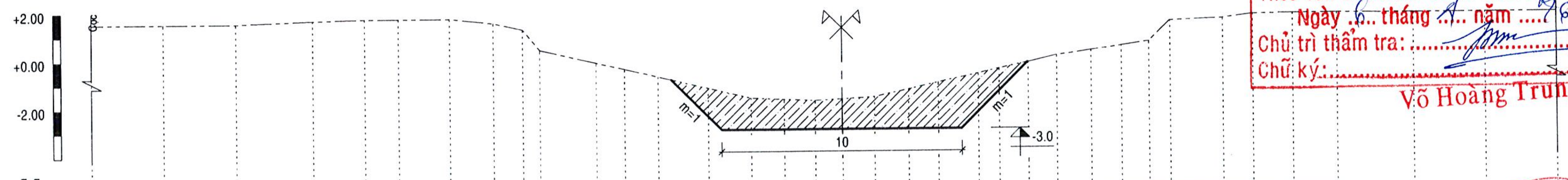


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.54 | 3.0 | 0.00 |
| +1.54 | 3.0 | 3.00 |
| +1.54 | 3.19 | 6.00 |
| +1.65 | 2.15 | 9.19 |
| +1.70 | 1.38 | 11.34 |
| +1.70 | 2.12 | 12.72 |
| +1.70 | 1.8 | 14.84 |
| +1.51 | 1.23 | 16.64 |
| +1.23 | 0.7 | 17.87 |
| +0.37 | 2.34 | 18.57 |
| -0.18 | 1.17 | 20.91 |
| -0.45 | 1.39 | 22.08 |
| -0.78 | 2.09 | 23.47 |
| -1.27 | 1.79 | 25.56 |
| -1.69 | 1.37 | 27.35 |
| -1.75 | 1.28 | 28.72 |
| -1.81 | 1.13 | 30.00 |
| -1.75 | 1.35 | 31.13 |
| -1.67 | 1.41 | 32.48 |
| -1.36 | 1.24 | 33.89 |
| -1.08 | 1.67 | 35.13 |
| -0.72 | .86 | 36.80 |
| -0.52 | 1.21 | 37.66 |
| -0.26 | 1.19 | 38.87 |
| +0.01 | 1.42 | 40.06 |
| +0.21 | 1.26 | 41.48 |
| +0.39 | 1.15 | 42.74 |
| +0.56 | .88 | 43.89 |
| +1.41 | 2.2 | 44.77 |
| +1.50 | 1.24 | 46.97 |
| +1.66 | 1.67 | 48.21 |
| +1.68 | 1.83 | 49.88 |
| +1.68 | 3.29 | 51.71 |
| +1.67 | 3.0 | 55.00 |
| +1.67 | 3.0 | 58.00 |
| +1.67 | | 61.00 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số .78./ BHU
Ngày .6.. tháng .4.. năm ....26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........
Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM * THÀNH PHỐ CẦN THƠ *

## 6+400 *Đào:* S= 19.65m²

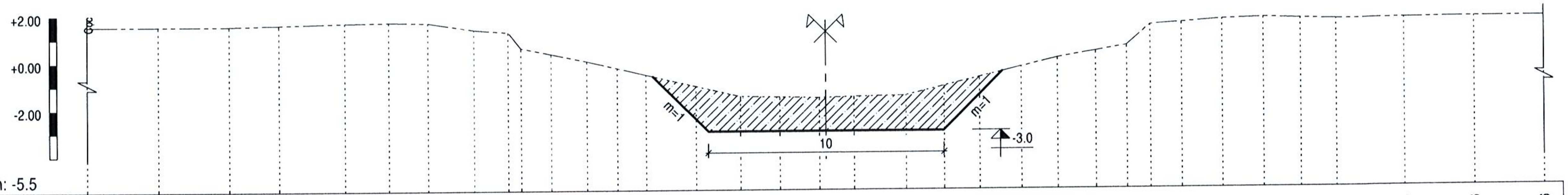


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.56 | | 0.00 |
| +1.56 | 3.0 | 3.00 |
| +1.56 | 3.0 | 6.00 |
| +1.60 | 2.12 | 8.12 |
| +1.67 | 2.78 | 10.90 |
| +1.70 | 1.85 | 12.75 |
| +1.67 | 1.65 | 14.40 |
| +1.37 | 1.96 | 16.36 |
| +1.26 | 1.44 | 17.80 |
| +0.58 | 54 | 18.34 |
| +0.32 | 1.27 | 19.61 |
| +0.00 | 1.54 | 21.15 |
| -0.30 | 1.28 | 22.43 |
| -0.59 | 1.21 | 23.64 |
| -1.08 | 2.11 | 25.75 |
| -1.52 | 1.89 | 27.64 |
| -1.55 | 1.67 | 29.31 |
| -1.59 | 1.69 | 31.00 |
| -1.55 | 1.47 | 32.47 |
| -1.50 | 2.19 | 34.66 |
| -1.10 | 1.63 | 36.29 |
| -0.74 | 1.5 | 37.79 |
| -0.31 | 1.79 | 39.58 |
| +0.06 | 1.54 | 41.12 |
| +0.34 | 1.62 | 42.74 |
| +0.57 | 1.31 | 44.05 |
| +1.44 | 1.0 | 45.05 |
| +1.53 | 1.32 | 46.37 |
| +1.65 | 1.73 | 48.10 |
| +1.71 | 1.75 | 49.85 |
| +1.66 | 1.56 | 51.41 |
| +1.62 | 1.52 | 52.93 |
| +1.64 | 3.0 | 55.93 |
| +1.66 | 3.0 | 58.93 |
| +1.66 | 3.0 | 61.93 |

## 6+500 *Đào:* S= 17.21m²

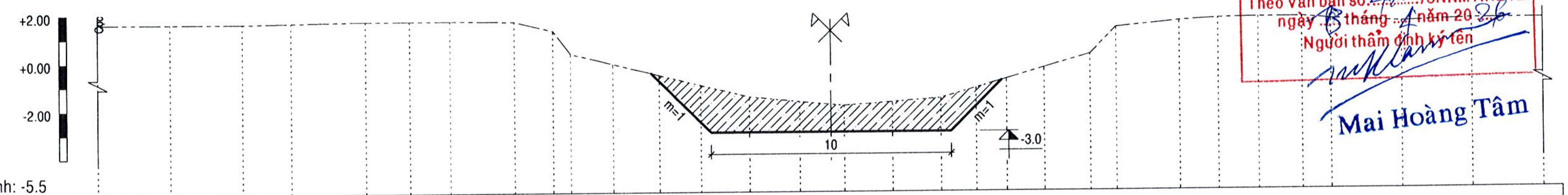


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.61 | | 0.00 |
| +1.61 | 3.0 | 3.00 |
| +1.61 | 3.0 | 6.00 |
| +1.64 | 2.03 | 8.03 |
| +1.70 | 3.08 | 11.11 |
| +1.70 | 1.82 | 12.93 |
| +1.70 | 1.68 | 14.61 |
| +1.66 | 2.68 | 17.29 |
| +1.27 | 1.59 | 18.88 |
| +0.31 | .72 | 19.60 |
| -0.13 | 1.78 | 21.38 |
| -0.61 | 1.92 | 23.30 |
| -1.04 | 1.73 | 25.03 |
| -1.53 | 2.02 | 27.05 |
| -1.74 | 2.09 | 29.14 |
| -1.91 | 1.86 | 31.00 |
| -1.76 | 2.01 | 33.01 |
| -1.61 | 2.01 | 35.02 |
| -1.19 | 1.47 | 36.49 |
| -0.82 | 1.27 | 37.76 |
| -0.36 | 1.58 | 39.34 |
| +0.19 | 1.92 | 41.26 |
| +1.30 | 1.08 | 42.34 |
| +1.56 | 2.63 | 44.97 |
| +1.65 | 1.61 | 46.58 |
| +1.68 | 1.68 | 48.26 |
| +1.68 | 1.82 | 50.08 |
| +1.59 | 1.19 | 51.27 |
| +1.45 | 3.0 | 54.27 |
| +1.55 | 3.0 | 57.27 |
| +1.55 | 3.0 | 60.27 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 4312/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 6+600 *Đào:* S= 19.28m²

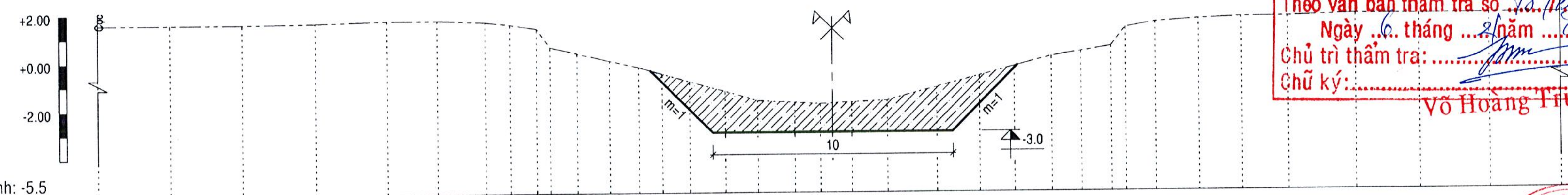


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.58 | | 0.00 |
| +1.58 | 3.0 | 3.00 |
| +1.58 | 3.0 | 6.00 |
| +1.62 | 3.04 | 9.04 |
| +1.71 | 2.95 | 11.99 |
| +1.71 | 2.08 | 14.07 |
| +1.63 | 2.0 | 16.07 |
| +1.52 | 1.03 | 17.10 |
| +1.35 | 1.1 | 18.20 |
| +0.57 | .55 | 18.75 |
| +0.31 | 1.13 | 19.88 |
| -0.01 | 1.35 | 21.23 |
| -0.28 | 1.19 | 22.42 |
| -0.56 | 0.98 | 23.40 |
| -0.89 | 1.15 | 24.55 |
| -1.30 | 1.48 | 26.03 |
| -1.69 | 1.35 | 27.38 |
| -1.77 | 1.54 | 28.92 |
| -1.83 | 1.08 | 30.00 |
| -1.76 | 1.31 | 31.31 |
| -1.70 | 1.47 | 32.78 |
| -1.16 | 2.05 | 34.83 |
| -0.70 | 1.79 | 36.62 |
| -0.32 | 1.46 | 38.08 |
| +0.09 | 1.56 | 39.64 |
| +0.29 | 1.24 | 40.88 |
| +0.50 | 1.25 | 42.13 |
| +1.27 | .59 | 42.72 |
| +1.49 | 1.24 | 43.96 |
| +1.61 | 1.8 | 45.76 |
| +1.68 | 1.79 | 47.55 |
| +1.69 | 1.94 | 49.49 |
| +1.78 | 2.81 | 52.30 |
| +1.76 | 2.7 | 55.00 |
| +1.76 | 3.0 | 58.00 |
| +1.76 | 3.0 | 61.00 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số: 98/BH...
Ngày 6 tháng 2 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ...
Chữ ký: ...
Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

## 6+700 *Đào:* S= 19.73m²

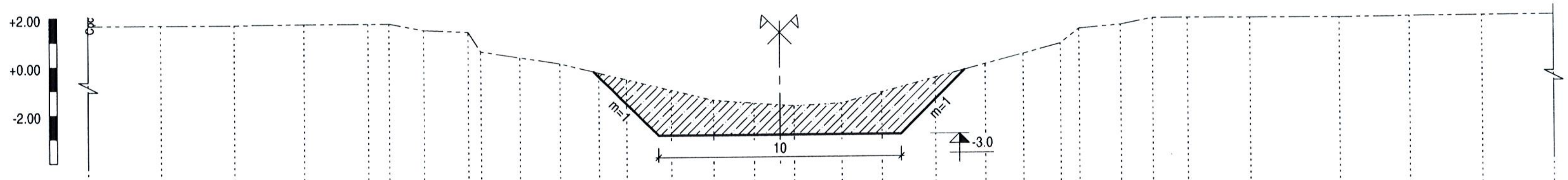


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.67 | +1.67 | +1.67 | +1.70 | +1.70 | +1.70 | +1.42 | +1.33 | +0.52 | +0.26 | +0.00 | -0.41 | -0.69 | -1.14 | -1.57 | -1.70 | -1.82 | -1.72 | -1.28 | -0.69 | -0.15 | +0.26 | +0.67 | +1.27 | +1.42 | +1.68 | +1.68 | +1.66 | +1.64 | +1.65 | +1.65 | +1.65 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 2.86 | 2.63 | .87 | 1.42 | 1.82 | .51 | 1.6 | 1.65 | 1.63 | 1.13 | 1.83 | 1.73 | 1.66 | 1.66 | 1.95 | 1.67 | 2.22 | 2.05 | 1.54 | 1.54 | .78 | 1.71 | 1.32 | 1.44 | 2.56 | 3.67 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 8.86 | 11.49 | 12.36 | 13.78 | 15.60 | 16.11 | 17.71 | 19.36 | 20.99 | 22.12 | 23.95 | 25.68 | 27.34 | 29.00 | 30.95 | 32.62 | 34.84 | 36.89 | 38.43 | 39.97 | 40.75 | 42.46 | 43.78 | 45.22 | 47.78 | 51.45 | 54.45 | 57.45 | 60.45 |

## 6+800 *Đào:* S= 16.48m²

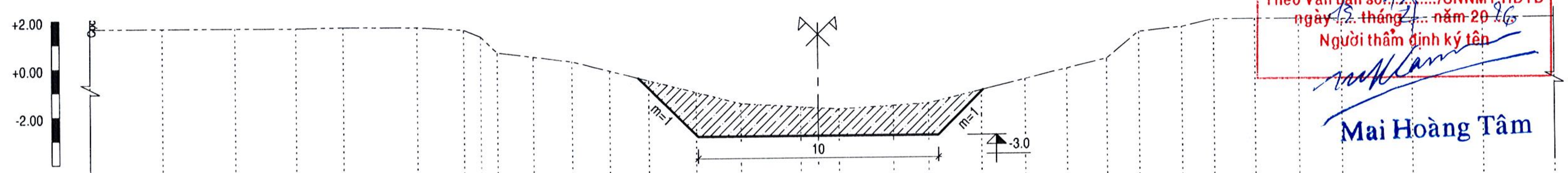


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.64 | +1.64 | +1.64 | +1.62 | +1.66 | +1.64 | +1.52 | +1.23 | +0.56 | +0.37 | +0.16 | -0.24 | -0.65 | -1.16 | -1.64 | -1.80 | -1.90 | -1.77 | -1.68 | -1.15 | -0.71 | -0.29 | +0.11 | +1.21 | +1.39 | +1.70 | +1.70 | +1.68 | +1.65 | +1.66 | +1.65 | +1.65 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 2.51 | 1.96 | 3.06 | 1.92 | 0.7 | .68 | 1.49 | 1.63 | 1.56 | 1.6 | 1.97 | 1.85 | 2.49 | 1.58 | 2.27 | 1.47 | 2.2 | 1.8 | 1.74 | 1.67 | 1.34 | 1.78 | 1.32 | 1.7 | 1.82 | 1.79 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 8.51 | 10.47 | 13.53 | 15.45 | 16.15 | 16.83 | 18.32 | 19.95 | 21.51 | 23.11 | 25.08 | 26.93 | 29.42 | 31.00 | 33.27 | 34.74 | 36.94 | 38.74 | 40.48 | 42.15 | 43.49 | 45.27 | 46.59 | 48.29 | 50.11 | 51.90 | 54.90 | 57.90 | 60.90 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1312 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 6+900 *Đào:* S= 15.35m²

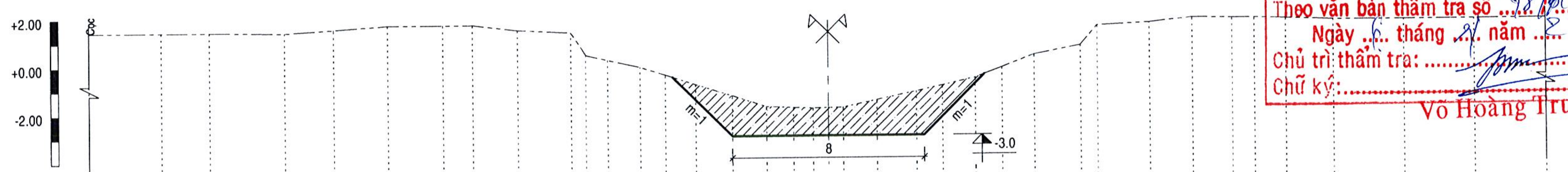


CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 98/BCHT
Ngày 6 tháng 4 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........
Võ Hoàng Trung

Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.45 | +1.45 | +1.45 | +1.40 | +1.54 | +1.70 | +1.70 | +1.70 | +1.48 | +1.36 | +0.41 | +0.20 | -0.10 | -0.43 | -0.84 | -1.32 | -1.78 | -1.83 | -1.86 | -1.83 | -1.53 | -1.18 | -0.94 | -0.63 | -0.21 | +0.31 | +0.68 | +1.50 | +1.61 | +1.80 | +1.78 | +1.77 | +1.73 | +1.66 | +1.66 | +1.66 | +1.66 |
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 2.0 | 3.08 | 2.04 | 2.25 | 2.27 | 1.23 | 1.85 | 2.24 | .63 | 0.9 | 1.33 | 1.04 | 1.26 | 1.52 | 1.42 | 1.13 | .81 | 1.26 | 1.4 | 1.66 | 1.09 | 1.36 | 1.1 | 1.35 | 1.93 | 0.7 | 2.18 | 1.77 | 1.65 | 0.92 | 1.3 | 1.99 | 3.0 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 5.00 | 8.08 | 10.12 | 12.37 | 14.64 | 15.87 | 17.72 | 19.96 | 20.59 | 21.49 | 22.82 | 23.86 | 25.12 | 26.64 | 28.06 | 29.19 | 30.00 | 31.26 | 32.66 | 34.32 | 35.41 | 36.77 | 37.87 | 39.22 | 41.15 | 41.85 | 44.03 | 45.80 | 47.45 | 48.37 | 49.67 | 51.66 | 54.66 | 57.66 | 60.66 |

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
M.S.D.N: 1801622363 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 29

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## 7+000 *Đào:* S= 18.59m²

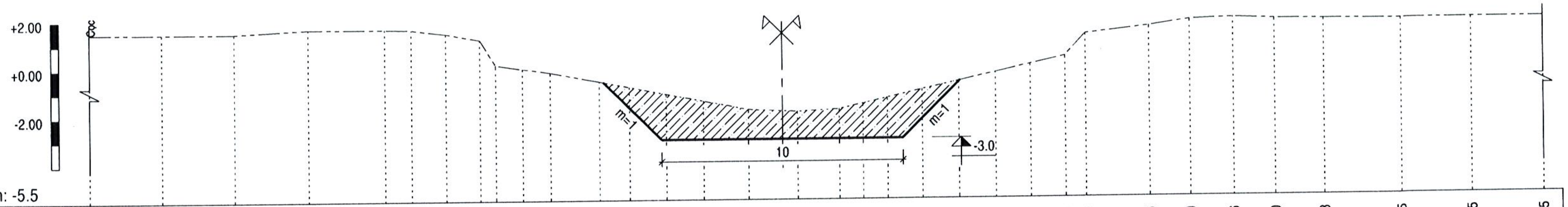


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.50 | +1.49 | +1.49 | +1.65 | +1.64 | +1.61 | +1.44 | +1.18 | +0.13 | -0.03 | -0.19 | -0.58 | -0.82 | -1.12 | -1.41 | -1.77 | -1.87 | -1.77 | -1.55 | -1.32 | -0.99 | -0.65 | -0.31 | +0.02 | +0.34 | +1.25 | +1.55 | +1.80 | +1.86 | +1.80 | +1.78 | +1.75 | +1.75 | +1.75 |
| Khoảng cách [m] | 3.0 | 3.0 | 3.05 | 3.16 | 1.08 | 1.43 | 1.41 | .64 | 1.12 | 1.14 | 2.01 | 1.26 | 1.51 | 1.55 | 1.85 | 2.03 | 1.73 | 0.99 | 1.02 | 1.44 | 1.51 | 1.51 | 1.44 | 1.45 | .85 | 2.63 | 1.67 | 1.79 | 1.71 | 2.04 | 3.22 | 3.0 | 3.0 | |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.05 | 12.21 | 13.29 | 14.72 | 16.13 | 16.77 | 17.89 | 19.03 | 21.04 | 22.30 | 23.81 | 25.36 | 27.21 | 29.24 | 30.97 | 31.96 | 32.98 | 34.42 | 35.93 | 37.44 | 38.88 | 40.33 | 41.18 | 43.81 | 45.48 | 47.27 | 48.98 | 51.02 | 54.24 | 57.24 | 60.24 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số: 1302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 7+100 *Đào:* S= 18.02m²

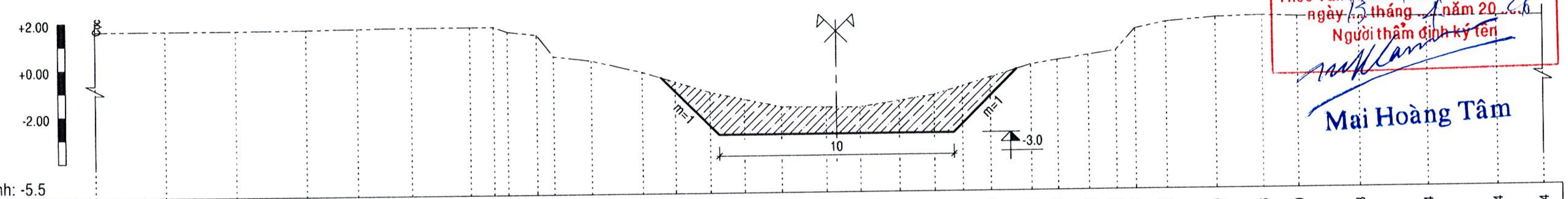


Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.62 | +1.62 | +1.62 | +1.64 | +1.67 | +1.70 | +1.70 | +1.70 | +1.48 | +1.34 | +0.41 | +0.21 | -0.30 | -0.73 | -1.19 | -1.50 | -1.84 | -1.86 | -1.88 | -1.62 | -1.38 | -1.02 | -0.66 | -0.13 | +0.05 | +0.25 | +0.43 | +1.35 | +1.63 | +1.80 | +1.86 | +1.80 | +1.78 | +1.74 | +1.74 | +1.74 |
| Khoảng cách [m] | 3.0 | 3.0 | 3.0 | 2.17 | 2.28 | 2.5 | 1.0 | .6 | 1.23 | .71 | 1.62 | 2.16 | 1.41 | 1.49 | 1.44 | 1.58 | 1.91 | 1.45 | 1.68 | 1.48 | 1.2 | 1.19 | 1.73 | 1.15 | 1.31 | 1.18 | .82 | 1.31 | 2.11 | 1.99 | 1.51 | 2.63 | 3.0 | 3.0 | 2.0 | |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.00 | 11.17 | 13.45 | 15.95 | 16.95 | 17.55 | 18.78 | 19.49 | 21.11 | 23.27 | 24.68 | 26.17 | 27.61 | 29.19 | 31.10 | 32.55 | 34.23 | 35.71 | 36.91 | 38.10 | 39.83 | 40.98 | 42.29 | 43.47 | 44.29 | 45.60 | 47.71 | 49.70 | 51.21 | 53.84 | 56.84 | 59.84 | 61.84 |

## 7+200 *Đào:* S= 19.09m²

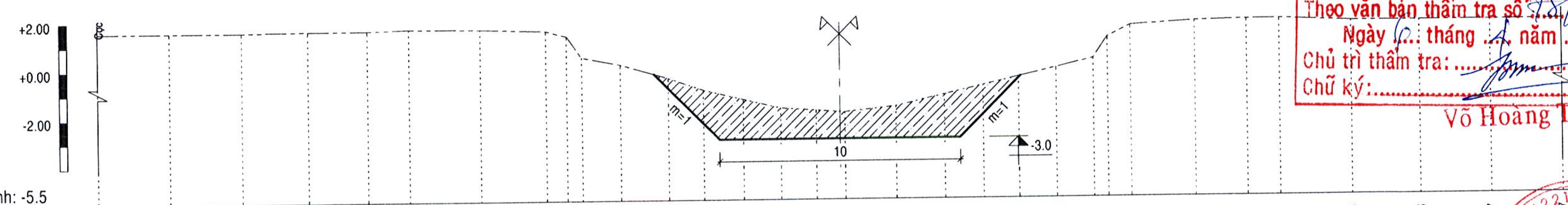


CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 98/BC.CV
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ........................
Chữ ký: ........................
Võ Hoàng Trung

Mức so sánh: -5.5

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Cao độ hiện trạng [m] | +1.57 | +1.57 | +1.57 | +1.60 | +1.60 | +1.66 | +1.63 | +1.54 | +1.32 | +0.43 | +0.12 | -0.45 | -0.95 | -1.35 | -1.72 | -1.82 | -1.90 | -1.68 | -1.21 | -0.84 | -0.50 | -0.14 | +0.22 | +1.10 | +1.58 | +1.74 | +1.79 | +1.80 | +1.68 | +1.68 | +1.67 | +1.67 |
| Khoảng cách [m] | 3.0 | 3.0 | 2.76 | 2.45 | 1.71 | 2.96 | 2.71 | .85 | .65 | 1.59 | 1.99 | 1.46 | 1.65 | 1.54 | 1.48 | 1.2 | 2.13 | 2.02 | 1.6 | 1.48 | 1.57 | 1.55 | .6 | 0.95 | 2.67 | 2.15 | 1.35 | 3.0 | 2.91 | 3.0 | 3.0 | |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 8.76 | 11.21 | 12.92 | 15.88 | 18.59 | 19.44 | 20.09 | 21.68 | 23.67 | 25.13 | 26.78 | 28.32 | 29.80 | 31.00 | 33.13 | 35.15 | 36.75 | 38.23 | 39.80 | 41.35 | 41.95 | 42.90 | 45.57 | 47.72 | 49.07 | 52.07 | 54.98 | 57.98 | 60.98 |

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 30

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

## 7+300 *Đào:* S= 22.98m²

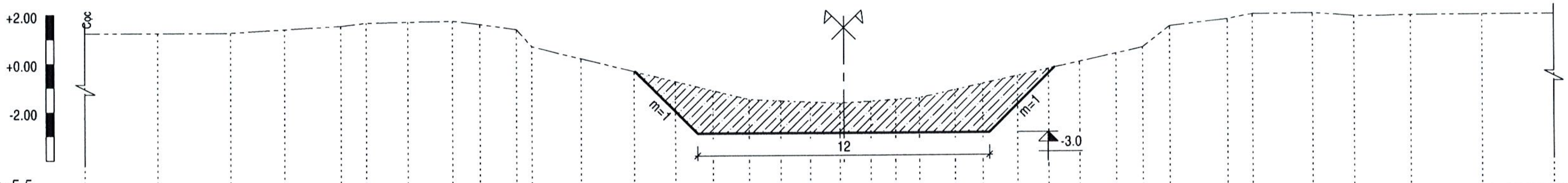


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.25 | | 0.00 |
| +1.25 | 3.0 | 3.00 |
| +1.25 | 3.0 | 6.00 |
| +1.38 | 2.2 | 8.20 |
| +1.52 | 2.31 | 10.51 |
| +1.64 | 1.05 | 11.56 |
| +1.67 | 1.71 | 13.27 |
| +1.70 | 1.83 | 15.10 |
| +1.56 | 1.13 | 16.23 |
| +1.34 | 1.48 | 17.71 |
| +0.63 | .63 | 18.34 |
| +0.12 | 2.03 | 20.37 |
| -0.42 | 2.18 | 22.55 |
| -0.85 | 1.69 | 24.24 |
| -1.24 | 1.56 | 25.80 |
| -1.61 | 1.47 | 27.27 |
| -1.67 | 1.3 | 28.57 |
| -1.72 | 1.22 | 29.79 |
| -1.77 | 1.21 | 31.00 |
| -1.70 | 1.27 | 32.27 |
| -1.63 | 1.01 | 33.28 |
| -1.57 | 0.99 | 34.27 |
| -1.24 | 1.48 | 35.75 |
| -0.99 | 1.14 | 36.89 |
| -0.68 | 1.42 | 38.31 |
| -0.39 | 1.28 | 39.59 |
| -0.11 | 1.27 | 40.86 |
| +0.22 | 1.49 | 42.35 |
| +0.46 | 1.1 | 43.45 |
| +1.33 | 1.11 | 44.56 |
| +1.60 | 2.38 | 46.94 |
| +1.80 | 1.02 | 47.96 |
| +1.82 | 2.45 | 50.41 |
| +1.69 | 1.71 | 52.12 |
| +1.69 | 2.39 | 54.51 |
| +1.70 | 3.0 | 57.51 |
| +1.70 | 3.0 | 60.51 |

## 7+400 *Đào:* S= 21.11m²

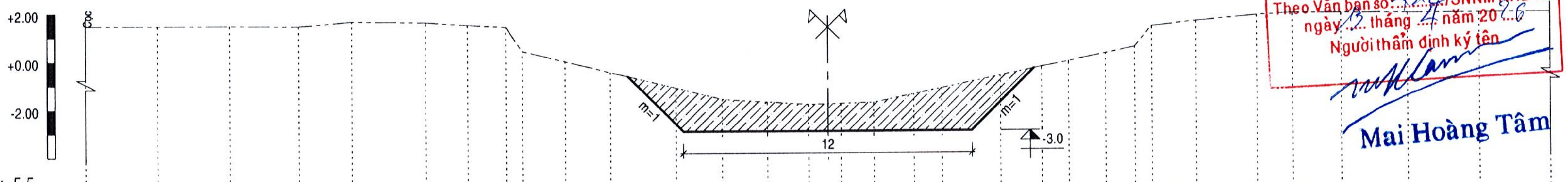


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.48 | | 0.00 |
| +1.48 | 3.0 | 3.00 |
| +1.48 | 3.0 | 6.00 |
| +1.45 | 2.85 | 8.85 |
| +1.65 | 2.2 | 11.05 |
| +1.60 | 3.08 | 14.13 |
| +1.47 | 1.73 | 15.86 |
| +1.38 | 1.58 | 17.44 |
| +0.38 | .67 | 18.11 |
| -0.06 | 1.79 | 19.90 |
| -0.52 | 1.88 | 21.78 |
| -1.19 | 2.73 | 24.51 |
| -1.67 | 1.92 | 26.43 |
| -1.79 | 1.86 | 28.29 |
| -1.90 | 1.71 | 30.00 |
| -1.86 | 1.34 | 31.34 |
| -1.82 | 1.36 | 32.70 |
| -1.47 | 1.68 | 34.38 |
| -1.23 | 1.17 | 35.55 |
| -0.72 | 2.44 | 37.99 |
| -0.36 | 1.71 | 39.70 |
| -0.14 | 1.11 | 40.81 |
| +0.18 | 1.53 | 42.34 |
| +0.43 | 1.22 | 43.56 |
| +1.29 | .71 | 44.27 |
| +1.50 | 1.85 | 46.12 |
| +1.72 | 2.51 | 48.63 |
| +1.81 | 1.47 | 50.10 |
| +1.80 | 2.03 | 52.13 |
| +1.77 | 2.87 | 55.00 |
| +1.77 | 3.0 | 58.00 |
| +1.77 | 3.0 | 61.00 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 4302/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 7+500 *Đào:* S= 19.17m²

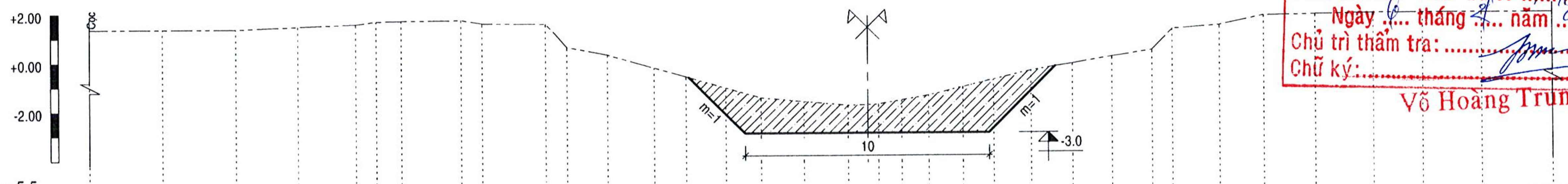


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.36 | | 0.00 |
| +1.36 | 3.0 | 3.00 |
| +1.36 | 3.0 | 6.00 |
| +1.46 | 2.52 | 8.52 |
| +1.55 | 2.37 | 10.89 |
| +1.66 | .83 | 11.72 |
| +1.68 | 1.03 | 12.75 |
| +1.70 | 2.46 | 15.21 |
| +1.56 | .85 | 16.06 |
| +1.53 | 2.58 | 18.64 |
| +0.57 | .89 | 19.53 |
| +0.25 | 1.64 | 21.17 |
| -0.30 | 1.91 | 23.08 |
| -0.67 | 1.31 | 24.39 |
| -1.14 | 1.64 | 26.03 |
| -1.55 | 1.43 | 27.46 |
| -1.71 | 1.75 | 29.21 |
| -1.87 | 1.79 | 31.00 |
| -1.83 | 1.24 | 32.24 |
| -1.66 | 0.96 | 33.20 |
| -1.47 | 1.11 | 34.31 |
| -1.13 | 1.41 | 35.72 |
| -0.83 | 1.27 | 36.99 |
| -0.47 | 1.52 | 38.51 |
| -0.19 | 1.69 | 40.20 |
| +0.08 | 1.61 | 41.81 |
| +0.33 | 1.65 | 43.46 |
| +1.19 | .83 | 44.29 |
| +1.34 | 1.94 | 46.23 |
| +1.72 | 1.8 | 48.03 |
| +1.75 | 2.09 | 50.12 |
| +1.79 | 2.39 | 52.51 |
| +1.80 | 2.11 | 54.62 |
| +1.79 | 2.44 | 57.06 |
| +1.78 | 2.94 | 60.00 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 78/BHCT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801672163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

# SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

## 7+600 *Đào:* S= 19.76m²

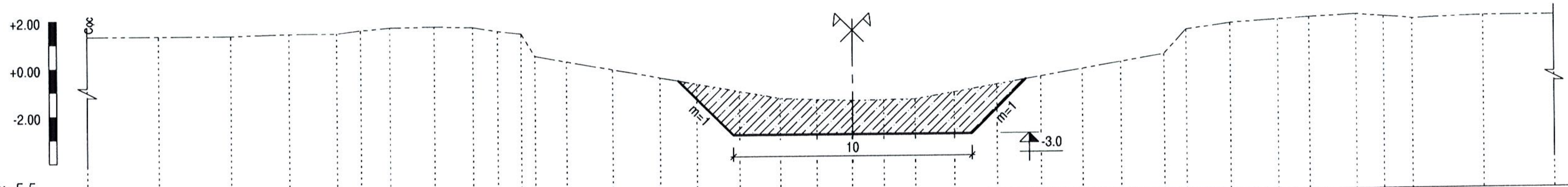


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.33 | | 0.00 |
| +1.33 | 3.0 | 3.00 |
| +1.33 | 3.0 | 6.00 |
| +1.40 | 2.44 | 8.44 |
| +1.41 | 2.0 | 10.44 |
| +1.53 | 0.99 | 11.43 |
| +1.64 | 1.22 | 12.65 |
| +1.67 | 1.86 | 14.51 |
| +1.63 | 1.61 | 16.12 |
| +1.46 | 1.04 | 17.16 |
| +1.34 | 0.99 | 18.15 |
| +0.39 | .58 | 18.73 |
| +0.14 | 1.33 | 20.06 |
| -0.20 | 1.92 | 21.98 |
| -0.56 | 1.98 | 23.96 |
| -0.84 | 1.54 | 25.50 |
| -1.17 | 1.8 | 27.30 |
| -1.48 | 1.7 | 29.00 |
| -1.54 | 1.53 | 30.53 |
| -1.59 | 1.47 | 32.00 |
| -1.57 | 1.34 | 33.34 |
| -1.54 | 1.32 | 34.66 |
| -1.26 | 1.64 | 36.30 |
| -0.95 | 1.79 | 38.09 |
| -0.63 | 1.84 | 39.93 |
| -0.33 | 1.74 | 41.67 |
| -0.05 | 1.61 | 43.28 |
| +0.26 | 1.8 | 45.08 |
| +1.28 | 0.94 | 46.02 |
| +1.54 | 1.84 | 47.86 |
| +1.66 | 2.0 | 49.86 |
| +1.75 | 1.31 | 51.17 |
| +1.85 | 1.96 | 53.13 |
| +1.74 | 1.26 | 54.39 |
| +1.63 | 1.21 | 55.60 |
| +1.74 | 3.0 | 58.60 |
| +1.74 | 3.0 | 61.60 |

## 7+700 *Đào:* S= 17.75m²

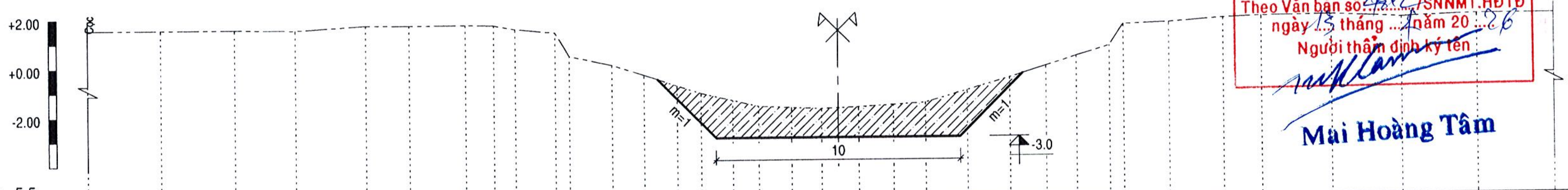


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.56 | | 0.00 |
| +1.56 | 3.0 | 3.00 |
| +1.56 | 3.0 | 6.00 |
| +1.52 | 2.48 | 8.48 |
| +1.70 | 2.88 | 11.36 |
| +1.69 | 1.77 | 13.13 |
| +1.70 | 2.3 | 15.43 |
| +1.67 | 1.16 | 16.59 |
| +1.51 | .89 | 17.48 |
| +1.36 | 1.62 | 19.10 |
| +0.39 | .59 | 19.69 |
| +0.02 | 1.73 | 21.42 |
| -0.40 | 1.31 | 22.73 |
| -0.85 | 1.35 | 24.08 |
| -1.17 | 1.0 | 25.08 |
| -1.47 | 1.3 | 26.38 |
| -1.72 | 1.06 | 27.44 |
| -1.78 | 1.34 | 28.78 |
| -1.83 | 1.22 | 30.00 |
| -1.77 | 1.52 | 31.52 |
| -1.68 | 1.44 | 32.96 |
| -1.60 | 1.32 | 34.28 |
| -1.10 | 1.71 | 35.99 |
| -0.60 | 1.74 | 37.73 |
| -0.14 | 1.49 | 39.22 |
| +0.25 | 1.25 | 40.47 |
| +0.66 | 1.34 | 41.81 |
| +1.53 | .58 | 42.39 |
| +1.60 | 1.86 | 44.25 |
| +1.76 | 2.22 | 46.47 |
| +1.82 | 1.56 | 48.03 |
| +1.85 | 2.88 | 50.91 |
| +1.72 | 2.91 | 53.82 |
| +1.83 | 3.18 | 57.00 |
| +1.83 | 3.18 | 60.18 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 4202 /SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm

## 7+800 *Đào:* S= 19.51m²

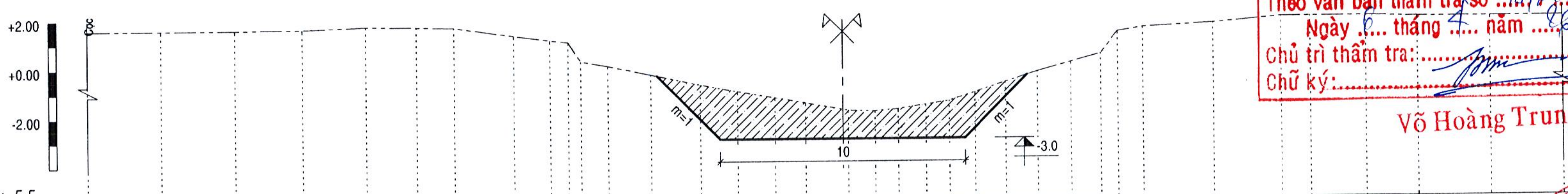


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.58 | | 0.00 |
| +1.58 | 3.0 | 3.00 |
| +1.58 | 3.0 | 6.00 |
| +1.60 | 2.75 | 8.75 |
| +1.70 | 2.58 | 11.33 |
| +1.67 | 2.06 | 13.39 |
| +1.63 | 1.53 | 14.92 |
| +1.29 | 2.45 | 17.37 |
| +1.10 | 1.46 | 18.83 |
| +1.01 | .76 | 19.59 |
| +0.21 | .5 | 20.09 |
| +0.02 | 1.1 | 21.19 |
| -0.35 | 1.74 | 22.93 |
| -0.78 | 2.03 | 24.96 |
| -1.06 | 1.54 | 26.50 |
| -1.32 | 1.52 | 28.02 |
| -1.54 | 1.24 | 29.26 |
| -1.85 | 1.74 | 31.00 |
| -1.88 | 1.1 | 32.10 |
| -1.80 | 0.95 | 33.05 |
| -1.63 | 1.13 | 34.18 |
| -1.48 | 0.95 | 35.13 |
| -1.15 | 1.04 | 36.17 |
| -0.74 | 1.26 | 37.43 |
| -0.32 | 1.31 | 38.74 |
| +0.05 | 1.37 | 40.11 |
| +0.38 | 1.21 | 41.32 |
| +1.29 | 0.71 | 42.02 |
| +1.46 | 1.03 | 43.05 |
| +1.61 | 2.86 | 45.91 |
| +1.85 | 2.79 | 48.70 |
| +1.85 | 1.19 | 49.89 |
| +1.85 | 2.24 | 52.13 |
| +1.81 | 2.22 | 54.35 |
| +1.79 | 3.0 | 57.35 |
| +1.79 | 3.0 | 60.35 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 78/BCCT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..................
Chữ ký: ..................
Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

7+900 *Đào:* S= 18.64m²

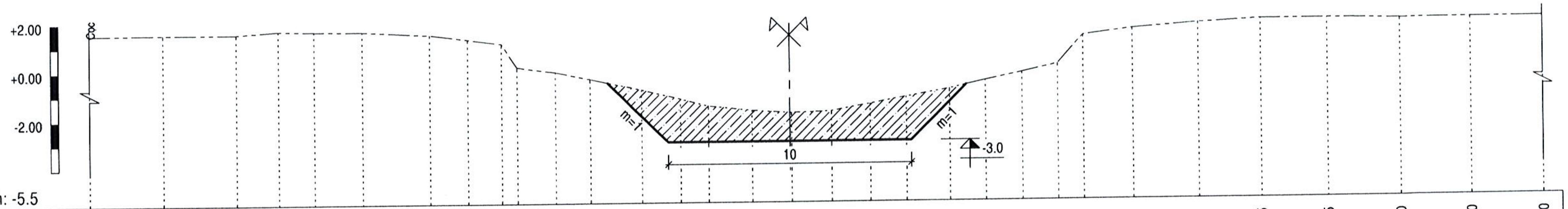


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | +1.54 | +1.55 | +1.55 | +1.67 | +1.64 | +1.62 | +1.48 | +1.28 | +1.10 | +0.12 | -0.09 | -0.39 | -0.84 | -1.23 | -1.53 | -1.72 | -1.82 | -1.77 | -1.48 | -1.21 | -0.89 | -0.56 | -0.24 | +0.08 | +1.25 | +1.51 | +1.71 | +1.85 | +1.85 | +1.80 | +1.80 | +1.80 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 1.73 | 1.46 | 1.98 | 2.75 | 1.56 | 1.38 | .64 | 1.57 | 1.43 | 2.12 | 1.57 | 1.16 | 1.79 | 1.62 | 1.66 | 1.59 | 1.48 | 1.77 | 1.48 | 1.51 | 1.47 | 1.06 | 2.01 | 2.68 | 2.57 | 2.73 | 2.99 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 7.73 | 9.19 | 11.17 | 13.92 | 15.48 | 16.86 | 17.50 | 19.07 | 20.50 | 22.62 | 24.19 | 25.35 | 27.14 | 28.76 | 30.42 | 32.01 | 33.49 | 35.26 | 36.74 | 38.25 | 39.72 | 40.78 | 42.79 | 45.47 | 48.04 | 50.77 | 53.76 | 56.76 | 59.76 |

8+000 *Đào:* S= 19.61m²

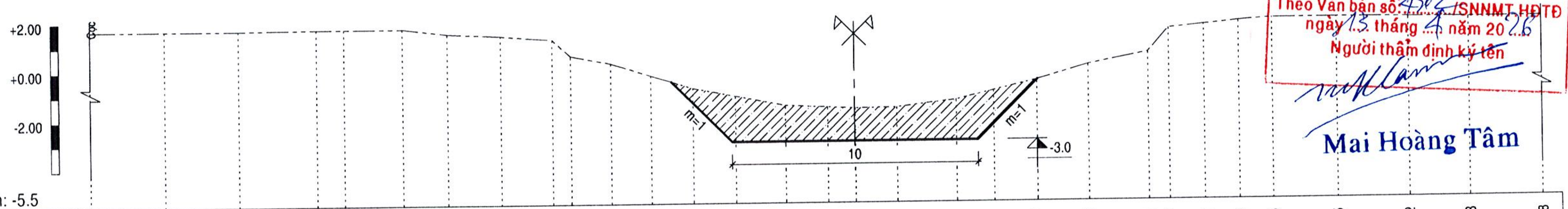


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | +1.67 | +1.67 | +1.67 | +1.70 | +1.70 | +1.70 | +1.48 | +1.38 | +1.22 | +0.54 | +0.23 | -0.28 | -0.81 | -1.14 | -1.53 | -1.61 | -1.66 | -1.64 | -1.35 | -0.99 | -0.57 | +0.03 | +0.51 | +1.47 | +1.61 | +1.75 | +1.85 | +1.85 | +1.82 | +1.78 | +1.78 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 3.16 | 1.11 | 2.36 | 1.83 | 2.15 | 2.09 | .74 | 1.64 | 1.62 | 1.69 | 1.74 | 2.01 | 1.74 | 1.12 | 1.69 | 2.4 | 1.53 | 1.76 | 2.1 | 2.41 | .84 | 1.42 | 1.41 | 1.35 | 2.62 | 2.92 | 2.55 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.16 | 10.27 | 12.63 | 14.46 | 16.61 | 18.70 | 19.44 | 21.08 | 22.70 | 24.39 | 26.13 | 28.14 | 29.88 | 31.00 | 32.69 | 35.09 | 36.62 | 38.38 | 40.48 | 42.89 | 43.73 | 45.15 | 46.56 | 47.91 | 50.53 | 53.45 | 56.00 | 59.00 |

8+100 *Đào:* S= 17.96m²

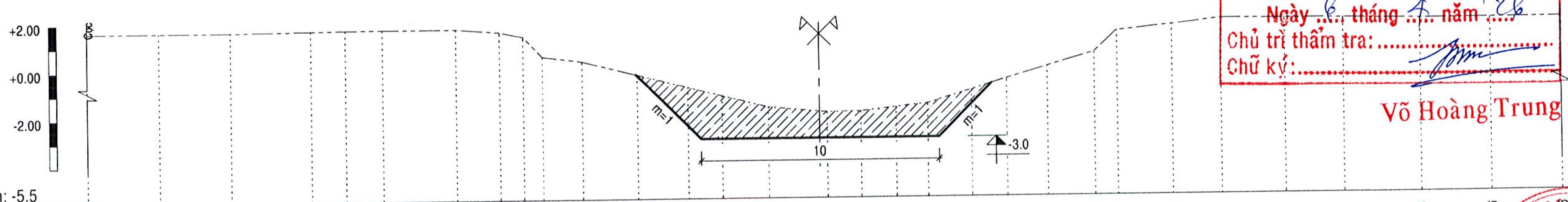


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | +1.63 | +1.63 | +1.63 | +1.67 | +1.69 | +1.70 | +1.70 | +1.55 | +1.35 | +0.50 | +0.29 | -0.30 | -0.84 | -1.20 | -1.69 | -1.91 | -1.89 | -1.73 | -1.59 | -1.03 | -0.58 | -0.08 | +0.49 | +1.38 | +1.61 | +1.85 | +1.83 | +1.81 | +1.76 | +1.76 | +1.76 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Khoảng cách [m] | | 3.0 | 3.0 | 3.37 | 1.45 | 1.54 | 3.07 | 1.82 | 1.0 | 0.8 | 1.67 | 2.31 | 2.11 | 1.44 | 1.94 | 2.48 | 1.42 | 1.47 | 1.32 | 1.86 | 1.48 | 1.72 | 1.96 | 0.95 | 2.3 | 2.05 | 2.68 | 2.46 | 3.33 | 3.0 | 3.0 |
| K/C cộng dồn [m] | 0.00 | 3.00 | 6.00 | 9.37 | 10.82 | 12.36 | 15.43 | 17.25 | 18.25 | 19.05 | 20.72 | 23.03 | 25.14 | 26.58 | 28.52 | 31.00 | 32.42 | 33.89 | 35.21 | 37.07 | 38.55 | 40.27 | 42.23 | 43.18 | 45.48 | 47.53 | 50.21 | 52.67 | 56.00 | 59.00 | 62.00 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 4302 /SNNMT-HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 58/BHCT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: .......................
Chữ ký: .......................

Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 33

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

## 8+200 *Đào:* S= 14.57m²

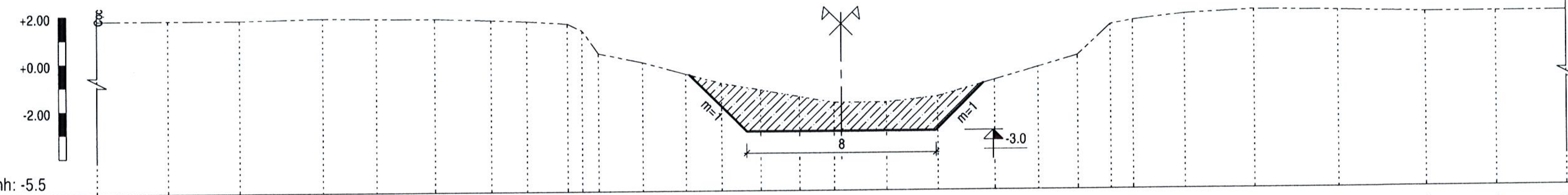


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.79 | | 0.00 |
| +1.79 | 3.0 | 3.00 |
| +1.79 | 3.0 | 6.00 |
| +1.88 | 3.5 | 9.50 |
| +1.85 | 2.25 | 11.75 |
| +1.83 | 2.45 | 14.20 |
| +1.75 | 2.35 | 16.55 |
| +1.70 | 1.5 | 18.05 |
| +1.59 | 1.73 | 19.78 |
| +1.29 | .63 | 20.41 |
| +0.32 | .69 | 21.10 |
| -0.07 | 1.85 | 22.95 |
| -0.57 | 1.82 | 24.77 |
| -0.97 | 1.49 | 26.26 |
| -1.26 | 1.65 | 27.91 |
| -1.55 | 1.64 | 29.55 |
| -1.80 | 1.45 | 31.00 |
| -1.80 | 2.22 | 33.22 |
| -1.56 | 2.17 | 35.39 |
| -0.88 | 2.38 | 37.77 |
| -0.35 | 1.83 | 39.60 |
| +0.13 | 1.66 | 41.26 |
| +1.42 | 1.4 | 42.66 |
| +1.60 | 0.95 | 43.61 |
| +1.85 | 2.17 | 45.78 |
| +2.00 | 2.9 | 48.68 |
| +1.95 | 3.53 | 52.21 |
| +1.84 | 3.79 | 56.00 |
| +1.84 | 3.0 | 59.00 |
| +1.84 | 3.0 | 62.00 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 1982/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

## 8+300 *Đào:* S= 17.47m²

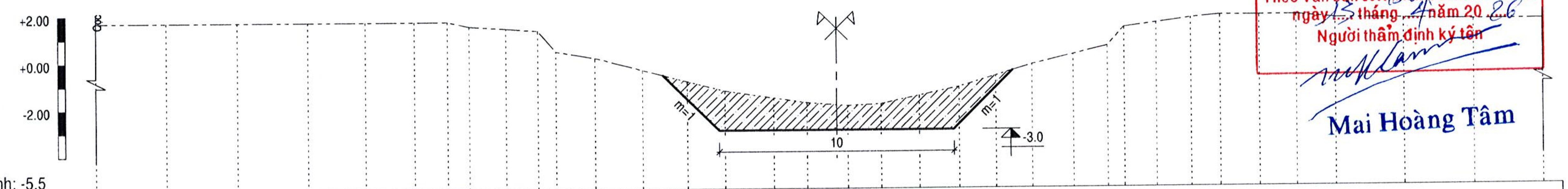


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.70 | | 0.00 |
| +1.70 | 3.0 | 3.00 |
| +1.70 | 3.0 | 6.00 |
| +1.70 | 3.0 | 9.00 |
| +1.70 | 2.43 | 11.43 |
| +1.70 | 2.08 | 13.51 |
| +1.70 | 1.38 | 14.89 |
| +1.49 | 0.92 | 15.81 |
| +1.39 | 1.56 | 17.37 |
| +1.30 | 1.35 | 18.72 |
| +0.40 | .78 | 19.50 |
| +0.12 | 1.69 | 21.19 |
| -0.41 | 2.0 | 23.19 |
| -0.91 | 1.9 | 25.09 |
| -1.32 | 1.58 | 26.67 |
| -1.63 | 2.09 | 28.76 |
| -1.84 | 1.41 | 30.17 |
| -1.97 | 1.73 | 31.90 |
| -1.90 | 1.43 | 33.33 |
| -1.55 | 1.63 | 34.96 |
| -1.19 | 1.69 | 36.65 |
| -0.72 | 1.55 | 38.20 |
| -0.25 | 1.54 | 39.74 |
| +0.17 | 1.75 | 41.49 |
| +0.52 | 1.47 | 42.96 |
| +1.31 | .72 | 43.68 |
| +1.49 | 1.36 | 45.04 |
| +1.69 | 1.45 | 46.49 |
| +1.80 | 1.23 | 47.72 |
| +1.79 | 1.66 | 49.38 |
| +1.79 | 1.58 | 50.96 |
| +1.65 | 1.66 | 52.62 |
| +1.60 | 3.0 | 55.62 |
| +1.53 | 3.0 | 58.62 |
| +1.53 | 3.0 | 61.62 |

## 8+400 *Đào:* S= 19.66m²

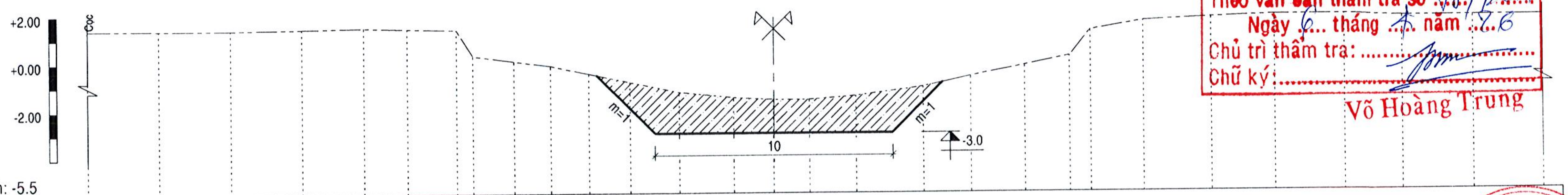


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.40 | | 0.00 |
| +1.39 | 3.0 | 3.00 |
| +1.39 | 3.0 | 6.00 |
| +1.43 | 3.0 | 9.00 |
| +1.48 | 2.58 | 11.58 |
| +1.43 | 1.82 | 13.40 |
| +1.38 | 2.04 | 15.44 |
| +0.28 | .69 | 16.13 |
| +0.05 | 1.73 | 17.86 |
| -0.15 | 1.54 | 19.40 |
| -0.49 | 1.64 | 21.04 |
| -0.85 | 1.71 | 22.75 |
| -1.28 | 2.07 | 24.82 |
| -1.51 | 2.28 | 27.10 |
| -1.60 | 1.67 | 28.77 |
| -1.60 | 1.51 | 30.28 |
| -1.45 | 1.97 | 32.25 |
| -1.08 | 2.84 | 35.09 |
| -0.65 | 1.99 | 37.08 |
| -0.21 | 2.26 | 39.34 |
| +0.17 | 1.89 | 41.23 |
| +1.25 | .89 | 42.12 |
| +1.63 | 2.23 | 44.35 |
| +1.76 | 2.83 | 47.18 |
| +1.85 | 2.66 | 49.84 |
| +1.85 | 2.93 | 52.77 |
| +1.76 | 2.51 | 55.28 |
| +1.76 | 3.0 | 58.28 |
| +1.76 | 3.0 | 61.28 |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 78/BCTT
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........

Võ Hoàng Trung

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM - THÀNH PHỐ CẦN THƠ - M.S.D.N: 1801622160 - C.T.T.N.H.H

CN: 34

SỬA CHỮA, NẠO VÉT KÊNH ĐÔNG PHÁP

CẮT NGANG THIẾT KẾ
[TL: 1/200]

8+500 *Đào:* S= 19.08m²

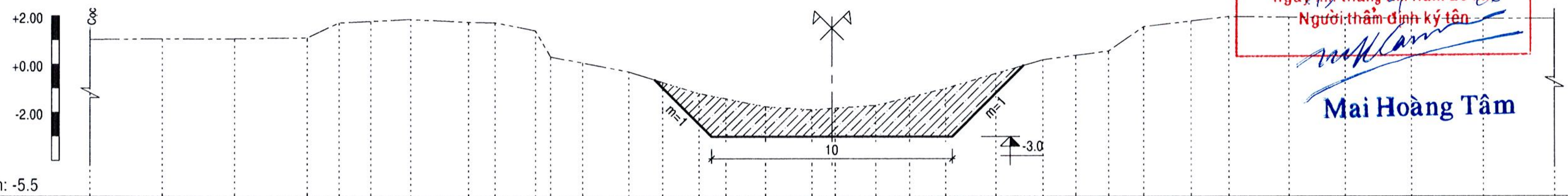


Mức so sánh: -5.5

| Cao độ hiện trạng [m] | Khoảng cách [m] | K/C cộng dồn [m] |
|---|---|---|
| +1.02 | | 0.00 |
| | 3.0 | |
| +1.06 | | 3.00 |
| | 3.0 | |
| +1.06 | | 6.00 |
| | 3.0 | |
| +1.10 | | 9.00 |
| | 1.32 | |
| +1.72 | | 10.32 |
| | 1.31 | |
| +1.78 | | 11.63 |
| | 1.66 | |
| +1.86 | | 13.29 |
| | 2.4 | |
| +1.75 | | 15.69 |
| | 1.1 | |
| +1.73 | | 16.79 |
| | 1.65 | |
| +1.40 | | 18.44 |
| | .63 | |
| +0.31 | | 19.07 |
| | 1.35 | |
| +0.06 | | 20.42 |
| | 1.91 | |
| -0.31 | | 22.33 |
| | 1.42 | |
| -0.75 | | 23.75 |
| | 1.5 | |
| -1.21 | | 25.25 |
| | 1.12 | |
| -1.43 | | 26.37 |
| | 1.63 | |
| -1.76 | | 28.00 |
| | 1.93 | |
| -1.89 | | 29.93 |
| | 0.97 | |
| -1.82 | | 30.90 |
| | 1.69 | |
| -1.71 | | 32.59 |
| | 1.4 | |
| -1.37 | | 33.99 |
| | 1.5 | |
| -1.00 | | 35.49 |
| | 2.09 | |
| -0.38 | | 37.58 |
| | 1.96 | |
| +0.19 | | 39.54 |
| | 1.36 | |
| +0.37 | | 40.90 |
| | 1.35 | |
| +0.55 | | 42.25 |
| | 1.46 | |
| +1.56 | | 43.71 |
| | 1.97 | |
| +1.79 | | 45.68 |
| | 1.57 | |
| +1.98 | | 47.25 |
| | 2.47 | |
| +1.95 | | 49.72 |
| | 2.34 | |
| +1.93 | | 52.06 |
| | 2.87 | |
| +1.88 | | 54.93 |
| | 3.0 | |
| +1.88 | | 57.93 |
| | 3.0 | |
| +1.88 | | 60.93 |

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
**THẨM ĐỊNH**
Theo Văn bản số 1502/SNNMT.HĐTĐ
ngày 13 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**
Theo văn bản thẩm tra số 78/BHg
Ngày 6 tháng 4 năm 26
Chủ trì thẩm tra: ..........
Chữ ký: ..........

Võ Hoàng Trung

M.S.D.N: 1801622163 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CN: 35